

Số: 20 /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 670.4
	Ngày: 14/8

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, Cục ĐĐBĐVN.

Đã *quyết*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VẤN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH PHÚ THỌ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2013/TT-BTNMT
ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Phú Thọ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, TX. là chữ viết tắt của “thị xã”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
TỈNH PHÚ THỌ

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Việt Trì	3
2	Thị xã Phú Thọ	10
3	Huyện Cẩm Khê	14
4	Huyện Đoan Hùng	25
5	Huyện Hạ Hòa	36
6	Huyện Lâm Thao	52
7	Huyện Phù Ninh	56
8	Huyện Tam Nông	64
9	Huyện Tân Sơn	70
10	Huyện Thanh Ba	84
11	Huyện Thanh Sơn	96
12	Huyện Thanh Thủy	114
13	Huyện Yên Lập	119

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Bạch Hạc	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 49"	105° 26' 17"					F-48-67-B-d
khu Đoàn Kết	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 27"	105° 26' 13"					F-48-67-B-d
khu Lang Đài	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 18"	105° 26' 37"					F-48-67-B-d
khu Mộ Chu Hạ	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 16' 44"	105° 26' 35"					F-48-67-B-d
khu Mộ Chu Thượng	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 24"	105° 26' 21"					F-48-67-B-d
xóm Mới	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 29"	105° 26' 34"					F-48-67-B-d
khu Phong Châu	DC	P. Bạch Hạc	TP. Việt Trì	21° 17' 58"	105° 26' 37"					F-48-67-B-d
khu Hồng Hà 2	DC	P. Bến Gót	TP. Việt Trì	21° 17' 55"	105° 25' 58"					F-48-67-B-d
khu Việt Hưng	DC	P. Bến Gót	TP. Việt Trì	21° 18' 08"	105° 25' 31"					F-48-67-B-d
cầu Việt Trì	KX	P. Bến Gót	TP. Việt Trì	21° 18' 03"	105° 26' 30"					F-48-67-B-d
cảng Việt Trì	KX	P. Bến Gót	TP. Việt Trì	21° 18' 04"	105° 26' 14"					F-48-67-B-d
ga Việt Trì	KX	P. Bến Gót	TP. Việt Trì	21° 18' 05"	105° 25' 46"					F-48-67-B-d
xóm An Miên	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 14"	105° 24' 46"					F-48-67-B-d
xóm Chu Ba	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 22"	105° 24' 23"					F-48-67-B-d
xóm Đình	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 17"	105° 23' 54"					F-48-67-B-d
khu Dữu Lâu	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 21"	105° 24' 38"					F-48-67-B-d
xóm Hóc Tha	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 35"	105° 23' 17"					F-48-67-B-d
khu Hương Trám	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 12"	105° 23' 15"					F-48-67-B-d
xóm Miếu	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 19' 53"	105° 23' 49"					F-48-67-B-d
khu Quế Trạo	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 33"	105° 23' 43"					F-48-67-B-d
làng trẻ SOS	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 19' 48"	105° 23' 26"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Trại	DC	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 04"	105° 24' 08"							F-48-67-B-d
đồi Trại Gà	SV	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 36"	105° 24' 04"							F-48-67-B-d
sông Lô	TV	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì			21° 21' 04"	105° 23' 59"	21° 20' 16"	105° 25' 27"			F-48-67-B-d
bến phà Đức Bắc	KX	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 47"	105° 24' 24"							F-48-67-B-d
đỉnh Dữu Lâu	KX	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì	21° 20' 27"	105° 24' 32"							F-48-67-B-d
đường Trần Phú	KX	P. Dữu Lâu	TP. Việt Trì			21° 19' 58"	105° 24' 07"	21° 20' 40"	105° 24' 14"			F-48-67-B-d
Đồi Lãng Cầm	DC	P. Gia Cầm	TP. Việt Trì	21° 19' 21"	105° 23' 37"							F-48-67-B-d
xóm Gia Vương	DC	P. Gia Cầm	TP. Việt Trì	21° 18' 50"	105° 23' 25"							F-48-67-B-d
đường Hùng Vương	KX	P. Gia Cầm	TP. Việt Trì			21° 19' 31"	105° 22' 51"	21° 18' 52"	105° 23' 33"			F-48-67-B-d
khu 5	DC	P. Nông Trang	TP. Việt Trì	21° 20' 14"	105° 22' 49"							F-48-67-B-d
khu 1B	DC	P. Nông Trang	TP. Việt Trì	21° 19' 52"	105° 23' 14"							F-48-67-B-d
khu 2B	DC	P. Nông Trang	TP. Việt Trì	21° 19' 44"	105° 22' 50"							F-48-67-B-d
khu 6C	DC	P. Nông Trang	TP. Việt Trì	21° 20' 13"	105° 22' 28"							F-48-67-B-d
xóm Mộ Xi	DC	P. Tân Dân	TP. Việt Trì	21° 19' 24"	105° 24' 09"							F-48-67-B-d
khu 10	DC	P. Thanh Miếu	TP. Việt Trì	21° 18' 46"	105° 25' 68"							F-48-67-B-d
khu 11	DC	P. Thanh Miếu	TP. Việt Trì	21° 18' 20"	105° 25' 33"							F-48-67-B-d
khu 12	DC	P. Thanh Miếu	TP. Việt Trì	21° 18' 30"	105° 25' 35"							F-48-67-B-d
khu 13	DC	P. Thanh Miếu	TP. Việt Trì	21° 18' 48"	105° 25' 34"							F-48-67-B-d
đường Hùng Vương	KX	P. Thọ Sơn	TP. Việt Trì			21° 18' 15"	105° 24' 46"	21° 18' 13"	105° 25' 00"			F-48-67-B-d
khu Đoàn kết	DC	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 36"	105° 23' 38"							F-48-67-B-d
khu Hồng Hà	DC	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 26"	105° 23' 49"							F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Thọ Mai	DC	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 31"	105° 24' 23"					F-48-67-B-d
khu Tiên Phong	DC	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 42"	105° 24' 08"					F-48-67-B-d
khu Tiên Sơn	DC	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 59"	105° 24' 04"					F-48-67-B-d
đền Tiên	KX	P. Tiên Cát	TP. Việt Trì	21° 18' 28"	105° 23' 39"					F-48-67-B-d
khu 8A	DC	xã Chu Hóa	TP. Việt Trì	21° 21' 16"	105° 19' 33"					F-48-67-B-c
làng Hạ	DC	xã Chu Hóa	TP. Việt Trì	21° 20' 02"	105° 18' 00"					F-48-67-B-c
xóm Ngọc Tinh	DC	xã Chu Hóa	TP. Việt Trì	21° 19' 42"	105° 18' 09"					F-48-67-B-c
làng Thượng	DC	xã Chu Hóa	TP. Việt Trì	21° 20' 52"	105° 17' 55"					F-48-67-B-c
xóm Vàng	DC	xã Chu Hóa	TP. Việt Trì	21° 20' 10"	105° 17' 29"					F-48-67-B-c
xóm Ngà	DC	xã Hùng Lô	TP. Việt Trì	21° 22' 33"	105° 22' 55"					F-48-67-B-b
xóm Rế	DC	xã Hùng Lô	TP. Việt Trì	21° 22' 11"	105° 22' 49"					F-48-67-B-d
xóm Tứ Nhị Hồ	DC	xã Hùng Lô	TP. Việt Trì	21° 22' 23"	105° 23' 05"					F-48-67-B-d
xóm Văn Tiến	DC	xã Hùng Lô	TP. Việt Trì	21° 21' 51"	105° 23' 10"					F-48-67-B-d
xóm Xung	DC	xã Hùng Lô	TP. Việt Trì	21° 22' 03"	105° 22' 49"					F-48-67-B-d
khu 1	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 21' 46"	105° 18' 23"					F-48-67-B-c
khu Ba Hàng	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 21' 51"	105° 19' 54"					F-48-67-B-c
thôn Đại Phú	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 03"	105° 18' 39"					F-48-67-B-c
xóm Hợp Trám	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 15"	105° 20' 11"					F-48-67-B-c
xóm Nhà Phèo	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 57"	105° 18' 53"					F-48-67-B-a
xóm Phán Bùng	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 21' 44"	105° 18' 59"					F-48-67-B-c
xóm Phán Trà	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 17"	105° 19' 40"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Phú Thị	DC	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 21' 34"	105° 18' 40"					F-48-67-B-c
quốc lộ 2	KX	xã Hy Cương	TP. Việt Trì			21° 22' 28"	105° 20' 18"	21° 22' 09"	105° 20' 33"	F-48-67-B-c
đền Hùng	KX	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 10"	105° 19' 20"					F-48-67-B-c
đền thờ Mẫu Âu Cơ	KX	xã Hy Cương	TP. Việt Trì	21° 22' 38"	105° 19' 19"					F-48-67-B-a
thôn Bờ Đặng	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 22' 29"	105° 21' 42"					F-48-67-B-a
xóm Chung	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 22' 34"	105° 22' 00"					F-48-67-B-a
xóm Đàm	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 23' 39"	105° 21' 39"					F-48-67-B-a
thôn Duy Nhất	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 22' 07"	105° 22' 01"					F-48-67-B-c
xóm Hội	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 22' 38"	105° 21' 24"					F-48-67-B-a
thôn Kim Tiến	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 23' 10"	105° 21' 24"					F-48-67-B-a
xóm Mực	DC	xã Kim Đức	TP. Việt Trì	21° 22' 47"	105° 22' 13"					F-48-67-B-a
đường tỉnh 323B	KX	xã Kim Đức	TP. Việt Trì			21° 22' 08"	105° 20' 32"	21° 22' 29"	105° 22' 22"	F-48-67-B-c
khu Hồng Hải	DC	xã Minh Nông	TP. Việt Trì	21° 18' 35"	105° 22' 44"					F-48-67-B-d
khu Minh Bọt	DC	xã Minh Nông	TP. Việt Trì	21° 18' 57"	105° 22' 26"					F-48-67-B-c
khu Minh Tân	DC	xã Minh Nông	TP. Việt Trì	21° 18' 44"	105° 23' 02"					F-48-67-B-d
khu Thông Đậu	DC	xã Minh Nông	TP. Việt Trì	21° 19' 08"	105° 22' 48"					F-48-67-B-d
khu Cao Đại	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 30"	105° 21' 56"					F-48-67-B-c
khu Gò Tôm	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 31"	105° 21' 34"					F-48-67-B-c
khu Hợp Phương	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 52"	105° 22' 15"					F-48-67-B-c
khu Liên Minh	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 53"	105° 21' 42"					F-48-67-B-c
khu Liên Phương	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 44"	105° 22' 11"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Tân Phương	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 35"	105° 22' 15"					F-48-67-B-c
khu Trung Phương	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 19' 19"	105° 22' 15"					F-48-67-B-c
khu Văn Cơ	DC	xã Minh Phương	TP. Việt Trì	21° 20' 03"	105° 22' 06"					F-48-67-B-c
thôn An Thái	DC	xã Phương Lâu	TP. Việt Trì	21° 21' 50"	105° 22' 19"					F-48-67-B-c
thôn Phương An	DC	xã Phương Lâu	TP. Việt Trì	21° 21' 27"	105° 23' 05"					F-48-67-B-c
thôn Phương Lâu	DC	xã Phương Lâu	TP. Việt Trì	21° 21' 16"	105° 23' 17"					F-48-67-B-c
sông Lô	TV	xã Phương Lâu	TP. Việt Trì			21° 21' 54"	105° 23' 27"	21° 21' 04"	105° 23' 59"	F-48-67-B-c
khu 1	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 19' 20"	105° 26' 12"					F-48-67-B-d
khu 2	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 19' 09"	105° 26' 14"					F-48-67-B-d
khu 3	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 55"	105° 26' 17"					F-48-67-B-d
khu 4	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 51"	105° 26' 41"					F-48-67-B-d
khu 5	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 32"	105° 26' 49"					F-48-67-B-d
khu 6	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 17"	105° 26' 46"					F-48-67-B-d
khu 7	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 28"	105° 26' 01"					F-48-67-B-d
khu 8	DC	xã Sông Lô	TP. Việt Trì	21° 18' 53"	105° 25' 51"					F-48-67-B-d
sông Lô	TV	xã Sông Lô	TP. Việt Trì			21° 19' 27"	105° 26' 39"	21° 15' 57"	105° 26' 33"	F-48-67-B-d
khu 1	DC	xã Tân Đức	TP. Việt Trì	21° 18' 39"	105° 21' 55"					F-48-67-B-c
khu 2	DC	xã Tân Đức	TP. Việt Trì	21° 18' 51"	105° 21' 54"					F-48-67-B-c
khu 3	DC	xã Tân Đức	TP. Việt Trì	21° 19' 49"	105° 21' 45"					F-48-67-B-c
khu 4	DC	xã Tân Đức	TP. Việt Trì	21° 18' 41"	105° 21' 38"					F-48-67-B-c
sông Hồng	TV	xã Tân Đức	TP. Việt Trì			21° 18' 26"	105° 22' 09"	21° 16' 57"	105° 21' 22"	F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
kh. 1	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 29"	105° 18' 27"							F-48-67-B-c
kh. 2	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 45"	105° 18' 30"							F-48-67-B-c
kh. 3	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 50"	105° 18' 53"							F-48-67-B-c
kh. 4	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 20' 14"	105° 19' 03"							F-48-67-B-c
kh. 5	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 20' 05"	105° 19' 16"							F-48-67-B-c
kh. 6	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 20' 12"	105° 19' 27"							F-48-67-B-c
kh. 7	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 20' 33"	105° 19' 40"							F-48-67-B-c
kh. 8	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 20' 00"	105° 19' 48"							F-48-67-B-c
kh. 9	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 37"	105° 19' 36"							F-48-67-B-c
kh. 10	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 48"	105° 19' 18"							F-48-67-B-c
kh. 11	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 30"	105° 19' 19"							F-48-67-B-c
kh. 12	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 10"	105° 19' 24"							F-48-67-B-c
kh. 13	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 19"	105° 19' 02"							F-48-67-B-c
kh. 14	DC	xã Thanh Đình	TP. Việt Trì	21° 19' 23"	105° 18' 49"							F-48-67-B-c
thôn Cẩm Đội	DC	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 19' 34"	105° 21' 16"							F-48-67-B-c
xóm Ngoại	DC	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 19' 04"	105° 20' 43"							F-48-67-B-c
thôn Nỗ Lực	DC	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 18' 53"	105° 21' 38"							F-48-67-B-c
thôn Phú Hậu	DC	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 19' 30"	105° 20' 14"							F-48-67-B-c
thôn Phú Thịnh	DC	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 19' 17"	105° 20' 27"							F-48-67-B-c
KCN Thụy Vân	KX	xã Thụy Vân	TP. Việt Trì	21° 20' 23"	105° 20' 54"							F-48-67-B-c
xóm Đình	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 08"	105° 24' 54"							F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Đĩnh	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 40"	105° 24' 38"							F-48-67-B-d
xóm Đồi Mai	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 44"	105° 24' 56"							F-48-67-B-d
xóm Gạo	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 56"	105° 25' 24"							F-48-67-B-d
xóm Láng	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 52"	105° 24' 44"							F-48-67-B-d
xóm Mỏ	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 25"	105° 24' 24"							F-48-67-B-d
xóm Mới	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 27"	105° 25' 31"							F-48-67-B-d
xóm Nội	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 44"	105° 25' 16"							F-48-67-B-d
xóm Quế	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 29"	105° 24' 40"							F-48-67-B-d
xóm Sỏi	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 24"	105° 25' 14"							F-48-67-B-d
xóm Thịnh	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 13"	105° 24' 39"							F-48-67-B-d
xóm Thọ	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 25"	105° 24' 53"							F-48-67-B-d
xóm Ươm	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 41"	105° 25' 48"							F-48-67-B-d
xóm Vòng	DC	xã Trung Vương	TP. Việt Trì	21° 19' 49"	105° 25' 39"							F-48-67-B-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	xã Trung Vương	TP. Việt Trì			21° 19' 15"	105° 24' 17"	21° 18' 54"	105° 24' 49"			F-48-67-B-d
khu 1	DC	xã Văn Phú	TP. Việt Trì	21° 22' 05"	105° 20' 36"							F-48-67-B-c
khu 2	DC	xã Văn Phú	TP. Việt Trì	21° 21' 18"	105° 20' 30"							F-48-67-B-c
khu 3	DC	xã Văn Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 47"	105° 21' 11"							F-48-67-B-c
khu 4	DC	xã Văn Phú	TP. Việt Trì	21° 21' 15"	105° 21' 10"							F-48-67-B-c
khu 5	DC	xã Văn Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 36"	105° 22' 49"							F-48-67-B-d
khu 6	DC	xã Văn Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 39"	105° 21' 56"							F-48-67-B-c
khu 7	DC	xã Văn Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 34"	105° 22' 23"							F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kh. 8	DC	xã Văn Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 58"	105° 22' 10"					F-48-67-B-c
núi Đỉnh	SV	xã Văn Phú	TP. Việt Trì	21° 21' 07"	105° 20' 10"					F-48-67-B-c
cầu Phú Nang	KX	xã Văn Phú	TP. Việt Trì	21° 20' 44"	105° 21' 30"					F-48-67-B-c
cầu Giếng Chanh	KX	P. Âu Cơ	TX. Phú Thọ	21° 24' 03"	105° 13' 00"					F-48-67-A-b
ga Phú Thọ	KX	P. Phong Châu	TX. Phú Thọ	21° 24' 12"	105° 13' 20"					F-48-67-A-b
xóm Cao Bang	DC	P. Trường Thịnh	TX. Phú Thọ	21° 23' 40"	105° 12' 50"					F-48-67-A-b
xóm Phú An	DC	P. Trường Thịnh	TX. Phú Thọ	21° 24' 21"	105° 12' 01"					F-48-67-A-b
xóm Phú Liêm	DC	P. Trường Thịnh	TX. Phú Thọ	21° 24' 41"	105° 12' 13"					F-48-67-A-b
xóm Phú Lợi	DC	P. Trường Thịnh	TX. Phú Thọ	21° 24' 26"	105° 13' 41"					F-48-67-A-b
kh. 7	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 33"	105° 13' 31"					F-48-67-A-b
kh. 8	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 13"	105° 13' 30"					F-48-67-A-b
kh. 15	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 00"	105° 13' 02"					F-48-67-A-b
xóm Cốc	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 24' 37"	105° 14' 02"					F-48-67-A-b
xóm Đát	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 52"	105° 14' 15"					F-48-67-A-b
xóm Đồng Xuân	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 27' 20"	105° 13' 33"					F-48-67-A-b
xóm Láng	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 34"	105° 13' 26"					F-48-67-A-b
Lều Thờ	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 56"	105° 13' 14"					F-48-67-A-b
xóm Lò Rèn	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 48"	105° 13' 21"					F-48-67-A-b
làng Long Ân	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 03"	105° 14' 13"					F-48-67-A-b
xóm Nhà Thờ	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 54"	105° 13' 54"					F-48-67-A-b
xóm Ó Rỗng	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 40"	105° 13' 58"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Quân Danh	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 27' 01"	105° 13' 44"					F-48-67-A-b
xóm Rừng Nụ	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 47"	105° 13' 31"					F-48-67-A-b
xóm Sáu	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 25' 25"	105° 13' 51"					F-48-67-A-b
xóm Thông Bay	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 27' 31"	105° 13' 41"					F-48-67-A-b
xóm Trại	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 12"	105° 13' 48"					F-48-67-A-b
xóm Xuân Dục	DC	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 27' 25"	105° 13' 55"					F-48-67-A-b
đường tỉnh 315B	KX	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ			21° 25' 46"	105° 12' 58"	21° 26' 38"	105° 13' 49"	F-48-67-A-b
Liên đoàn Địa chất Tây Bắc	KX	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 29' 39"	105° 13' 18"					F-48-67-A-b
cầu Thia	KX	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 18"	105° 13' 31"					F-48-67-A-b
cầu Thia	KX	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 19"	105° 13' 19"					F-48-67-A-b
cầu Văn Thê	KX	xã Hà Lộc	TX. Phú Thọ	21° 26' 39"	105° 13' 49"					F-48-67-A-b
xóm Đồi	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 24' 06"	105° 15' 36"					F-48-67-B-a
xóm Hoàng Năm	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 18"	105° 15' 08"					F-48-67-B-a
xóm Hưng Đạo	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 24' 08"	105° 14' 35"					F-48-67-A-b
xóm Hùng Thao	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 39"	105° 14' 35"					F-48-67-A-b
xóm Lê Lợi	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 42"	105° 15' 45"					F-48-67-B-a
xóm Lũng Thượng	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 24' 29"	105° 14' 46"					F-48-67-A-b
xóm Ngọc Tháp	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 55"	105° 14' 09"					F-48-67-A-b
xóm Ngũ Phúc	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 59"	105° 15' 12"					F-48-67-B-a
xóm Phong Đăng	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 25' 38"	105° 15' 12"					F-48-67-B-a
xóm Phú Cả	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 55"	105° 14' 49"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Phú Thịnh	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 22"	105° 15' 42"							F-48-67-B-a
xóm Thiện Mỹ	DC	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 41"	105° 15' 03"							F-48-67-B-a
đường tỉnh 320B	KX	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ					21° 24' 34"	105° 14' 38"	21° 23' 23"	105° 14' 46"	F-48-67-A-b
chùa Ngọc Tháp	KX	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 53"	105° 14' 07"							F-48-67-A-b
bến phà Ngọc Tháp	KX	xã Hà Thạch	TX. Phú Thọ	21° 23' 47"	105° 14' 06"							F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 27"	105° 14' 42"							F-48-67-A-b
khu 14	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 30"	105° 13' 53"							F-48-67-A-b
khu 18	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 56"	105° 14' 30"							F-48-67-A-b
làng An Xuân	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 25' 53"	105° 15' 37"							F-48-67-B-a
xóm Ao Cá	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 49"	105° 15' 43"							F-48-67-B-a
xóm Cao Dao	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 25"	105° 15' 07"							F-48-67-B-a
xóm Cầu Quan	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 25"	105° 14' 25"							F-48-67-A-b
xóm Đồng Giò	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 52"	105° 16' 47"							F-48-67-B-a
xóm Đồng Gianh	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 40"	105° 14' 42"							F-48-67-A-b
xóm Lũng Hoi	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 26"	105° 15' 36"							F-48-67-B-a
làng Nậu Phú	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 22"	105° 16' 00"							F-48-67-B-a
xóm Nhà Bò	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 22"	105° 15' 03"							F-48-67-B-a
làng Phú Cường	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 24' 48"	105° 16' 18"							F-48-67-B-a
xóm Trại Khế	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 01"	105° 15' 02"							F-48-67-A-b
xóm Việt Cường	DC	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 06"	105° 16' 37"							F-48-67-B-a
quốc lộ 2	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ					21° 27' 32"	105° 14' 23"	21° 26' 39"	105° 16' 51"	F-48-67-A-b, F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 315	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ			21° 26' 38"	105° 13' 49"	21° 26' 57"	105° 14' 20"	F-48-67-A-b
Công ty Hóa chất 21	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 39"	105° 15' 13"					F-48-67-B-a
chùa Phú Cường	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 24' 54"	105° 16' 04"					F-48-67-B-a
cầu Phú Hộ	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 26' 51"	105° 14' 17"					F-48-67-A-b
cầu Quan	KX	xã Phú Hộ	TX. Phú Thọ	21° 27' 32"	105° 14' 23"					F-48-67-A-b
xóm Gò	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 23' 31"	105° 12' 09"					F-48-67-A-b
Hạ Mạo	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 22' 34"	105° 12' 13"					F-48-67-A-b
xóm Lý	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 23' 21"	105° 11' 44"					F-48-67-A-b
xóm Mới	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 23' 44"	105° 12' 05"					F-48-67-A-b
thôn Thanh Lâu	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 23' 14"	105° 12' 22"					F-48-67-A-b
xóm Văn	DC	xã Thanh Minh	TX. Phú Thọ	21° 23' 05"	105° 11' 54"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Thanh Vinh	TX. Phú Thọ	21° 24' 42"	105° 11' 26"					F-48-67-A-b
xóm Ba Hàng	DC	xã Thanh Vinh	TX. Phú Thọ	21° 23' 59"	105° 11' 04"					F-48-67-A-b
xóm Ba Miệng	DC	xã Thanh Vinh	TX. Phú Thọ	21° 24' 42"	105° 10' 59"					F-48-67-A-b
xóm Thanh Viên	DC	xã Thanh Vinh	TX. Phú Thọ	21° 25' 04"	105° 11' 38"					F-48-67-A-b
xóm Trại Soi	DC	xã Thanh Vinh	TX. Phú Thọ	21° 24' 14"	105° 11' 20"					F-48-67-A-b
làng An Ninh Hạ	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 29"	105° 12' 55"					F-48-67-A-b
làng An Ninh Thượng	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 25"	105° 12' 06"					F-48-67-A-b
xóm Cổ Gắng	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 00"	105° 12' 11"					F-48-67-A-b
xóm Công Thành	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 40"	105° 12' 49"					F-48-67-A-b
xóm Đoàn Kết	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 37"	105° 13' 03"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Độc Đình	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 45"	105° 13' 05"							F-48-67-A-b
xóm Đồi Mới	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 16"	105° 12' 12"							F-48-67-A-b
xóm Hòa Bình	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 291"	105° 12' 00"							F-48-67-A-b
xóm Mỏ Cò	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 59"	105° 12' 37"							F-48-67-A-b
xóm Núi Trên	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 10"	105° 12' 54"							F-48-67-A-b
thôn Thống Nhất	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 58"	105° 13' 23"							F-48-67-A-b
làng Trù Mật	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 29"	105° 13' 08"							F-48-67-A-b
xóm Vĩnh Quang	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 42"	105° 12' 19"							F-48-67-A-b
xóm Vườn Hên	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 15"	105° 12' 33"							F-48-67-A-b
thôn Xuân Thành	DC	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 58"	105° 12' 45"							F-48-67-A-b
đường tỉnh 315	KX	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ			21° 24' 35"	105° 12' 41"	21° 25' 46"	105° 12' 41"	105° 12' 58"		F-48-67-A-b
cầu Quảng	KX	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 24' 35"	105° 12' 41"							F-48-67-A-b
cầu Rộc	KX	xã Văn Lung	TX. Phú Thọ	21° 25' 46"	105° 12' 58"							F-48-67-A-b
thôn Bình Phú	DC	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê	21° 25' 24"	105° 08' 19"							F-48-67-A-b
thôn Đông Viên	DC	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê	21° 25' 43"	105° 08' 16"							F-48-67-A-b
thôn Vực Cầu	DC	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê	21° 25' 31"	105° 07' 40"							F-48-67-A-b
sông Hồng	TV	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê			21° 26' 02"	105° 07' 55"	21° 24' 57"	105° 09' 09"			F-48-67-A-b
đường tỉnh 313	KX	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê			21° 25' 18"	105° 07' 26"	21° 25' 22"	105° 07' 52"			F-48-67-A-b
quốc lộ 32C	KX	TT. Sông Thao	H. Cẩm Khê			21° 25' 55"	105° 07' 47"	21° 24' 58"	105° 08' 23"			F-48-67-A-b
xóm Chùa	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 26' 10"	105° 04' 48"							F-48-67-A-a
xóm Đình	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 55"	105° 04' 43"							F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Kiến Thiết	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 19"	105° 05' 05"							F-48-67-A-a
xóm Ngâu	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 58"	105° 04' 38"							F-48-67-A-a
xóm Tân Lập	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 12"	105° 04' 08"							F-48-67-A-a
xóm Thống Nhất	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 03"	105° 04' 56"							F-48-67-A-a
xóm Thượng	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 27"	105° 04' 37"							F-48-67-A-a
xóm Trung Thành	DC	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 25' 41"	105° 05' 03"							F-48-67-A-a
đập Đồng Thín	KX	xã Cấp Dẫn	H. Cẩm Khê	21° 24' 48"	105° 04' 11"							F-48-67-A-a
thôn Phú Xuân	DC	xã Cát Trù	H. Cẩm Khê	21° 20' 36"	105° 10' 25"							F-48-67-A-d
thôn Thượng Cát	DC	xã Cát Trù	H. Cẩm Khê	21° 20' 56"	105° 10' 33"							F-48-67-A-d
khu Bạch Hạc	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 21' 26"	105° 07' 16"							F-48-67-A-c
xóm Hùng Tiến	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 21' 28"	105° 07' 58"							F-48-67-A-d
xóm Quyết Thắng	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 07"	105° 07' 57"							F-48-67-A-d
xóm Quyết Tiến	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 21' 54"	105° 08' 10"							F-48-67-A-d
xóm Tiên Phong	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 21' 55"	105° 07' 33"							F-48-67-A-d
xóm Trại Cá	DC	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê	21° 21' 11"	105° 07' 17"							F-48-67-A-c
ngòi Cỏ	TV	xã Chương Xá	H. Cẩm Khê			21° 20' 51"	105° 07' 15"	21° 20' 49"	105° 07' 13"			F-48-67-A-d
xóm Cống 1	DC	xã Điều Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 45"	105° 10' 52"							F-48-67-A-d
xóm Cửa Ải	DC	xã Điều Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 55"	105° 09' 23"							F-48-67-A-d
xóm Đồng Chè	DC	xã Điều Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 59"	105° 10' 12"							F-48-67-A-d
xóm Dục Bò	DC	xã Điều Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 43"	105° 09' 58"							F-48-67-A-d
xóm Huân Trầm	DC	xã Điều Lương	H. Cẩm Khê	21° 20' 34"	105° 09' 17"							F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Làng	DC	xã Diêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 20' 10"	105° 10' 31"							F-48-67-A-d
xóm Sầu	DC	xã Diêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 20' 19"	105° 09' 46"							F-48-67-A-d
xóm Trung Thị	DC	xã Diêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 20' 13"	105° 10' 45"							F-48-67-A-d
xóm Vải 2	DC	xã Diêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 20' 05"	105° 09' 20"							F-48-67-A-d
hồ Dục Bò	TV	xã Diêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 37"	105° 09' 50"							F-48-67-A-d
hồ Dục Gạo	TV	xã Diêu Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 18"	105° 10' 07"							F-48-67-A-d
đường tỉnh 313	KX	xã Diêu Lương	H. Cẩm Khê			21° 19' 03"	105° 09' 03"	21° 18' 39"	105° 09' 29"			F-48-67-A-d
thôn Cam Chú	DC	xã Đồng Cam	H. Cẩm Khê	21° 27' 07"	105° 04' 00"							F-48-67-A-a
thôn Đồng Kệ	DC	xã Đồng Cam	H. Cẩm Khê	21° 27' 56"	105° 03' 38"							F-48-67-A-a
xóm Đá Hen	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 17' 47"	105° 10' 33"							F-48-67-A-d
xóm Đồn Điền	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 17' 59"	105° 10' 05"							F-48-67-A-d
xóm Làng Đồi	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 18' 48"	105° 10' 21"							F-48-67-A-d
thôn Vạn Phong	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 15"	105° 10' 56"							F-48-67-A-d
làng Vực	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 33"	105° 11' 18"							F-48-67-A-d
xóm Xi Hen	DC	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 18' 29"	105° 10' 52"							F-48-67-A-d
đầm Đồng Vực	TV	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 15"	105° 11' 42"							F-48-67-A-d
sông Hồng	TV	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê			21° 19' 47"	105° 11' 15"	21° 19' 33"	105° 12' 05"			F-48-67-A-d
hồ Ngã Hai	TV	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 17' 55"	105° 09' 34"							F-48-67-A-d
đường tỉnh 313C	KX	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê			21° 18' 39"	105° 09' 29"	21° 19' 36"	105° 11' 04"			F-48-67-A-d
quốc lộ 32C	KX	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê			21° 19' 36"	105° 10' 55"	21° 19' 18"	105° 11' 59"			F-48-67-A-d
cầu Tư Mỹ	KX	xã Đồng Lương	H. Cẩm Khê	21° 19' 18"	105° 11' 59"							F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	xã Hiền Đa	H. Cẩm Khê	21° 21' 42"	105° 10' 14"					F-48-67-A-d
khu 3	DC	xã Hiền Đa	H. Cẩm Khê	21° 21' 29"	105° 10' 09"					F-48-67-A-d
xóm Do Lục	DC	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 48"	105° 05' 38"					F-48-67-A-a
xóm Tran	DC	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 01"	105° 05' 07"					F-48-67-A-c
xóm Xuân Ứng	DC	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 23' 14"	105° 06' 06"					F-48-67-A-a
xóm Xuông	DC	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 44"	105° 04' 29"					F-48-67-A-a
đỉnh Ba Huyện	SV	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 00"	105° 05' 53"					F-48-67-A-c
đồi Đổ	SV	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 23' 08"	105° 03' 07"					F-48-67-A-c
đập Đồng Ba	KX	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 23' 08"	105° 04' 33"					F-48-67-A-a
cầu Suối Rắn 1	KX	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 48"	105° 04' 50"					F-48-67-A-a
cầu Suối Rắn 2	KX	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 35"	105° 04' 42"					F-48-67-A-a
cầu Suông	KX	xã Hương Lung	H. Cẩm Khê	21° 22' 58"	105° 05' 19"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Ngõ Xá	H. Cẩm Khê	21° 28' 23"	105° 02' 49"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Ngõ Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 51"	105° 02' 39"					F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Ngõ Xá	H. Cẩm Khê	21° 28' 05"	105° 02' 08"					F-48-67-A-a
khu 10	DC	xã Ngõ Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 23"	105° 01' 19"					F-48-67-A-a
hồ Đầm Rôm	TV	xã Ngõ Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 30"	105° 01' 44"					F-48-67-A-a
hồ Đồng Chằm	TV	xã Ngõ Xá	H. Cẩm Khê	21° 28' 26"	105° 02' 37"					F-48-67-A-a
xóm Đoài Ngoài	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 15"	105° 07' 59"					F-48-67-A-b
xóm Đoài Trong	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 22"	105° 07' 51"					F-48-67-A-b
xóm Đồng	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 47"	105° 08' 15"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Mười	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 04"	105° 07' 43"					F-48-67-A-b
xóm Lương Lữu	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 52"	105° 07' 52"					F-48-67-A-b
xóm Phú Lỵc	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 24' 16"	105° 08' 46"					F-48-67-A-a
xóm Tân Lập	DC	xã Phú Khê	H. Cẩm Khê	21° 25' 02"	105° 07' 51"					F-48-67-A-b
xóm Bắc Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 23' 35"	105° 08' 43"					F-48-67-A-b
xóm Đông Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 22' 34"	105° 08' 43"					F-48-67-A-d
xóm Nam Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 22' 17"	105° 08' 20"					F-48-67-A-d
xóm Tây Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 22' 37"	105° 08' 09"					F-48-67-A-b
xóm Trung Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 22' 28"	105° 08' 24"					F-48-67-A-d
hồ Đồng Phấn	TV	xã Phú Lạc	H. Cẩm Khê	21° 22' 40"	105° 08' 32"					F-48-67-A-b
xóm Cống	DC	xã Phùng Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 22"	105° 05' 21"					F-48-67-A-a
xóm Đặng	DC	xã Phùng Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 07"	105° 05' 00"					F-48-67-A-a
xóm Gọ	DC	xã Phùng Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 26"	105° 04' 48"					F-48-67-A-a
xóm Sầu	DC	xã Phùng Xá	H. Cẩm Khê	21° 27' 47"	105° 04' 57"					F-48-67-A-a
xóm Gà Đỉnh	DC	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 26' 07"	105° 01' 05"					F-48-67-A-a
thôn Không Tước	DC	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 26' 24"	105° 01' 28"					F-48-67-A-a
thôn Phượng Cát	DC	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 27' 23"	105° 00' 18"					F-48-67-A-a
thôn Văn Thế	DC	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 26' 13"	104° 59' 53"					F-48-66-B-b
đầm Bảy Bờ	TV	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 26' 46"	105° 01' 20"					F-48-67-A-a
đầm Khán Than	TV	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 27' 52"	105° 00' 50"					F-48-67-A-a
đầm Oai	TV	xã Phượng Vĩ	H. Cẩm Khê	21° 27' 09"	104° 59' 49"					F-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đường tỉnh 323	KX	xã Phương VT	H. Cẩm Khê			21° 27' 45"	104° 59' 41"	21° 26' 00"	105° 01' 48"	F-48-66-B-b		
cầu Phương VT	KX	xã Phương VT	H. Cẩm Khê	21° 27' 08"	105° 00' 38"					F-48-67-A-a		
thôn Liên Phương	DC	xã Phương Xá	H. Cẩm Khê	21° 28' 08"	105° 05' 01"					F-48-67-A-a		
thôn Thổ Khối	DC	xã Phương Xá	H. Cẩm Khê	21° 28' 32"	105° 04' 43"					F-48-67-A-a		
đường tỉnh 321C	KX	xã Phương Xá	H. Cẩm Khê			21° 27' 20"	105° 04' 12"	21° 28' 17"	105° 04' 47"	F-48-67-A-a		
thôn Nga Hà	DC	xã Sai Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 15"	105° 07' 32"					F-48-67-A-b		
thôn Sơn Cương	DC	xã Sai Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 01"	105° 07' 40"					F-48-67-A-b		
thôn Văn Phú	DC	xã Sai Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 37"	105° 06' 38"					F-48-67-A-a		
sông Hồng	TV	xã Sai Nga	H. Cẩm Khê			21° 27' 10"	105° 06' 33"	21° 26' 02"	105° 07' 55"	F-48-67-A-a		
thôn Chùa Bộ	DC	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 30"	105° 05' 57"					F-48-67-A-a		
thôn Đồng Hàng	DC	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê	21° 27' 09"	105° 05' 54"					F-48-67-A-a		
thôn Minh Sơn	DC	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 28"	105° 05' 10"					F-48-67-A-a		
thôn Quang Trung	DC	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 44"	105° 06' 10"					F-48-67-A-a		
quốc lộ 32C	TV	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê			21° 27' 21"	105° 05' 40"	21° 26' 52"	105° 06' 28"	F-48-67-A-a		
hồ Đồng Mèn	TV	xã Sơn Nga	H. Cẩm Khê	21° 26' 20"	105° 04' 59"					F-48-67-A-a		
xóm Cánh	DC	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê	21° 24' 03"	105° 05' 28"					F-48-67-A-a		
xóm Chằm	DC	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê	21° 24' 00"	105° 06' 39"					F-48-67-A-a		
xóm Cửa Miếu	DC	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê	21° 23' 37"	105° 05' 06"					F-48-67-A-a		
xóm Gò Chùa	DC	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê	21° 23' 41"	105° 05' 54"					F-48-67-A-a		
xóm Gò Làng Dưới	DC	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê	21° 24' 03"	105° 05' 58"					F-48-67-A-a		
xóm Gò Làng Trên	DC	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê	21° 24' 28"	105° 05' 54"					F-48-67-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Láng	DC	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê	21° 24' 19"	105° 05' 20"							F-48-67-A-a
xóm Nhà Thị	DC	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê	21° 24' 31"	105° 08' 32"							F-48-67-A-a
đường tỉnh 313	KX	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê			21° 23' 31"	105° 05' 15"	21° 24' 59"	105° 06' 40"			F-48-67-A-a
đường tỉnh 313B	KX	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê			21° 24' 19"	105° 04' 37"	21° 23' 32"	105° 04' 46"			F-48-67-A-a
đập Vực Xi	KX	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê	21° 23' 44"	105° 05' 15"							F-48-67-A-a
cầu Xó	KX	xã Sơn Tinh	H. Cẩm Khê	21° 24' 29"	105° 06' 11"							F-48-67-A-a
xóm Dân Chủ	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 47"	105° 06' 53"							F-48-67-A-a
xóm Đoàn Kết	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 23' 00"	105° 07' 42"							F-48-67-A-b
xóm Đồng Tiến	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 23' 15"	105° 06' 57"							F-48-67-A-a
xóm Gò Nưa	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 20"	105° 06' 59"							F-48-67-A-c
xóm Liên Minh	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 51"	105° 06' 32"							F-48-67-A-a
xóm Phú An	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 33"	105° 07' 37"							F-48-67-A-b
xóm Phú Xường	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 27"	105° 06' 36"							F-48-67-A-a
xóm Tự Do	DC	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 54"	105° 07' 11"							F-48-67-A-a
ngôi Me	TV	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê			21° 23' 36"	105° 06' 20"	21° 23' 29"	105° 08' 02"			F-48-67-A-a
đám Múc Mặn	TV	xã Tạ Xá	H. Cẩm Khê	21° 22' 36"	105° 07' 11"							F-48-67-A-b
xóm Chanh Ngó	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 16"	105° 02' 27"							F-48-67-A-a
xóm Đàm Dung	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 44"	105° 03' 04"							F-48-67-A-a
xóm Đồng Đắc	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 25' 43"	105° 01' 43"							F-48-67-A-a
xóm Đồng Nghệ	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 09"	105° 02' 39"							F-48-67-A-a
xóm Đồng Rào	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 34"	105° 02' 48"							F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Gò Chè	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 25' 49"	105° 02' 39"						F-48-67-A-a	
xóm Ngọn Ngòi	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 25' 36"	105° 02' 01"						F-48-67-A-a	
xóm Nhà Thờ	DC	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 08"	105° 02' 56"						F-48-67-A-a	
đầm Đung	TV	xã Tam Sơn	H. Cẩm Khê	21° 26' 28"	105° 03' 09"						F-48-67-A-a	
xóm Cát	DC	xã Thanh Nga	H. Cẩm Khê	21° 25' 50"	105° 06' 35"						F-48-67-A-a	
xóm Điểm	DC	xã Thanh Nga	H. Cẩm Khê	21° 25' 38"	105° 07' 13"						F-48-67-A-a	
xóm Đoài	DC	xã Thanh Nga	H. Cẩm Khê	21° 25' 34"	105° 06' 39"						F-48-67-A-a	
xóm Tân Lập	DC	xã Thanh Nga	H. Cẩm Khê	21° 25' 11"	105° 06' 55"						F-48-67-A-a	
hồ Dông Mít	TV	xã Thanh Nga	H. Cẩm Khê	21° 25' 48"	105° 07' 03"						F-48-67-A-a	
khu 5	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 19"	105° 02' 20"						F-48-67-A-a	
khu 6	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 03"	105° 02' 02"						F-48-67-A-a	
xóm Chùa	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 04"	105° 03' 19"						F-48-67-A-a	
xóm Ngoài	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 38"	105° 03' 03"						F-48-67-A-a	
xóm Pha Chi	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 34"	105° 02' 37"						F-48-67-A-a	
xóm Trong	DC	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 11"	105° 02' 54"						F-48-67-A-a	
đầm Thụy Liễu	TV	xã Thụy Liễu	H. Cẩm Khê	21° 27' 01"	105° 03' 11"						F-48-67-A-a	
Chùa	DC	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 11"	105° 01' 44"						F-48-67-A-a	
khu Đồng Cam	DC	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 25"	104° 59' 34"						F-48-66-B-b	
thôn Hoàng Lương	DC	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 01"	105° 01' 37"						F-48-67-A-a	
xóm Mỹ Lương	DC	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 29' 23"	105° 01' 52"						F-48-67-A-a	
thôn Tiên Động	DC	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 29' 20"	105° 01' 23"						F-48-67-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Am	SV	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 49"	104° 58' 45"							F-48-66-B-b
đồng Chằm	TV	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 29' 14"	105° 01' 38"							F-48-67-A-a
đồng Chùa	TV	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 49"	105° 01' 27"							F-48-67-A-a
ngôi Giành	TV	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê			21° 27' 47"	105° 01' 26"	21° 29' 24"	105° 02' 24"			F-48-67-A-a
đồng Mái Vỡ	TV	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 56"	105° 02' 06"							F-48-67-A-a
đập Hồ Ban	KX	xã Tiên Lương	H. Cẩm Khê	21° 28' 32"	105° 00' 44"							F-48-67-A-a
xóm Đàng	DC	xã Tinh Cương	H. Cẩm Khê	21° 23' 22"	105° 09' 03"							F-48-67-A-b
xóm Đò	DC	xã Tinh Cương	H. Cẩm Khê	21° 22' 50"	105° 09' 04"							F-48-67-A-b
xóm Gò Ché	DC	xã Tinh Cương	H. Cẩm Khê	21° 22' 33"	105° 09' 10"							F-48-67-A-b
xóm Gò Chùa	DC	xã Tinh Cương	H. Cẩm Khê	21° 23' 05"	105° 09' 17"							F-48-67-A-b
xóm Phiên Quận	DC	xã Tinh Cương	H. Cẩm Khê	21° 22' 14"	105° 09' 48"							F-48-67-A-d
xóm Tằng Châu	DC	xã Tinh Cương	H. Cẩm Khê	21° 21' 56"	105° 09' 53"							F-48-67-A-d
quốc lộ 32C	KX	xã Tinh Cương	H. Cẩm Khê			21° 23' 22"	105° 09' 00"	21° 21' 50"	105° 10' 00"			F-48-67-A-b
cầu Tinh Cương	KX	xã Tinh Cương	H. Cẩm Khê	21° 22' 30"	105° 09' 31"							F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 26' 39"	105° 04' 23"							F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 26' 23"	105° 04' 23"							F-48-67-A-a
khu 3	DC	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 26' 07"	105° 04' 14"							F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 25' 51"	105° 04' 05"							F-48-67-A-a
khu 9	DC	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 25' 17"	105° 03' 42"							F-48-67-A-a
hồ Đồng Mến	TV	xã Tùng Khê	H. Cẩm Khê	21° 26' 20"	105° 04' 59"							F-48-67-A-a
thôn Dư Ba	DC	xã Tuy Lộc	H. Cẩm Khê	21° 28' 23"	105° 04' 14"							F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quyết Tiến	DC	xã Tuy Lộc	H. Cẩm Khê	21° 28' 54"	105° 03' 30"					F-48-67-A-a
thôn Tăng Xá	DC	xã Tuy Lộc	H. Cẩm Khê	21° 29' 05"	105° 02' 55"					F-48-67-A-a
thôn Thủy Trám	DC	xã Tuy Lộc	H. Cẩm Khê	21° 28' 16"	105° 03' 05"					F-48-67-A-a
quốc lộ 32C	KX	xã Tuy Lộc	H. Cẩm Khê	21° 29' 56"	105° 04' 41"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 26' 23"	105° 03' 27"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 26' 13"	105° 03' 20"					F-48-67-A-a
khu 3	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 55"	105° 03' 10"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 49"	105° 02' 57"					F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 27"	105° 02' 58"					F-48-67-A-a
khu 6	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 26"	105° 03' 11"					F-48-67-A-a
khu 7	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 34"	105° 03' 37"					F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 25' 48"	105° 03' 42"					F-48-67-A-a
hồ Ba Vực	TV	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 24' 58"	105° 03' 25"					F-48-67-A-a
đầm Đung	TV	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 26' 28"	105° 03' 09"					F-48-67-A-a
đầm Mái	TV	xã Văn Bán	H. Cẩm Khê	21° 26' 03"	105° 03' 31"					F-48-67-A-a
xóm An Ninh	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 55"	105° 08' 11"					F-48-67-A-d
xóm Bến Phương	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 11"	105° 08' 00"					F-48-67-A-d
xóm Đình	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 03"	105° 08' 40"					F-48-67-A-d
xóm Đồng Phai	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 19"	105° 07' 33"					F-48-67-A-d
xóm Gò Cao	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 14"	105° 07' 45"					F-48-67-A-d
xóm Gò Khế	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 26"	105° 08' 40"					F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Hoa Triệu	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 43"	105° 08' 28"							F-48-67-A-d
xóm Lê Lợi	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 15"	105° 09' 12"							F-48-67-A-d
xóm Liên Tiếp	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 13"	105° 08' 43"							F-48-67-A-d
xóm Nguyễn Huệ	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 27"	105° 09' 02"							F-48-67-A-d
xóm Quang Trung	DC	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 21' 20"	105° 08' 51"							F-48-67-A-d
ngôi Cỏ	TV	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê			21° 20' 51"	105° 07' 15"	21° 20' 49"	105° 07' 13"			F-48-67-A-c, F-48-67-A-d
đám Meo	TV	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 41"	105° 08' 44"							F-48-67-A-d
đường tỉnh 313C	KX	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê			21° 20' 52"	105° 07' 15"	21° 20' 56"	105° 08' 46"			F-48-67-A-c, F-48-67-A-d
đập Âu	KX	xã Văn Khúc	H. Cẩm Khê	21° 20' 51"	105° 07' 15"							F-48-67-A-d
xóm Cầu Lầu	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 25' 25"	105° 05' 32"							F-48-67-A-a
xóm Giữa	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 25' 16"	105° 06' 05"							F-48-67-A-a
xóm Gò Hèo	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 24' 38"	105° 05' 07"							F-48-67-A-a
xóm Gò Sỏi	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 24' 44"	105° 05' 40"							F-48-67-A-a
xóm Thượng	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 25' 39"	105° 05' 51"							F-48-67-A-a
xóm Trại	DC	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 25' 02"	105° 06' 22"							F-48-67-A-a
gò Chò	SV	xã Xương Thịnh	H. Cẩm Khê	21° 25' 53"	105° 05' 33"							F-48-67-A-a
thôn Gò Cả	DC	xã Yên Dương	H. Cẩm Khê	21° 20' 47"	105° 09' 26"							F-48-67-A-d
thôn Gò Họ	DC	xã Yên Dương	H. Cẩm Khê	21° 20' 50"	105° 09' 04"							F-48-67-A-d
xóm Móng	DC	xã Yên Dương	H. Cẩm Khê	21° 18' 53"	105° 08' 46"							F-48-67-A-d
xóm Song Nưa	DC	xã Yên Dương	H. Cẩm Khê	21° 20' 31"	105° 08' 54"							F-48-67-A-d
thôn Yên Dương	DC	xã Yên Dương	H. Cẩm Khê	21° 19' 41"	105° 08' 59"							F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Tiên Dường	KX	xã Yên Dường	H. Cẩm Khê	21° 20' 19"	105° 09' 01"					F-48-67-A-d
xóm An Phú	DC	xã Yên Tập	H. Cẩm Khê	21° 23' 16"	105° 08' 24"					F-48-67-A-b
xóm Quang Trung	DC	xã Yên Tập	H. Cẩm Khê	21° 24' 24"	105° 08' 33"					F-48-67-A-b
xóm Tiên Phong	DC	xã Yên Tập	H. Cẩm Khê	21° 22' 53"	105° 08' 06"					F-48-67-A-b
xóm Trung Thuận	DC	xã Yên Tập	H. Cẩm Khê	21° 23' 59"	105° 08' 24"					F-48-67-A-b
xóm Trung Tiến	DC	xã Yên Tập	H. Cẩm Khê	21° 23' 41"	105° 08' 13"					F-48-67-A-b
khu Đoàn Kết	DC	TT. Đoàn Hùng	H. Đoàn Hùng	21° 37' 23"	105° 10' 14"					F-48-55-C-b
khu Phú Thịnh	DC	TT. Đoàn Hùng	H. Đoàn Hùng	21° 38' 13"	105° 11' 03"					F-48-55-C-b
khu Tân Long	DC	TT. Đoàn Hùng	H. Đoàn Hùng	21° 37' 54"	105° 10' 45"					F-48-55-C-b
sông Lô	TV	TT. Đoàn Hùng	H. Đoàn Hùng			21° 38' 48"	105° 10' 47"	21° 37' 17"	105° 11' 15"	F-48-55-C-b
Xí nghiệp 19-5	KX	TT. Đoàn Hùng	H. Đoàn Hùng	21° 37' 53"	105° 07' 35"					F-48-55-C-b
tượng đài Chiến thắng Sông Lô	KX	TT. Đoàn Hùng	H. Đoàn Hùng	21° 37' 32"	105° 10' 14"					F-48-55-C-b
cầu Đoàn Hùng	KX	TT. Đoàn Hùng	H. Đoàn Hùng	21° 38' 49"	105° 11' 04"					F-48-55-C-b
đô Đoàn Hùng	KX	TT. Đoàn Hùng	H. Đoàn Hùng	21° 37' 21"	105° 11' 19"					F-48-55-C-d
xóm Cửu Tích	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoàn Hùng	21° 38' 02"	105° 03' 47"					F-48-55-C-a
xóm Đàm Trầu	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoàn Hùng	21° 38' 31"	105° 04' 17"					F-48-55-C-a
xóm Làng	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoàn Hùng	21° 38' 33"	105° 03' 05"					F-48-55-C-a
xóm Mãn	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoàn Hùng	21° 37' 19"	105° 04' 17"					F-48-55-C-c
xóm Mấy	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoàn Hùng	21° 37' 43"	105° 03' 20"					F-48-55-C-a
xóm Nánh	DC	xã Bằng Doãn	H. Đoàn Hùng	21° 37' 33"	105° 04' 01"					F-48-55-C-a
núi Ông	SV	xã Bằng Doãn	H. Đoàn Hùng	21° 39' 16"	105° 03' 39"					F-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
khu Cây Cam	DC	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 40' 16"	105° 03' 13"						F-48-55-C-a
thôn Đồng Đam	DC	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 40' 54"	105° 04' 46"						F-48-55-C-a
khu Đức Quân	DC	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 40' 42"	105° 04' 01"						F-48-55-C-a
thôn Đức Thái	DC	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 41' 31"	105° 01' 35"						F-48-55-C-a
khu Hồ Tre	DC	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 40' 24"	105° 02' 44"						F-48-55-C-a
thôn Minh Khai	DC	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 40' 20"	105° 03' 49"						F-48-55-C-a
thôn Minh Luân	DC	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 39' 29"	105° 04' 23"						F-48-55-C-a
khu Mười Thượng	DC	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 41' 20"	105° 02' 22"						F-48-55-C-a
làng Ngải	DC	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 40' 58"	105° 02' 56"						F-48-55-C-a
khu Nghĩa Quân	DC	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 40' 51"	105° 03' 46"						F-48-55-C-a
núi Ông	SV	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 39' 16"	105° 03' 39"						F-48-55-C-a
ngôi Đình	TV	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng			21° 41' 27"	105° 02' 22"	21° 41' 02"	105° 04' 24"		F-48-55-C-a
quốc lộ 70	KX	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng			21° 40' 53"	105° 04' 30"	21° 40' 31"	105° 02' 19"		F-48-55-C-a
ngã ba Cát Lem	KX	xã Bằng Luân	H. Đoàn Hùng	21° 40' 53"	105° 04' 30"						F-48-55-C-a
đội 19	DC	xã Ca Đình	H. Đoàn Hùng	21° 36' 16"	105° 06' 42"						F-48-55-C-c
xóm Đình	DC	xã Ca Đình	H. Đoàn Hùng	21° 35' 47"	105° 07' 00"						F-48-55-C-c
xóm Đồng Trang	DC	xã Ca Đình	H. Đoàn Hùng	21° 35' 59"	105° 07' 53"						F-48-55-C-d
xóm Đồng Trên	DC	xã Ca Đình	H. Đoàn Hùng	21° 35' 33"	105° 08' 17"						F-48-55-C-d
xóm Tranh Ngõ	DC	xã Ca Đình	H. Đoàn Hùng	21° 35' 05"	105° 07' 07"						F-48-55-C-c
xóm Việt Hùng	DC	xã Ca Đình	H. Đoàn Hùng	21° 34' 38"	105° 06' 28"						F-48-55-C-c
xóm Cầu Hai	DC	xã Chân Mộng	H. Đoàn Hùng	21° 31' 39"	105° 12' 21"						F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Cầu Quỳn	DC	xã Chân Mộng	H. Đoàn Hùng	21° 32' 15"	105° 12' 03"							F-48-55-C-d
xóm Cây Mỹ	DC	xã Chân Mộng	H. Đoàn Hùng	21° 31' 56"	105° 12' 49"							F-48-55-C-d
xóm Chân Mộng	DC	xã Chân Mộng	H. Đoàn Hùng	21° 31' 17"	105° 12' 11"							F-48-55-C-d
xóm Đầm Tiên	DC	xã Chân Mộng	H. Đoàn Hùng	21° 32' 13"	105° 12' 43"							F-48-55-C-d
xóm Đồng Giả	DC	xã Chân Mộng	H. Đoàn Hùng	21° 31' 57"	105° 13' 25"							F-48-55-C-d
xóm Nương Tàng	DC	xã Chân Mộng	H. Đoàn Hùng	21° 32' 03"	105° 12' 23"							F-48-55-C-d
xóm Rừng Giang	DC	xã Chân Mộng	H. Đoàn Hùng	21° 32' 20"	105° 13' 35"							F-48-55-C-d
xóm Thiên Hương	DC	xã Chân Mộng	H. Đoàn Hùng	21° 32' 20"	105° 11' 14"							F-48-55-C-d
thôn Đám	DC	xã Chi Đám	H. Đoàn Hùng	21° 38' 42"	105° 13' 42"							F-48-55-C-b
thôn Đồng Mầu	DC	xã Chi Đám	H. Đoàn Hùng	21° 39' 25"	105° 13' 38"							F-48-55-C-b
thôn Gò Măng	DC	xã Chi Đám	H. Đoàn Hùng	21° 38' 58"	105° 12' 14"							F-48-55-C-b
thôn La Hoàng	DC	xã Chi Đám	H. Đoàn Hùng	21° 38' 34"	105° 12' 36"							F-48-55-C-b
thôn Ngọc Chúc	DC	xã Chi Đám	H. Đoàn Hùng	21° 39' 00"	105° 11' 31"							F-48-55-C-b
thôn Phương Hùng	DC	xã Chi Đám	H. Đoàn Hùng	21° 39' 32"	105° 11' 59"							F-48-55-C-b
thôn Xuân Áng	DC	xã Chi Đám	H. Đoàn Hùng	21° 38' 23"	105° 13' 00"							F-48-55-C-b
núi Đám	SV	xã Chi Đám	H. Đoàn Hùng	21° 38' 54"	105° 13' 35"							F-48-55-C-b
hồ Đồng Mầu	TV	xã Chi Đám	H. Đoàn Hùng	21° 39' 23"	105° 13' 29"							F-48-55-C-b
sông Lô	TV	xã Chi Đám	H. Đoàn Hùng			21° 39' 36"	105° 13' 57"	21° 37' 51"	105° 13' 21"			F-48-55-C-b
xóm Liên Phương	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đoàn Hùng	21° 36' 55"	105° 13' 04"							F-48-55-C-d
xóm Tân Thành	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đoàn Hùng	21° 37' 16"	105° 11' 48"							F-48-55-C-d
xóm Toàn Thắng	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đoàn Hùng	21° 37' 18"	105° 12' 34"							F-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lô	TV	xã Đại Nghĩa	H. Đoàn Hùng			21° 37' 26"	105° 11' 16"	21° 35' 57"	105° 13' 24"	F-48-55-C-d
hồ Núi Chùa	TV	xã Đại Nghĩa	H. Đoàn Hùng	21° 37' 01"	105° 12' 51"					F-48-55-C-d
làng Đồng Dương	DC	xã Đông Khê	H. Đoàn Hùng	21° 42' 20"	105° 05' 32"					F-48-55-C-a
làng Han	DC	xã Đông Khê	H. Đoàn Hùng	21° 42' 55"	105° 05' 30"					F-48-55-C-a
làng Thượng Khê	DC	xã Đông Khê	H. Đoàn Hùng	21° 41' 32"	105° 08' 03"					F-48-55-C-a
ngòi Han	TV	xã Đông Khê	H. Đoàn Hùng	21° 43' 13"	105° 06' 00"					F-48-55-C-a
thôn An Thọ	DC	xã Hùng Long	H. Đoàn Hùng	21° 36' 01"	105° 12' 03"					F-48-55-C-d
thôn An Việt	DC	xã Hùng Long	H. Đoàn Hùng	21° 35' 42"	105° 12' 26"					F-48-55-C-d
thôn Đồng Ao	DC	xã Hùng Long	H. Đoàn Hùng	21° 35' 19"	105° 13' 20"					F-48-55-C-d
thôn Đồng Bích	DC	xã Hùng Long	H. Đoàn Hùng	21° 35' 05"	105° 13' 27"					F-48-55-C-d
thôn Tân Minh	DC	xã Hùng Long	H. Đoàn Hùng	21° 35' 28"	105° 12' 58"					F-48-55-C-d
thôn Tân Việt	DC	xã Hùng Long	H. Đoàn Hùng	21° 35' 34"	105° 12' 40"					F-48-55-C-d
thôn Tiên Phong	DC	xã Hùng Long	H. Đoàn Hùng	21° 35' 47"	105° 13' 43"					F-48-55-C-d
núi Bà Nghi	SV	xã Hùng Long	H. Đoàn Hùng	21° 35' 19"	105° 14' 09"					F-48-55-C-d
sông Lô	TV	xã Hùng Long	H. Đoàn Hùng			21° 36' 20"	105° 12' 07"	21° 35' 57"	105° 14' 31"	F-48-55-C-d
thôn Cáo Sóc	DC	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng	21° 40' 11"	105° 08' 46"					F-48-55-C-b
thôn Đồng Tiệm	DC	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng	21° 39' 56"	105° 09' 54"					F-48-55-C-b
xóm Gò Thọ	DC	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng	21° 41' 06"	105° 10' 32"					F-48-55-C-b
xóm Hồ	DC	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng	21° 41' 15"	105° 09' 09"					F-48-55-C-b
thôn Hùng Quan	DC	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng	21° 40' 19"	105° 09' 21"					F-48-55-C-b
thôn Song Phương 1	DC	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng	21° 41' 03"	105° 09' 42"					F-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Song Phương 2	DC	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng	21° 41' 00"	105° 10' 10"							F-48-55-C-b
thôn Tân Lập	DC	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng	21° 41' 35"	105° 08' 32"							F-48-55-C-b
thôn Vĩnh Lại	DC	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng	21° 40' 40"	105° 08' 44"							F-48-55-C-b
gò Ngựa Lồng	SV	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng	21° 41' 14"	105° 09' 47"							F-48-55-C-b
sông Chảy	TV	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng			21° 40' 53"	105° 08' 00"	21° 39' 55"	105° 09' 58"			F-48-55-C-b
ngôi Sóng	TV	xã Hùng Quan	H. Đoàn Hùng			21° 41' 13"	105° 09' 18"	21° 40' 03"	105° 09' 05"			F-48-55-C-b
thôn 1	DC	xã Hữu Đô	H. Đoàn Hùng	21° 37' 28"	105° 13' 24"							F-48-55-C-b
thôn 2	DC	xã Hữu Đô	H. Đoàn Hùng	21° 37' 56"	105° 12' 42"							F-48-55-C-b
thôn 5	DC	xã Hữu Đô	H. Đoàn Hùng	21° 38' 21"	105° 11' 44"							F-48-55-C-b
thôn 7	DC	xã Hữu Đô	H. Đoàn Hùng	21° 38' 12"	105° 11' 26"							F-48-55-C-b
thôn 8	DC	xã Hữu Đô	H. Đoàn Hùng	21° 37' 46"	105° 11' 15"							F-48-55-C-b
sông Lô	TV	xã Hữu Đô	H. Đoàn Hùng			21° 37' 51"	105° 13' 21"	21° 37' 28"	105° 11' 16"			F-48-55-C-b
thôn 1	DC	xã Minh Lương	H. Đoàn Hùng	21° 38' 20"	105° 02' 22"							F-48-55-C-a
thôn 3	DC	xã Minh Lương	H. Đoàn Hùng	21° 33' 57"	105° 01' 27"							F-48-55-C-a
thôn 4	DC	xã Minh Lương	H. Đoàn Hùng	21° 39' 00"	105° 01' 17"							F-48-55-C-a
thôn 5	DC	xã Minh Lương	H. Đoàn Hùng	21° 39' 33"	105° 01' 13"							F-48-55-C-a
thôn 8	DC	xã Minh Lương	H. Đoàn Hùng	21° 40' 17"	105° 02' 04"							F-48-55-C-a
ngôi Cái	TV	xã Minh Lương	H. Đoàn Hùng			21° 39' 43"	105° 01' 23"	21° 38' 39"	105° 00' 53"			F-48-55-C-a
đường tỉnh 319B	KX	xã Minh Lương	H. Đoàn Hùng			21° 40' 22"	105° 01' 56"	21° 37' 50"	105° 02' 37"			F-48-55-C-a
Bãi Bằng	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 33' 04"	105° 15' 00"							F-48-55-D-c
Bờ Giếng	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 32' 06"	105° 14' 38"							F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Cầu Xi	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 31' 23"	105° 14' 16"							F-48-55-C-d
Đồng Nương	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 31' 41"	105° 14' 34"							F-48-55-C-d
xóm Làng	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 31' 00"	105° 13' 29"							F-48-55-C-d
xóm Làng Bắc	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 31' 36"	105° 13' 54"							F-48-55-C-d
xóm Mã Vương	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 32' 16"	105° 13' 53"							F-48-55-C-d
xóm Múc	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 31' 53"	105° 13' 53"							F-48-55-C-d
xóm Tiến Á	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 32' 49"	105° 14' 16"							F-48-55-C-d
Tiểu Châu	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 31' 58"	105° 14' 23"							F-48-55-C-d
Trại Mới	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 31' 27"	105° 13' 21"							F-48-55-C-d
Xuân Ai	DC	xã Minh Phú	H. Đoàn Hùng	21° 31' 11"	105° 13' 41"							F-48-55-C-d
thôn 1	DC	xã Minh Tiến	H. Đoàn Hùng	21° 33' 26"	105° 09' 12"							F-48-55-C-d
thôn 2	DC	xã Minh Tiến	H. Đoàn Hùng	21° 33' 05"	105° 09' 46"							F-48-55-C-d
thôn 3	DC	xã Minh Tiến	H. Đoàn Hùng	21° 32' 46"	105° 09' 25"							F-48-55-C-d
thôn 4	DC	xã Minh Tiến	H. Đoàn Hùng	21° 33' 01"	105° 09' 04"							F-48-55-C-d
thôn 5	DC	xã Minh Tiến	H. Đoàn Hùng	21° 32' 38"	105° 10' 04"							F-48-55-C-d
thôn 6	DC	xã Minh Tiến	H. Đoàn Hùng	21° 32' 49"	105° 10' 06"							F-48-55-C-d
thôn 7	DC	xã Minh Tiến	H. Đoàn Hùng	21° 32' 50"	105° 10' 32"							F-48-55-C-d
thôn 8	DC	xã Minh Tiến	H. Đoàn Hùng	21° 32' 44"	105° 10' 51"							F-48-55-C-d
thôn 9	DC	xã Minh Tiến	H. Đoàn Hùng	21° 32' 26"	105° 10' 50"							F-48-55-C-d
thôn 10	DC	xã Minh Tiến	H. Đoàn Hùng	21° 32' 32"	105° 11' 18"							F-48-55-C-d
thôn 1	DC	xã Nghinh Xuyên	H. Đoàn Hùng	21° 40' 50"	105° 06' 05"							F-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Lập Xuyên	DC	xã Nghinh Xuyên	H. Đoàn Hùng	21° 40' 45"	105° 07' 21"							F-48-55-C-a
xóm Minh Giang	DC	xã Nghinh Xuyên	H. Đoàn Hùng	21° 42' 07"	105° 06' 58"							F-48-55-C-a
xóm Nghinh Lạp	DC	xã Nghinh Xuyên	H. Đoàn Hùng	21° 40' 25"	105° 06' 34"							F-48-55-C-a
núi Thần	SV	xã Nghinh Xuyên	H. Đoàn Hùng	21° 42' 18"	105° 07' 00"							F-48-55-C-a
sông Chảy	TV	xã Nghinh Xuyên	H. Đoàn Hùng			21° 41' 10"	105° 05' 53"	21° 40' 53"	105° 08' 00"			F-48-55-C-a
làng Cỏ	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoàn Hùng	21° 36' 18"	105° 08' 59"							F-48-55-C-d
làng Ngọc Lâm	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoàn Hùng	21° 37' 16"	105° 08' 26"							F-48-55-C-d
làng Ngọc Sơn	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoàn Hùng	21° 37' 38"	105° 09' 13"							F-48-55-C-d
làng Ngọc Tân	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoàn Hùng	21° 36' 56"	105° 09' 00"							F-48-55-C-d
làng Thao	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoàn Hùng	21° 36' 59"	105° 09' 46"							F-48-55-C-d
làng Việt Tiến	DC	xã Ngọc Quan	H. Đoàn Hùng	21° 36' 31"	105° 09' 47"							F-48-55-C-d
núi Đầu	SV	xã Ngọc Quan	H. Đoàn Hùng	21° 36' 13"	105° 08' 26"							F-48-55-C-d
quốc lộ 70	KX	xã Ngọc Quan	H. Đoàn Hùng			21° 37' 39"	105° 08' 26"	21° 37' 22"	105° 10' 07"			F-48-55-C-d
xóm Cẩn Độ	DC	xã Phong Phú	H. Đoàn Hùng	21° 38' 33"	105° 10' 26"							F-48-55-C-b
xóm Đồng Vầu	DC	xã Phong Phú	H. Đoàn Hùng	21° 36' 38"	105° 08' 57"							F-48-55-C-b
xóm Tây Mỗ	DC	xã Phong Phú	H. Đoàn Hùng	21° 39' 18"	105° 09' 46"							F-48-55-C-b
xóm Văn Phú	DC	xã Phong Phú	H. Đoàn Hùng	21° 38' 59"	105° 09' 29"							F-48-55-C-b
sông Chảy	TV	xã Phong Phú	H. Đoàn Hùng			21° 39' 55"	105° 09' 24"	21° 38' 52"	105° 10' 47"			F-48-55-C-d
đội 5	DC	xã Phú Thù	H. Đoàn Hùng	21° 36' 13"	105° 14' 34"							F-48-55-C-d
xóm Cây Ké	DC	xã Phú Thù	H. Đoàn Hùng	21° 36' 42"	105° 14' 24"							F-48-55-C-d
xóm Cưng Kiến	DC	xã Phú Thù	H. Đoàn Hùng	21° 36' 05"	105° 14' 12"							F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Dân Thắng	DC	xã Phú Thứ	H. Đoàn Hùng	21° 36' 26"	105° 14' 37"							F-48-55-C-d
xóm Độc Khoáng	DC	xã Phú Thứ	H. Đoàn Hùng	21° 36' 17"	105° 14' 09"							F-48-55-C-d
xóm Độc Móc	DC	xã Phú Thứ	H. Đoàn Hùng	21° 36' 52"	105° 13' 45"							F-48-55-C-d
xóm Đồng Chiêm	DC	xã Phú Thứ	H. Đoàn Hùng	21° 36' 14"	105° 13' 51"							F-48-55-C-d
xóm Hang Táng	DC	xã Phú Thứ	H. Đoàn Hùng	21° 36' 31"	105° 13' 48"							F-48-55-C-d
xóm Tiền Phong	DC	xã Phú Thứ	H. Đoàn Hùng	21° 36' 23"	105° 13' 24"							F-48-55-C-a
xóm Ké	DC	xã Phúc Lai	H. Đoàn Hùng	21° 37' 35"	105° 06' 20"							F-48-55-C-c
xóm Liêm	DC	xã Phúc Lai	H. Đoàn Hùng	21° 36' 13"	105° 05' 30"							F-48-55-C-c
xóm Múc	DC	xã Phúc Lai	H. Đoàn Hùng	21° 37' 22"	105° 05' 23"							F-48-55-C-a
xóm Quế	DC	xã Phúc Lai	H. Đoàn Hùng	21° 37' 52"	105° 05' 13"							F-48-55-C-a
đường tỉnh 319B	KX	xã Phúc Lai	H. Đoàn Hùng			21° 38' 02"	105° 04' 24"	21° 37' 34"	105° 06' 55"			F-48-55-C-a
cầu Mưa	KX	xã Phúc Lai	H. Đoàn Hùng	21° 37' 50"	105° 05' 29"							F-48-55-C-a
cầu Quế	KX	xã Phúc Lai	H. Đoàn Hùng	21° 37' 54"	105° 04' 48"							F-48-55-C-a
thôn Bàng Tường	DC	xã Phương Trung	H. Đoàn Hùng	21° 39' 35"	105° 08' 49"							F-48-55-C-b
thôn Duối Chung	DC	xã Phương Trung	H. Đoàn Hùng	21° 40' 09"	105° 07' 05"							F-48-55-C-a
thôn Nhuế	DC	xã Phương Trung	H. Đoàn Hùng	21° 40' 18"	105° 07' 54"							F-48-55-C-b
sông Chảy	TV	xã Phương Trung	H. Đoàn Hùng			21° 40' 09"	105° 06' 23"	21° 39' 55"	105° 09' 22"			F-48-55-C-a
thôn Cát Lâm	DC	xã Quế Lâm	H. Đoàn Hùng	21° 39' 54"	105° 05' 08"							F-48-55-C-a
thôn Chợ Ngà	DC	xã Quế Lâm	H. Đoàn Hùng	21° 40' 37"	105° 05' 40"							F-48-55-C-a
thôn Thuật Cổ	DC	xã Quế Lâm	H. Đoàn Hùng	21° 40' 19"	105° 06' 00"							F-48-55-C-a
thôn Việt Hùng	DC	xã Quế Lâm	H. Đoàn Hùng	21° 38' 46"	105° 05' 06"							F-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 70	KX	xã Quế Lâm	H. Đotan Hùng			21° 40' 34"	105° 04' 45"	21° 38' 10"	105° 06' 40"	F-48-55-C-a
thôn 1	DC	xã Sóc Đăng	H. Đotan Hùng	21° 36' 01"	105° 10' 55"					F-48-55-C-d
thôn 2	DC	xã Sóc Đăng	H. Đotan Hùng	21° 36' 35"	105° 10' 44"					F-48-55-C-d
thôn 4	DC	xã Sóc Đăng	H. Đotan Hùng	21° 36' 05"	105° 11' 41"					F-48-55-C-d
thôn 5	DC	xã Sóc Đăng	H. Đotan Hùng	21° 36' 45"	105° 11' 20"					F-48-55-C-d
thôn 6	DC	xã Sóc Đăng	H. Đotan Hùng	21° 36' 28"	105° 10' 18"					F-48-55-C-d
thôn 9	DC	xã Sóc Đăng	H. Đotan Hùng	21° 37' 05"	105° 11' 05"					F-48-55-C-d
ngòi Tể	TV	xã Sóc Đăng	H. Đotan Hùng			21° 36' 43"	105° 10' 33"	21° 37' 20"	105° 11' 04"	F-48-55-C-d
quốc lộ 2	KX	xã Sóc Đăng	H. Đotan Hùng			21° 35' 50"	105° 11' 03"	21° 37' 11"	105° 11' 06"	F-48-55-C-d
xóm Đa Giải	DC	xã Tây Cốc	H. Đotan Hùng	21° 39' 12"	105° 07' 10"					F-48-55-C-a
xóm Đồng Bào	DC	xã Tây Cốc	H. Đotan Hùng	21° 38' 47"	105° 07' 34"					F-48-55-C-b
xóm Đồng Trữ	DC	xã Tây Cốc	H. Đotan Hùng	21° 37' 34"	105° 07' 17"					F-48-55-C-a
xóm Phúc Định	DC	xã Tây Cốc	H. Đotan Hùng	21° 39' 00"	105° 07' 54"					F-48-55-C-b
xóm Phúc Khuê	DC	xã Tây Cốc	H. Đotan Hùng	21° 38' 21"	105° 08' 22"					F-48-55-C-b
xóm Tân Long	DC	xã Tây Cốc	H. Đotan Hùng	21° 38' 58"	105° 07' 14"					F-48-55-C-c
núi Cá	SV	xã Tây Cốc	H. Đotan Hùng	21° 38' 35"	105° 08' 16"					F-48-55-C-b
quốc lộ 70	KX	xã Tây Cốc	H. Đotan Hùng			21° 38' 00"	105° 06' 58"	21° 37' 39"	105° 08' 26"	F-48-55-C-b
Công ty Chè Phú Bền	KX	xã Tây Cốc	H. Đotan Hùng	20° 56' 34"	105° 20' 14"					F-48-55-C-b
cầu Tây Cốc	KX	xã Tây Cốc	H. Đotan Hùng	21° 38' 01"	105° 07' 51"					F-48-55-C-b
xóm Bài Lang	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đotan Hùng	21° 33' 18"	105° 11' 37"					F-48-55-C-d
xóm Bãi Thờ	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đotan Hùng	21° 33' 20"	105° 10' 00"					F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cây Gia	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 10"	105° 09' 58"					F-48-55-C-d
xóm Cộng Hòa	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 36"	105° 11' 13"					F-48-55-C-d
xóm Cựu Gà	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 13"	105° 10' 26"					F-48-55-C-d
xóm Đằm Vàng	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 37"	105° 10' 41"					F-48-55-C-d
xóm Đình	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 54"	105° 10' 07"					F-48-55-C-d
xóm Độc Lập	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 49"	105° 11' 41"					F-48-55-C-d
xóm Đồn	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 39"	105° 10' 12"					F-48-55-C-d
xóm Giữa	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 01"	105° 10' 26"					F-48-55-C-d
xóm Lán Gỗ	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 04"	105° 10' 46"					F-48-55-C-d
xóm Lăng Mông	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 36"	105° 10' 59"					F-48-55-C-d
xóm Liên Đồn	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 36"	105° 09' 51"					F-48-55-C-d
xóm Liên Thịnh	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 24"	105° 10' 28"					F-48-55-C-d
xóm Mới	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 39"	105° 10' 33"					F-48-55-C-d
xóm Nhà Xa	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 05"	105° 11' 40"					F-48-55-C-d
xóm Tân Lập	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 45"	105° 09' 35"					F-48-55-C-d
xóm Tân Sơn	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 13"	105° 09' 37"					F-48-55-C-d
khu Thôn Hải	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 28"	105° 10' 21"					F-48-55-C-d
khu Văn Mộng	DC	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 40"	105° 11' 25"					F-48-55-C-d
núi Nghè	SV	xã Tiểu Sơn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 16"	105° 10' 54"					F-48-55-C-d
thôn Bảo Hựu	DC	xã Văn Đồn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 30"	105° 12' 17"					F-48-55-C-d
thôn Châm Nhị	DC	xã Văn Đồn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 08"	105° 12' 38"					F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Đồng Ý	DC	xã Văn Đồn	H. Đoàn Hùng	21° 35' 27"	105° 11' 49"							F-48-55-C-d
thôn Khả Lang	DC	xã Văn Đồn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 59"	105° 13' 31"							F-48-55-C-d
thôn Kim Long	DC	xã Văn Đồn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 39"	105° 12' 04"							F-48-55-C-d
xóm Láng	DC	xã Văn Đồn	H. Đoàn Hùng	21° 33' 56"	105° 12' 02"							F-48-55-C-d
thôn Phú Lương	DC	xã Văn Đồn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 13"	105° 12' 57"							F-48-55-C-d
thôn Văn Cốc	DC	xã Văn Đồn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 36"	105° 12' 52"							F-48-55-C-d
núi Thái Xương	SV	xã Văn Đồn	H. Đoàn Hùng	21° 34' 41"	105° 13' 39"							F-48-55-C-d
xóm Chùa	DC	xã Văn Du	H. Đoàn Hùng	21° 39' 51"	105° 10' 14"							F-48-55-C-b
xóm Miếu Phú	DC	xã Văn Du	H. Đoàn Hùng	21° 40' 08"	105° 11' 09"							F-48-55-C-b
xóm Nam Đầu	DC	xã Văn Du	H. Đoàn Hùng	21° 39' 55"	105° 10' 50"							F-48-55-C-b
xóm Rạng Đông	DC	xã Văn Du	H. Đoàn Hùng	21° 40' 00"	105° 10' 29"							F-48-55-C-b
xóm Tân Bình	DC	xã Văn Du	H. Đoàn Hùng	21° 39' 52"	105° 11' 17"							F-48-55-C-b
xóm Thành Lập	DC	xã Văn Du	H. Đoàn Hùng	21° 40' 07"	105° 10' 42"							F-48-55-C-b
xóm Trại Ván	DC	xã Văn Du	H. Đoàn Hùng	21° 40' 32"	105° 11' 09"							F-48-55-C-b
sông Chảy	TV	xã Văn Du	H. Đoàn Hùng			21° 39' 35"	105° 09' 58"	21° 38' 44"	105° 11' 12"			F-48-55-C-b
đường tỉnh 322	KX	xã Văn Du	H. Đoàn Hùng			21° 38' 55"	105° 11' 10"	21° 39' 40"	105° 09' 58"			F-48-55-C-b
cầu Đoàn Hùng	KX	xã Văn Du	H. Đoàn Hùng	21° 38' 49"	105° 11' 04"							F-48-55-C-b
xóm An Đạo	DC	xã Vụ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 34' 40"	105° 14' 27"							F-48-55-C-d
xóm Bờ Sông	DC	xã Vụ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 33' 24"	105° 16' 01"							F-48-55-D-c
xóm Chợ	DC	xã Vụ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 32' 27"	105° 15' 19"							F-48-55-D-c
xóm Đình	DC	xã Vụ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 34' 04"	105° 15' 29"							F-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Giữa	DC	xã Vũ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 32' 27"	105° 15' 48"					F-48-55-D-c
xóm Gò Mỏ	DC	xã Vũ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 33' 44"	105° 15' 51"					F-48-55-D-c
xóm Lục	DC	xã Vũ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 32' 06"	105° 15' 35"					F-48-55-D-c
xóm Miếu	DC	xã Vũ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 34' 20"	105° 14' 50"					F-48-55-C-d
xóm Văn Sơn	DC	xã Vũ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 34' 18"	105° 14' 16"					F-48-55-C-d
núi Bắc Mây	SV	xã Vũ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 34' 10"	105° 14' 57"					F-48-55-D-c
núi Chùa	SV	xã Vũ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 34' 48"	105° 14' 45"					F-48-55-C-d
núi Măng Tanh	SV	xã Vũ Quang	H. Đoàn Hùng	21° 34' 53"	105° 13' 51"					F-48-55-C-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Yên Kiên	H. Đoàn Hùng	21° 35' 26"	105° 10' 06"					F-48-55-C-d
thôn Hòa Bình	DC	xã Yên Kiên	H. Đoàn Hùng	21° 34' 57"	105° 09' 20"					F-48-55-C-d
xóm Mần	DC	xã Yên Kiên	H. Đoàn Hùng	21° 35' 10"	105° 08' 42"					F-48-55-C-d
thôn Tập Đoàn	DC	xã Yên Kiên	H. Đoàn Hùng	21° 35' 16"	105° 10' 34"					F-48-55-C-d
thôn Tứ Quận	DC	xã Yên Kiên	H. Đoàn Hùng	21° 35' 42"	105° 11' 07"					F-48-55-C-d
thôn Xây Dựng	DC	xã Yên Kiên	H. Đoàn Hùng	21° 35' 18"	105° 09' 19"					F-48-55-C-d
thôn Yên Lạc	DC	xã Yên Kiên	H. Đoàn Hùng	21° 35' 23"	105° 10' 56"					F-48-55-C-d
núi Ba Huyện	SV	xã Yên Kiên	H. Đoàn Hùng	21° 34' 37"	105° 08' 38"					F-48-55-C-d
đập Đá Đen	KX	xã Yên Kiên	H. Đoàn Hùng	21° 34' 36"	105° 09' 26"					F-48-55-C-d
khu 1	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 55."	105° 00' 09"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 03"	105° 00' 09"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 50"	105° 00' 50"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 09"	105° 00' 28"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 5	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 59"	105° 00' 51"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 32"	105° 01' 11"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 02"	105° 01' 06"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 34"	105° 00' 09"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 13"	105° 00' 28"					F-48-55-C-c
khu 10	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 41"	105° 00' 18"					F-48-55-C-c
khu 11	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 09"	105° 00' 41"					F-48-55-C-c
Ngôi Con	DC	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 35"	104° 59' 48"					F-48-55-C-c
đầm Ao Châu	TV	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 30"	105° 00' 52"					F-48-55-C-c
phà Âm Thượng	KX	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 34' 24"	104° 59' 331"					F-48-54-D-d
ga Âm Thượng	KX	TT. Hạ Hòa	H. Hạ Hòa	21° 33' 03"	105° 00' 12"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Âm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 42"	105° 01' 14"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Âm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 14"	105° 01' 55"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Âm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 34"	105° 01' 42"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Âm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 54"	105° 02' 21"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Âm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 08"	105° 02' 24"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Âm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 44"	105° 02' 17"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Âm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 25"	105° 03' 03"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Âm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 35' 07"	105° 02' 46"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Âm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 46"	105° 03' 15"					F-48-55-C-c
núi Buộm	SV	xã Âm Hạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 09"	105° 02' 28"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 314	KX	xã Ám Hạ	H. Hạ Hòa			21° 36' 07"	105° 02' 03"	21° 34' 48"	105° 03' 28"	F-48-55-C-c
đường tỉnh 314E	KX	xã Ám Hạ	H. Hạ Hòa			21° 34' 41"	105° 01' 21"	21° 35' 19"	105° 02' 43"	F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 00"	104° 59' 18"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 05"	104° 59' 32"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 31' 47"	104° 59' 33"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 12"	104° 59' 48"					F-48-54-D-d
khu 6	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 25"	104° 59' 42"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 39"	105° 00' 11"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 46"	105° 00' 23"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 52"	104° 59' 52"					F-48-54-D-d
khu 10	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 33' 05"	104° 59' 37"					F-48-54-D-d
khu 11	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 33' 11"	104° 59' 29"					F-48-54-D-d
khu 12	DC	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 47"	104° 59' 16"					F-48-54-D-d
núi Đồn Tây	SV	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 31' 21"	104° 59' 15"					F-48-55-C-b
đám Chiem	TV	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 59"	104° 59' 20"					F-48-54-D-d
ngòi Lao	TV	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa			21° 32' 08"	104° 59' 04"	21° 32' 51"	105° 00' 21"	F-48-54-D-d
đám Mùn	TV	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 31' 48"	104° 59' 19"					F-48-54-D-d
cầu Ngòi Lao	KX	xã Bằng Giã	H. Hạ Hòa	21° 32' 51"	105° 00' 17"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Cáo Điền	H. Hạ Hòa	21° 34' 53"	105° 05' 35"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Cáo Điền	H. Hạ Hòa	21° 34' 11"	105° 05' 33"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Cáo Điền	H. Hạ Hòa	21° 34' 05"	105° 05' 59"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 5	DC	xã Cáo Điền	H. Hạ Hòa	21° 33' 34"	105° 05' 50"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Cáo Điền	H. Hạ Hòa	21° 33' 42"	105° 05' 30"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 26"	105° 04' 03"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 24"	105° 04' 21"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 16"	105° 04' 30"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 54"	105° 04' 44"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 39"	105° 04' 39"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 16"	105° 04' 55"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 31' 11"	105° 05' 13"					F-48-55-C-c
đầm Chính Công	TV	xã Chính Công	H. Hạ Hòa	21° 30' 55"	105° 04' 46"					F-48-54-D-d
	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 34' 12"	104° 58' 22"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 34' 21"	104° 58' 39"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 34' 29"	104° 53' 58"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 54"	104° 59' 04"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 43"	104° 58' 42"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 28"	104° 59' 34"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 37"	104° 59' 31"					F-48-54-D-d
khu 8	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 53"	104° 59' 42"					F-48-54-D-d
khu 9	DC	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 01"	104° 57' 59"					F-48-55-C-b
núi Ông	SV	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 54"	104° 57' 59"					F-48-54-D-d
đầm Cây Xi	TV	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 57"	104° 58' 57"					F-48-54-D-d
hồ Láng Thượng	TV	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa	21° 33' 57"	104° 58' 57"					F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Quốc lộ 32C	KX	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa			21° 34' 25"	104° 58' 21"	21° 33' 20"	104° 59' 50"	F-48-54-D-d		
cầu Lương	KX	xã Chuế Lưu	H. Hạ Hòa			21° 34' 25"	104° 58' 20"			F-48-54-D-d		
khu 1	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 39' 21"	104° 58' 34"			F-48-54-D-b		
khu 2	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 38' 48"	104° 58' 23"			F-48-54-D-b		
khu 4	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 39' 21"	104° 59' 18"			F-48-54-D-b		
khu 6	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 39' 46"	104° 59' 22"			F-48-54-D-b		
khu 7	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 39' 12"	105° 00' 03"			F-48-55-C-a		
khu 8	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 39' 23"	105° 00' 38"			F-48-55-C-a		
khu 9	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 39' 42"	105° 00' 08"			F-48-55-C-a		
khu 10	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 39' 57"	104° 59' 59"			F-48-55-C-a		
khu 11	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 40' 36"	105° 00' 16"			F-48-55-C-a		
khu 17	DC	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa			21° 41' 00"	105° 00' 32"			F-48-55-C-a		
ngôi Còi	TV	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa							F-48-54-D-b		
đường tỉnh 314	KX	xã Đại Phạm	H. Hạ Hòa					21° 39' 10	104° 59' 33"	21° 39' 29	104° 58' 28"	
khu 1	DC	xã Đan Hà	H. Hạ Hòa					21° 40' 45"	105° 00' 39"	21° 38' 58"	105° 00' 22"	
khu 2	DC	xã Đan Hà	H. Hạ Hòa			21° 37' 49"	104° 56' 15"					
khu 5	DC	xã Đan Hà	H. Hạ Hòa			21° 37' 57"	104° 55' 51"					
khu 7	DC	xã Đan Hà	H. Hạ Hòa			21° 38' 08"	104° 56' 46"					
đập Đồng Phai	KX	xã Đan Hà	H. Hạ Hòa			21° 37' 39"	104° 56' 38"					
khu 1	DC	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa			21° 38' 22"	104° 56' 49"					
khu 2	DC	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa			21° 37' 17"	104° 57' 02"					
	DC	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa			21° 37' 12"	104° 56' 26"					

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 3	DC	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 37' 31"	104° 56' 11"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 37' 35"	104° 55' 50"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 37' 20"	104° 55' 25"					F-48-54-D-d
đường tỉnh 320	KX	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa			21° 37' 42"	104° 56' 19"	21° 36' 57"	104° 57' 06"	F-48-54-D-d
ga Đoàn Thượng	KX	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 37' 14"	104° 56' 54"					F-48-54-D-d
đền Thượng	KX	xã Đan Thượng	H. Hạ Hòa	21° 38' 36"	105° 11' 14"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 36' 38"	104° 56' 48"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 36' 48"	104° 56' 16"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 36' 54"	104° 55' 41"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 36' 48"	104° 55' 24"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 36' 21"	104° 55' 36"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Động Lâm	H. Hạ Hòa	21° 35' 33"	104° 55' 55"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Gia Diên	H. Hạ Hòa	21° 36' 20"	105° 03' 54"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Gia Diên	H. Hạ Hòa	21° 36' 46"	105° 03' 37"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Gia Diên	H. Hạ Hòa	21° 36' 23"	105° 03' 16"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Gia Diên	H. Hạ Hòa	21° 35' 57"	105° 03' 22"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Gia Diên	H. Hạ Hòa	21° 36' 04"	105° 02' 14"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Gia Diên	H. Hạ Hòa	21° 36' 22"	105° 02' 14"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Gia Diên	H. Hạ Hòa	21° 36' 07"	105° 01' 47"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Gia Diên	H. Hạ Hòa	21° 36' 32"	105° 01' 31"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Gia Diên	H. Hạ Hòa	21° 37' 10"	105° 02' 06"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 10	DC	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa	21° 37' 04"	105° 01' 36"					F-48-55-C-c
đường tỉnh 314	KX	xã Gia Điền	H. Hạ Hòa			21° 37' 08"	105° 01' 31"	21° 36' 07"	105° 02' 03"	F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 37' 10"	105° 00' 56"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 37' 37"	105° 00' 44"					F-48-55-C-a
khu 3	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 37' 22"	105° 01' 23"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 37' 37"	105° 01' 03"					F-48-55-C-a
khu 5	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 11"	105° 01' 13"					F-48-55-C-a
khu 6	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 31"	105° 00' 54"					F-48-55-C-a
khu 7	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 43"	105° 00' 25"					F-48-55-C-a
khu 8	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 34"	104° 59' 54"					F-48-54-D-b
khu 9	DC	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 12"	105° 00' 17"					F-48-55-C-a
đường tỉnh 314	KX	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa			21° 38' 58"	105° 00' 22"	21° 37' 08"	105° 01' 31"	F-48-55-C-c
cầu Hà Lương	KX	xã Hà Lương	H. Hạ Hòa	21° 38' 45"	105° 00' 27"					F-48-55-C-a
khu 4	DC	xã Hậu Bổng	H. Hạ Hòa	21° 38' 36"	104° 56' 18"					F-48-54-D-b
khu 6	DC	xã Hậu Bổng	H. Hạ Hòa	21° 38' 10"	104° 55' 39"					F-48-54-D-b
khu 7	DC	xã Hậu Bổng	H. Hạ Hòa	21° 38' 14"	104° 55' 03"					F-48-54-D-b
sông Hồng	TV	xã Hậu Bổng	H. Hạ Hòa			21° 39' 08"	104° 56' 12"	21° 38' 14"	104° 54' 39"	F-48-54-D-b
khu 2	DC	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 14"	104° 54' 38"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 36"	104° 54' 42"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 39"	104° 55' 12"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 48"	104° 54' 17"					F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đầm Vân Hội	TV	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 35' 54"	104° 53' 41"							F-48-54-D-d
quốc lộ 32C	KX	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa					21° 36' 37"	104° 54' 11"	21° 36' 33"	104° 55' 07"	F-48-54-D-d
đền Mẫu Âu Cơ	KX	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 18"	104° 54' 45"							F-48-54-D-d
cầu Ngòi Vắn	KX	xã Hiền Lương	H. Hạ Hòa	21° 36' 29"	104° 54' 32"							F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 27"	105° 03' 25"							F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 06"	105° 03' 40"							F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 32"	105° 04' 13"							F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 32' 54"	105° 04' 13"							F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 01"	105° 04' 38"							F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 29"	105° 04' 32"							F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 25"	105° 04' 54"							F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 33' 42"	105° 04' 50"							F-48-55-C-c
khu 11	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 19"	105° 04' 45"							F-48-55-C-c
khu 12	DC	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 37"	105° 04' 28"							F-48-55-C-c
đường tỉnh 314	KX	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa					21° 34' 38"	105° 04' 16"	21° 32' 41"	105° 04' 46"	F-48-55-C-c
Công ty Chè Phú Bản	KX	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 31' 15"	104° 53' 45"							F-48-55-C-c
cầu Hương Xạ	KX	xã Hương Xạ	H. Hạ Hòa	21° 34' 35"	105° 04' 30"							F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 36' 18"	104° 56' 56"							F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 36' 11"	104° 57' 24"							F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 26"	104° 57' 31"							F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 48"	104° 57' 06"							F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 8	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 39"	104° 56' 59"					F-48-54-D-d
khu 9	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 26"	104° 56' 50"					F-48-54-D-d
khu 10	DC	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 07"	104° 56' 50"					F-48-54-D-d
đầm Móng Hội	TV	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 34' 52"	104° 57' 07"					F-48-54-D-d
đầm Trì	TV	xã Lâm Lợi	H. Hạ Hòa	21° 35' 58"	104° 56' 04"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 32' 20"	105° 01' 46"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 32' 37"	105° 01' 55"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 32' 43"	105° 02' 13"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 33' 20"	105° 02' 26"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 59"	105° 02' 17"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 49"	105° 01' 58"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 59"	105° 01' 48"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 50"	105° 01' 42"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 36"	105° 01' 40"					F-48-55-C-c
khu 10	DC	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 31' 24"	105° 02' 12"					F-48-55-C-c
đầm Trắng	TV	xã Lang Sơn	H. Hạ Hòa	21° 32' 41"	105° 01' 57"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 37' 56"	104° 58' 23"					F-48-54-D-b
khu 2	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 37' 48"	104° 57' 39"					F-48-54-D-b
khu 3	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 37' 18"	104° 57' 41"					F-48-54-D-b
khu 4	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 55"	104° 57' 27"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 37' 01"	104° 57' 40"					F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 6	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 54"	104° 57' 46"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 37"	104° 57' 53"					F-48-54-D-d
khu 8	DC	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 41"	104° 58' 10"					F-48-54-D-d
đồng Trò	TV	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 46"	104° 58' 15"					F-48-54-D-d
chùa Lệnh Khanh	KX	xã Lệnh Khanh	H. Hạ Hòa	21° 36' 43"	104° 57' 34"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 52"	104° 54' 43"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 42"	104° 54' 54"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 36"	104° 55' 04"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 27"	104° 55' 14"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 15"	104° 54' 27"					F-48-54-D-d
khu 6	DC	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 27"	104° 54' 25"					F-48-54-D-d
đồ Đức Quán	KX	xã Liên Phương	H. Hạ Hòa	21° 37' 59"	104° 54' 21"					F-48-54-D-b
khu 1	DC	xã Mai Tùng	H. Hạ Hòa	21° 30' 51"	105° 02' 31"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Mai Tùng	H. Hạ Hòa	21° 30' 54"	105° 02' 19"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Mai Tùng	H. Hạ Hòa	21° 30' 43"	105° 02' 38"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Mai Tùng	H. Hạ Hòa	21° 30' 34"	105° 02' 40"					F-48-55-C-c
đường tỉnh 320	KX	xã Mai Tùng	H. Hạ Hòa			21° 30' 48"	105° 02' 05"	21° 30' 10"	105° 03' 11"	F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 31' 01"	105° 01' 14"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 30' 49"	105° 00' 31"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 30' 18"	105° 01' 28"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 30' 31"	105° 01' 49"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 7	DC	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 29' 55"	105° 02' 04"					F-48-67-A-a
hồ Đồng Đảo	TV	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 29' 49"	105° 01' 32"					F-48-67-A-a
hồ Giáp Ất	TV	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 30' 56"	105° 01' 12"					F-48-55-C-c
cầu Ngòi Giành	KX	xã Minh Côi	H. Hạ Hòa	21° 29' 56"	105° 02' 30"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 32' 59"	105° 00' 41"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 32' 41"	105° 01' 06"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 33' 23"	105° 01' 03"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 33' 01"	105° 01' 23"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 32' 33"	105° 01' 23"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa	21° 33' 31"	105° 01' 50"					F-48-55-C-c
đường tỉnh 320	KX	xã Minh Hạc	H. Hạ Hòa			21° 32' 58"	105° 00' 38"	21° 32' 21"	105° 01' 31"	F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 37' 38"	104° 59' 21"					F-48-54-D-b
khu 2	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 58"	104° 59' 04"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 30"	104° 59' 20"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 47"	104° 59' 41"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 17"	104° 59' 44"					F-48-54-D-d
khu 6	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 14"	104° 59' 12"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 19"	104° 58' 13"					F-48-54-D-d
khu 9	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 08"	104° 58' 01"					F-48-54-D-d
khu 10	DC	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 35' 41"	104° 58' 12"					F-48-54-D-d
đầm Lớn	TV	xã Phụ Khánh	H. Hạ Hòa	21° 36' 05"	104° 58' 36"					F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 320	KX	xã Phú Khánh	H. Hạ Hòa			21° 36' 12"	104° 57' 46"	21° 35' 17"	104° 58' 16"	F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 36' 01"	105° 04' 17"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 35' 38"	105° 04' 14"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 35' 03"	105° 05' 08"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 36' 06"	105° 04' 44"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 35' 53"	105° 05' 30"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 35' 23"	105° 05' 41"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Phương Viên	H. Hạ Hòa	21° 35' 25"	105° 05' 08"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 51"	104° 54' 41"					F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 23"	104° 54' 51"					F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 04"	104° 55' 32"					F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 33' 12"	104° 53' 53"					F-48-54-D-d
núi Kìm	SV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 33' 19"	104° 52' 52"					F-48-55-C-b
núi Trưa	SV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 34' 05"	104° 54' 08"					F-48-55-C-b
đầm Nang	TV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 33	104° 55' 29"					F-48-54-D-d
suối Ngòi Hạ	TV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa			21° 32' 41	104° 53' 11"	21° 34' 03"	104° 53' 45"	F-48-54-D-d
đầm Ngòi Lớn	TV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 2	104° 54' 56"					F-48-54-D-d
đầm Thanh Ba	TV	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 35' 37	104° 54' 25"					F-48-54-D-d
cầu Trền	KX	xã Quân Khê	H. Hạ Hòa	21° 33' 14"	104° 53' 56"					F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 22"	105° 00' 23"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 30"	105° 00' 45"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 3	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 05"	105° 01' 19"							F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 31' 31"	105° 00' 57"							F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 31' 45"	105° 00' 45"							F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 04"	105° 00' 37"							F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 05"	105° 00' 12"							F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 31' 45"	105° 00' 26"							F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 31' 17"	104° 59' 47"							F-48-54-D-d
khu 10	DC	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 30' 04"	105° 00' 12"							F-48-55-C-c
núi Đá Nẻ	SV	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 31' 02"	104° 58' 57"							F-48-55-C-b
hồ Cửa Hoàng	TV	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa	21° 32' 05"	105° 00' 28"							F-48-55-C-c
ngôi Quế	TV	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa					21° 31' 54 "	105° 00' 50"	21° 31' 35"	105° 01' 23"	F-48-55-C-c
quốc lộ 32C	KX	xã Văn Lang	H. Hạ Hòa					21° 32' 38"	105° 00' 33"	21° 31' 34"	105° 01' 18"	F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 17"	105° 03' 06"							F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 40"	105° 03' 17"							F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 40"	105° 03' 28"							F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 16"	105° 03' 28"							F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 09"	105° 03' 35"							F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 05"	105° 03' 30"							F-48-67-A-a
khu 9	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 29' 58"	105° 03' 41"							F-48-67-A-a
khu 10	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 29' 56"	105° 03' 55"							F-48-67-A-a
khu 11	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 30' 42"	105° 04' 08"							F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 12	DC	xã Vĩnh Chân	H. Hạ Hòa	21° 31' 10"	105° 04' 04"							F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 12"	104° 57' 12"							F-48-54-D-d
khu 2	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 32"	104° 57' 27"							F-48-54-D-d
khu 3	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 10"	104° 57' 58"							F-48-54-D-d
khu 4	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 27"	104° 58' 00"							F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 43"	104° 58' 34"							F-48-54-D-d
khu 6	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 32' 26"	104° 57' 58"							F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 41"	104° 57' 41"							F-48-54-D-d
khu 8	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 15"	104° 57' 36"							F-48-54-D-d
khu 9	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 44"	104° 57' 34"							F-48-54-D-d
khu 10	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 27"	104° 57' 00"							F-48-54-D-d
khu 11	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 10"	104° 56' 43"							F-48-54-D-d
khu 12	DC	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 58"	104° 56' 47"							F-48-54-D-d
núi Chính	SV	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 12"	104° 55' 53"							F-48-55-C-b
núi Gò Rẻ	SV	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 43"	104° 56' 41"							F-48-55-C-b
núi Khe Dầu	SV	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 07"	104° 58' 59"							F-48-55-C-b
núi Thiều	SV	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 29' 20"	104° 57' 40"							F-48-66-B-b
ngôi Lao	TV	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa			21° 30' 33	104° 55' 54"	21° 32' 08"	104° 59' 04"			F-48-54-D-d
Công ty Lâm nghiệp Sông Thao	KX	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 54"	104° 57' 55"							F-48-54-D-d
trại giam Số 1 Tân Lập	KX	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 30' 01"	104° 56' 08"							F-48-54-D-d
trại giam Số 2 Tân Lập	KX	xã Vô Tranh	H. Hạ Hòa	21° 31' 00"	104° 57' 15"							F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 1	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 41"	105° 03' 50"						F-48-67-A-a	
khu 2	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 38"	105° 03' 56"						F-48-67-A-a	
khu 3	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 29"	105° 04' 09"						F-48-67-A-a	
khu 4	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 25"	105° 04' 22"						F-48-67-A-a	
khu 5	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 22"	105° 04' 29"						F-48-67-A-a	
khu 6	DC	xã Vụ Cầu	H. Hạ Hòa	21° 29' 20"	105° 04' 37"						F-48-67-A-a	
khu 1	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 34' 23"	104° 57' 59"						F-48-54-D-d	
khu 3	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 34' 26"	104° 56' 51"						F-48-54-D-d	
khu 4	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 34' 27"	104° 56' 13"						F-48-54-D-d	
khu 7	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 33' 05"	104° 57' 03"						F-48-54-D-d	
khu 10	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 33' 44"	104° 56' 23"						F-48-54-D-d	
khu 11	DC	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 32' 30"	104° 55' 26"						F-48-54-D-d	
núi Giác	SV	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 33' 58"	104° 55' 33"						F-48-55-C-b	
núi Ván	SV	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 32' 43"	104° 56' 07"						F-48-55-C-b	
đầm Phai Láng	TV	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 34' 10"	104° 56' 12"						F-48-54-D-d	
đập Hàm Kỳ	KX	xã Xuân Áng	H. Hạ Hòa	21° 33' 42"	104° 55' 59"						F-48-54-D-d	
khu 1	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 41"	104° 58' 40"						F-48-54-D-d	
khu 2	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 27"	104° 58' 46"						F-48-54-D-d	
khu 3	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 13"	104° 58' 51"						F-48-54-D-d	
khu 4	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 08"	104° 59' 19"						F-48-54-D-d	
khu 5	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 34' 56"	104° 59' 44"						F-48-54-D-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 6	DC	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 42"	104° 59' 36"					F-48-54-D-d
đầm Y Sơn	TV	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa	21° 35' 11"	104° 58' 45"					F-48-54-D-d
đường tỉnh 320	KX	xã Y Sơn	H. Hạ Hòa			21° 35' 16"	104° 58' 16"	21° 34' 43"	104° 59' 27"	F-48-54-D-d
khu 1	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 33' 29"	105° 07' 34"					F-48-55-C-d
khu 2	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 33' 46"	105° 06' 45"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 33' 29"	105° 06' 57"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 33' 09"	105° 06' 36"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 50"	105° 06' 01"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 33' 01"	105° 05' 44"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 29"	105° 05' 28"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 03"	105° 05' 30"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 31' 48"	105° 05' 13"					F-48-55-C-c
khu 10	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 34"	105° 05' 28"					F-48-55-C-c
khu 12	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 20"	105° 05' 07"					F-48-55-C-c
khu 13	DC	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 34' 36"	105° 07' 41"					F-48-55-C-d
núi An Đô	SV	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 34' 14"	105° 08' 13"					F-48-55-C-d
núi Bằng Đền	SV	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 34' 47"	105° 08' 23"					F-48-55-C-d
cầu Yên Kỳ	KX	xã Yên Kỳ	H. Hạ Hòa	21° 32' 09"	105° 05' 16"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 05"	105° 02' 45"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 22"	105° 02' 38"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 35"	105° 02' 35"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 4	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 48"	105° 02' 28"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 41"	105° 02' 54"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 32' 27"	105° 03' 07"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 30"	105° 02' 53"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 38"	105° 03' 14"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 18"	105° 03' 25"					F-48-55-C-c
khu 10	DC	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 31' 06"	105° 03' 34"					F-48-55-C-c
đầm Đồng Dương	TV	xã Yên Luật	H. Hạ Hòa	21° 30' 49"	105° 03' 47"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 48"	105° 17' 35"					F-48-67-B-c
thôn Hậu Lộc	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 09"	105° 17' 59"					F-48-67-B-c
xóm Miếu	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 51"	105° 17' 30"					F-48-67-B-c
xóm Ngự	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 49"	105° 17' 12"					F-48-67-B-c
xóm Phương	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 53"	105° 18' 02"					F-48-67-B-c
xóm Tráng	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 22' 00"	105° 17' 43"					F-48-67-B-c
làng Trạo	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 30"	105° 17' 58"					F-48-67-B-c
làng Vĩ	DC	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 17"	105° 17' 39"					F-48-67-B-c
cầu Bưởi	KX	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 21' 08"	105° 17' 28"					F-48-67-B-c
ga Tiên Kiên	KX	TT. Hùng Sơn	H. Lâm Thao	21° 22' 02"	105° 17' 27"					F-48-67-B-c
xóm Chùa	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 29"	105° 17' 06"					F-48-67-B-c
xóm Lâm Lý	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 20' 05"	105° 16' 48"					F-48-67-B-c
khu Lâm Nghĩa	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 26"	105° 17' 32"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Phương Lai 6	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 48"	105° 17' 14"							F-48-67-B-c
xóm Phương Lai 7	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 34"	105° 17' 12"							F-48-67-B-c
khu Sơn Thị	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 35"	105° 16' 48"							F-48-67-B-c
khu Tân Tiến	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 45"	105° 17' 01"							F-48-67-B-c
khu Tân Trung	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 46"	105° 16' 47"							F-48-67-B-c
khu Thắng Lợi	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 36"	105° 17' 44"							F-48-67-B-c
khu Thủy Nhật	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 27"	105° 17' 04"							F-48-67-B-c
khu Tiến Mới	DC	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 19' 48"	105° 17' 07"							F-48-67-B-c
sông Hồng	TV	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao			21° 20' 10"	105° 16' 10"	21° 19' 12"	105° 16' 14"			F-48-67-B-c
Công ty Supe Phốt Phát và Hoá chất Lâm Thao	KX	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 20' 03"	105° 17' 01"							F-48-67-B-c
cầu Trắng	KX	TT. Lâm Thao	H. Lâm Thao	21° 18' 58"	105° 16' 57"							F-48-67-B-c
thôn Cống Á	DC	xã Bản Nguyên	H. Lâm Thao	21° 16' 13"	105° 17' 45"							F-48-67-B-c
thôn Quỳnh Lâm	DC	xã Bản Nguyên	H. Lâm Thao	21° 15' 13"	105° 19' 35"							F-48-67-B-c
thôn Thành Chu	DC	xã Bản Nguyên	H. Lâm Thao	21° 15' 40"	105° 18' 22"							F-48-67-B-c
sông Hồng	TV	xã Bản Nguyên	H. Lâm Thao			21° 16' 00"	105° 17' 18"	21° 14' 54"	105° 19' 56"			F-48-67-B-c, F-48-67-D-a
thôn Cao Lĩnh	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 32"	105° 19' 36"							F-48-67-B-c
thôn Cao Xá	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 03"	105° 20' 06"							F-48-67-B-c
thôn Dục Mỹ	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 08"	105° 19' 31"							F-48-67-B-c
xóm Dương Khê	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 15"	105° 20' 57"							F-48-67-B-c
xóm Nam Nhạc	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 17' 59"	105° 20' 53"							F-48-67-B-c
xóm Phong Vân	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 17' 43"	105° 20' 51"							F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Thanh Hà	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 28"	105° 21' 02"						F-48-67-B-c	
thôn Vĩnh Mỹ	DC	xã Cao Xá	H. Lâm Thao	21° 18' 10"	105° 20' 43"						F-48-67-B-c	
thôn Bồng Lạng	DC	xã Hợp Hải	H. Lâm Thao	21° 17' 29"	105° 15' 52"						F-48-67-B-c	
thôn Lạng Thị	DC	xã Hợp Hải	H. Lâm Thao	21° 17' 51"	105° 16' 14"						F-48-67-B-c	
thôn Trung Thanh	DC	xã Hợp Hải	H. Lâm Thao	21° 18' 04"	105° 16' 24"						F-48-67-B-c	
thôn Vu Tử	DC	xã Hợp Hải	H. Lâm Thao	21° 18' 40"	105° 16' 40"						F-48-67-B-c	
cầu Phong Châu	KX	xã Hợp Hải	H. Lâm Thao	21° 17' 03"	105° 15' 24"						F-48-67-B-c	
thôn Hữu Bồ	DC	xã Kinh Kệ	H. Lâm Thao	21° 16' 51"	105° 16' 08"						F-48-67-B-c	
thôn Kinh Kệ	DC	xã Kinh Kệ	H. Lâm Thao	21° 16' 20"	105° 17' 06"						F-48-67-B-c	
thôn Phùng Nguyễn	DC	xã Kinh Kệ	H. Lâm Thao	21° 17' 38"	105° 16' 39"						F-48-67-B-c	
sông Hồng	TV	xã Kinh Kệ	H. Lâm Thao			21° 17' 07"	105° 15' 28"	21° 16' 00"	105° 17' 18"		F-48-67-B-c	
thôn Chung Chính	DC	xã Sơn Dương	H. Lâm Thao	21° 17' 31"	105° 17' 23"						F-48-67-B-c	
thôn Đại Đình	DC	xã Sơn Dương	H. Lâm Thao	21° 17' 12"	105° 17' 26"						F-48-67-B-c	
thôn Dục Hiền	DC	xã Sơn Dương	H. Lâm Thao	21° 17' 44"	105° 17' 42"						F-48-67-B-c	
thôn Do Nghĩa	DC	xã Sơn Vi	H. Lâm Thao	21° 19' 10"	105° 17' 53"						F-48-67-B-c	
xóm Làng Nội	DC	xã Sơn Vi	H. Lâm Thao	21° 19' 03"	105° 17' 30"						F-48-67-B-c	
thôn Phú Cường	DC	xã Sơn Vi	H. Lâm Thao	21° 18' 51"	105° 18' 13"						F-48-67-B-c	
thôn Vạn Thắng	DC	xã Sơn Vi	H. Lâm Thao	21° 18' 34"	105° 18' 35"						F-48-67-B-c	
kh. Hồng Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 27"	105° 16' 33"						F-48-67-B-c	
xóm Miếu	DC	xã Thạch Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 56"	105° 16' 54"						F-48-67-B-c	
kh. Môm Dền	DC	xã Thạch Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 21"	105° 16' 52"						F-48-67-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Nhà Lối	DC	xã Thạch Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 53"	105° 17' 16"					F-48-67-B-c
ga Lâm Thao	KX	xã Thạch Sơn	H. Lâm Thao	21° 20' 26"	105° 17' 26"					F-48-67-B-c
xóm Bướm	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 42"	105° 17' 53"					F-48-67-B-a
xóm Cầu Nhân	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 01"	105° 18' 11"					F-48-67-B-a
xóm Đoàn Kết	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 22' 46"	105° 17' 23"					F-48-67-B-a
xóm Đường	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 22' 14"	105° 17' 29"					F-48-67-B-c
xóm Lum	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 22' 21"	105° 18' 04"					F-48-67-B-c
xóm Ma Gò	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 22' 31"	105° 17' 53"					F-48-67-B-a
xóm Mỡ	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 24"	105° 16' 57"					F-48-67-B-a
xóm Mòn	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 00"	105° 17' 49"					F-48-67-B-a
xóm Mua	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 22' 46"	105° 17' 43"					F-48-67-B-a
xóm Toán	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 58"	105° 17' 39"					F-48-67-B-a
xóm Trầu	DC	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 24' 04"	105° 17' 05"					F-48-67-B-a
Trường Cao đẳng Hoà chất	KX	xã Tiên Kiên	H. Lâm Thao	21° 23' 22"	105° 17' 49"					F-48-67-B-a
thôn Đoàn Kết	DC	xã Tứ xã	H. Lâm Thao	21° 16' 36"	105° 17' 56"					F-48-67-B-c
thôn Quyết Tiến	DC	xã Tứ xã	H. Lâm Thao	21° 16' 58"	105° 17' 52"					F-48-67-B-c
thôn Thắng Lợi	DC	xã Tứ xã	H. Lâm Thao	21° 17' 41"	105° 18' 23"					F-48-67-B-c
đền Xa Lọc	KX	xã Tứ xã	H. Lâm Thao	21° 17' 59"	105° 18' 52"					F-48-67-B-c
thôn Phú Cường	DC	xã Vĩnh Lại	H. Lâm Thao	21° 15' 20"	105° 19' 46"					F-48-67-B-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Vĩnh Lại	H. Lâm Thao	21° 15' 16"	105° 20' 18"					F-48-67-B-c
thôn Trịnh Xá	DC	xã Vĩnh Lại	H. Lâm Thao	21° 16' 58"	105° 20' 37"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vĩnh Tường	DC	xã Vĩnh Lại	H. Lâm Thao	21° 15' 51"	105° 20' 32"					F-48-67-B-c
thôn An Thọ	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 22' 06"	105° 15' 56"					F-48-67-B-c
thôn Hồng Sơn	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 21' 59"	105° 15' 41"					F-48-67-B-c
thôn Hưng Đạo	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 22' 37"	105° 15' 30"					F-48-67-B-a
thôn Phú Thịnh	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 21' 43"	105° 15' 50"					F-48-67-B-c
thôn Sơn Tường	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 21' 14"	105° 16' 15"					F-48-67-B-c
thôn Trung Thịnh	DC	xã Xuân Huy	H. Lâm Thao	21° 22' 54"	105° 15' 13"					F-48-67-B-a
thôn Hồng Đoàn	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 21' 58"	105° 16' 22"					F-48-67-B-c
thôn Hùng Tiến	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 22' 15"	105° 16' 46"					F-48-67-B-c
xóm Lũng Đạo	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 21' 41"	105° 16' 46"					F-48-67-B-c
xóm Nghĩa Hưng	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 22' 03"	105° 16' 48"					F-48-67-B-c
xóm Phú Bình	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 21' 34"	105° 16' 28"					F-48-67-B-c
xóm Phú Thượng	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 21' 56"	105° 16' 10"					F-48-67-B-c
xóm Phú Xuân	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 22' 22"	105° 16' 15"					F-48-67-B-c
thôn Vạn Thắng	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 22' 12"	105° 16' 21"					F-48-67-B-c
thôn Vạn Xuân	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 22' 41"	105° 16' 10"					F-48-67-B-a
thôn Vĩnh Long	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 21' 46"	105° 16' 23"					F-48-67-B-c
thôn Vĩnh Thịnh	DC	xã Xuân Lũng	H. Lâm Thao	21° 23' 13"	105° 16' 07"					F-48-67-B-a
xóm Diễn	DC	TT. Phong Châu	H. Phú Ninh	21° 22' 46"	105° 16' 45"					F-48-67-B-a
xóm Hồ He	DC	TT. Phong Châu	H. Phú Ninh	21° 24' 11"	105° 18' 12"					F-48-67-B-a
				21° 24' 24"	105° 17' 37"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
làng Lỗ Trĩ	DC	TT. Phong Châu	H. Phú Ninh	21° 24' 44"	105° 19' 30"							F-48-67-B-a
làng Móc	DC	TT. Phong Châu	H. Phú Ninh	21° 24' 38"	105° 17' 51"							F-48-67-B-a
làng Phú Lỗ	DC	TT. Phong Châu	H. Phú Ninh	21° 24' 20"	105° 17' 59"							F-48-67-B-a
xóm Trại Cầu	DC	TT. Phong Châu	H. Phú Ninh	21° 24' 45"	105° 18' 37"							F-48-67-B-a
xóm Xuân Hưng	DC	TT. Phong Châu	H. Phú Ninh	21° 24' 22"	105° 19' 14"							F-48-67-B-a
khách sạn Bãi Bằng	KX	TT. Phong Châu	H. Phú Ninh	21° 24' 13"	105° 19' 02"							F-48-67-B-a
Trường Cao đẳng nghề công nghệ Giấy và Cơ điện	KX	TT. Phong Châu	H. Phú Ninh	21° 24' 36"	105° 19' 01"							F-48-67-B-a
Tổng công ty Giấy Việt Nam	KX	TT. Phong Châu	H. Phú Ninh	21° 25' 07"	105° 18' 44"							F-48-67-B-a
khu 1	DC	xã An Đạo	H. Phú Ninh	21° 24' 03"	105° 22' 06"							F-48-67-B-a
khu 2	DC	xã An Đạo	H. Phú Ninh	21° 24' 19"	105° 21' 59"							F-48-67-B-a
khu 4	DC	xã An Đạo	H. Phú Ninh	21° 24' 23"	105° 21' 30"							F-48-67-B-a
khu 6	DC	xã An Đạo	H. Phú Ninh	21° 25' 01"	105° 21' 39"							F-48-67-B-a
khu 7	DC	xã An Đạo	H. Phú Ninh	21° 24' 53"	105° 20' 35"							F-48-67-B-a
khu 9	DC	xã An Đạo	H. Phú Ninh	21° 25' 27"	105° 22' 19"							F-48-67-B-a
khu 10	DC	xã An Đạo	H. Phú Ninh	21° 25' 14"	105° 21' 29"							F-48-67-B-a
sông Lô	TV	xã An Đạo	H. Phú Ninh			21° 25' 11"	105° 20' 40"	21° 25' 57"	105° 22' 10"			F-48-67-B-a
đường tỉnh 323C	KX	xã An Đạo	H. Phú Ninh			21° 24' 45"	105° 22' 05"	21° 24' 26"	105° 20' 58"			F-48-67-B-a
cảng An Đạo	KX	xã An Đạo	H. Phú Ninh	21° 25' 03"	105° 20' 45"							F-48-67-B-a
cổng Mên	KX	xã An Đạo	H. Phú Ninh	105° 20' 32"	21° 25' 02"							F-48-67-B-a
xóm Bùng	DC	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh	21° 28' 10"	105° 17' 16"							F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cầu Dê	DC	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh	21° 28' 30"	105° 17' 46"					F-48-67-B-a
xóm Chiếm	DC	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh	21° 27' 57"	105° 17' 36"					F-48-67-B-a
xóm Đồng Cò	DC	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh	21° 28' 15"	105° 16' 41"					F-48-67-B-a
xóm Hóp Nác	DC	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh	21° 27' 45"	105° 17' 05"					F-48-67-B-a
xóm Lũng Châu	DC	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh	21° 27' 32"	105° 17' 29"					F-48-67-B-a
xóm Thanh Thủy	DC	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh	21° 27' 42"	105° 18' 00"					F-48-67-B-a
xóm Triều	DC	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh	21° 28' 23"	105° 17' 09"					F-48-67-B-a
xóm Tư Phán	DC	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh	21° 27' 57"	105° 18' 11"					F-48-67-B-a
hồ Dục Dạm	TV	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh	21° 27' 34"	105° 16' 54"			21° 28' 37"	105° 17' 44"	F-48-67-B-a
đường tỉnh 323D	KX	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh			21° 28' 37"	105° 17' 44"			F-48-67-B-a
cầu Dê	KX	xã Bảo Thanh	H. Phú Ninh	21° 25' 14"	105° 23' 00"					F-48-67-B-b
xóm Đông	DC	xã Bình Bộ	H. Phú Ninh	21° 25' 02"	105° 22' 17"					F-48-67-B-a
xóm Minh Tiến	DC	xã Bình Bộ	H. Phú Ninh	21° 25' 43"	105° 22' 38"					F-48-67-B-b
xóm Nguyễn Nhạc	DC	xã Bình Bộ	H. Phú Ninh	21° 26' 37"	105° 18' 59"					F-48-67-B-a
thôn Cá	DC	xã Gia Thanh	H. Phú Ninh	21° 27' 03"	105° 18' 56"					F-48-67-B-a
thôn Đa	DC	xã Gia Thanh	H. Phú Ninh	21° 26' 26"	105° 18' 19"					F-48-67-B-a
thôn Mai	DC	xã Gia Thanh	H. Phú Ninh	21° 26' 45"	105° 19' 25"					F-48-67-B-a
thôn Rền	DC	xã Gia Thanh	H. Phú Ninh	21° 28' 47"	105° 18' 45"					F-48-67-B-a
thôn Nội	DC	xã Hạ Giáp	H. Phú Ninh	21° 27' 41"	105° 19' 53"					F-48-67-B-a
xóm Trại	DC	xã Hạ Giáp	H. Phú Ninh	21° 27' 57"	105° 19' 13"					F-48-67-B-a
thôn Vĩnh	DC	xã Hạ Giáp	H. Phú Ninh							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lô	TV	xã Hạ Giáp	H. Phú Ninh			21° 28' 35"	105° 19' 59"	21° 27' 43"	105° 20' 13"	F-48-67-B-a
làng Lang	DC	xã Lệ Mỹ	H. Phú Ninh	21° 30' 23"	105° 16' 46"					F-48-55-D-c
xóm Lập Lầu	DC	xã Lệ Mỹ	H. Phú Ninh	21° 30' 44"	105° 16' 33"					F-48-55-D-c
xóm Mỏ	DC	xã Lệ Mỹ	H. Phú Ninh	21° 30' 01"	105° 17' 09"					F-48-67-B-a
xóm Sào	DC	xã Lệ Mỹ	H. Phú Ninh	21° 30' 49"	105° 17' 24"					F-48-55-D-c
thôn Thọ Tràng	DC	xã Lệ Mỹ	H. Phú Ninh	21° 30' 28"	105° 17' 44"					F-48-55-D-c
xóm An Lập	DC	xã Liên Hoa	H. Phú Ninh	21° 30' 22"	105° 16' 19"					F-48-55-D-c
xóm Cẩm Sơn	DC	xã Liên Hoa	H. Phú Ninh	21° 31' 25"	105° 15' 24"					F-48-55-D-c
xóm Chợ Cầu	DC	xã Liên Hoa	H. Phú Ninh	21° 30' 03"	105° 15' 31"					F-48-55-D-c
xóm Đồng Bua	DC	xã Liên Hoa	H. Phú Ninh	21° 29' 55"	105° 15' 59"					F-48-67-B-a
xóm Đồng Trờ	DC	xã Liên Hoa	H. Phú Ninh	21° 31' 07"	105° 14' 43"					F-48-55-C-d
xóm Phú Lão	DC	xã Liên Hoa	H. Phú Ninh	21° 30' 22"	105° 15' 10"					F-48-55-D-c
xóm Trung Hiếu	DC	xã Liên Hoa	H. Phú Ninh	21° 29' 42"	105° 15' 37"					F-48-67-B-a
thôn An Mỹ	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 26' 12"	105° 17' 13"					F-48-67-B-a
xóm Đá Giồng	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 26' 47"	105° 17' 17"					F-48-67-B-a
xóm Dân Chủ	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 26' 23"	105° 16' 54"					F-48-67-B-a
xóm Dục Đào	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 24' 54"	105° 16' 49"					F-48-67-B-a
xóm Đồi Mới	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 25' 42"	105° 17' 48"					F-48-67-B-a
xóm Gò Con	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 25' 06"	105° 17' 13"					F-48-67-B-a
xóm Gò Láng	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 24' 31"	105° 16' 49"					F-48-67-B-a
xóm Hòa Bình	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 27' 03"	105° 17' 37"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hóc Ké	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 25' 48"	105° 16' 42"					F-48-67-B-a
xóm Liên Minh	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 26' 15"	105° 17' 40"					F-48-67-B-a
xóm Phú Lộc	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 26' 01"	105° 17' 29"					F-48-67-B-a
xóm Rừng Chùa	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 25' 16"	105° 16' 35"					F-48-67-B-a
xóm Rừng Sắt	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 25' 16"	105° 16' 58"					F-48-67-B-a
thôn Thạch Xương	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 26' 31"	105° 17' 34"					F-48-67-B-a
xóm Trại Quyết	DC	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh	21° 26' 58"	105° 16' 58"					F-48-67-B-a
quốc lộ 2	KX	xã Phú Lộc	H. Phú Ninh			21° 26' 39"	105° 16' 47"	21° 25' 06"	105° 17' 47"	F-48-55-D-c
xóm Ban Thái	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Ninh	21° 31' 07"	105° 16' 46"					F-48-55-D-c
làng Bón	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Ninh	21° 32' 26"	105° 16' 21"					F-48-55-D-c
xóm Cây Hồng	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Ninh	21° 31' 04"	105° 16' 17"					F-48-55-D-c
xóm Cây Xung	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Ninh	21° 30' 51"	105° 16' 23"					F-48-55-D-c
xóm Chùa Am	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Ninh	21° 32' 06"	105° 16' 52"					F-48-55-D-c
xóm Dầu	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Ninh	21° 31' 11"	105° 17' 12"					F-48-55-D-c
xóm Gò Chùa	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Ninh	21° 31' 34"	105° 17' 10"					F-48-55-D-c
xóm Làng	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Ninh	21° 32' 00"	105° 17' 28"					F-48-55-D-c
xóm Núi Chui	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Ninh	21° 31' 45"	105° 15' 57"					F-48-55-D-c
xóm Quân Đầu	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Ninh	21° 30' 54"	105° 16' 52"					F-48-55-D-c
xóm Tân Lập	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Ninh	21° 31' 25"	105° 15' 58"					F-48-55-D-c
xóm Bình Khang	DC	xã Phú Nham	H. Phú Ninh	21° 26' 11"	105° 19' 28"					F-48-67-B-a
xóm Cao Bằng	DC	xã Phú Nham	H. Phú Ninh	21° 26' 04"	105° 19' 08"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Đình	DC	xã Phú Nham	H. Phú Ninh	21° 25' 51"	105° 19' 17"							F-48-67-B-a
xóm Hoàng Dư	DC	xã Phú Nham	H. Phú Ninh	21° 25' 29"	105° 18' 17"							F-48-67-B-a
xóm Hoàng Long	DC	xã Phú Nham	H. Phú Ninh	21° 25' 51"	105° 18' 47"							F-48-67-B-a
xóm Khuân	DC	xã Phú Nham	H. Phú Ninh	21° 25' 25"	105° 19' 25"							F-48-67-B-a
khu 1	DC	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 23' 56"	105° 20' 59"							F-48-67-B-a
khu 2	DC	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 23' 19"	105° 20' 33"							F-48-67-B-a
khu 3	DC	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 23' 00"	105° 20' 18"							F-48-67-B-a
khu 5	DC	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 23' 10"	105° 20' 01"							F-48-67-B-a
khu 6	DC	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 23' 35"	105° 20' 31"							F-48-67-B-a
khu 7	DC	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 23' 45"	105° 20' 17"							F-48-67-B-a
khu 9	DC	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 23' 49"	105° 19' 47"							F-48-67-B-a
khu 11	DC	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 24' 12"	105° 19' 42"							F-48-67-B-a
khu 12	DC	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 24' 23"	105° 20' 01"							F-48-67-B-a
khu 13	DC	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 23' 53"	105° 20' 33"							F-48-67-B-a
khu 14	DC	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 24' 10"	105° 20' 52"							F-48-67-B-a
quốc lộ 2	KX	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh			21° 24' 05"	105° 19' 08"	21° 22' 28"	105° 20' 18"			F-48-67-B-a
đường tỉnh 323C	KX	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh			21° 24' 25"	105° 20' 58"	21° 23' 52"	105° 19' 24"			F-48-67-B-a
Trung tâm Đào tạo Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	KX	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 23' 52"	105° 19' 18"							F-48-67-B-a
KCN Đồng Lạng	KX	xã Phú Ninh	H. Phú Ninh	21° 22' 49"	105° 20' 10"							F-48-67-B-a
xóm Núi	DC	xã Tiên Du	H. Phú Ninh	21° 27' 20"	105° 19' 31"							F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Thị	DC	xã Tiên Du	H. Phú Ninh	21° 25' 13"	105° 19' 57"						F-48-67-B-a	
xóm Thượng	DC	xã Tiên Du	H. Phú Ninh	21° 26' 20"	105° 20' 14"						F-48-67-B-a	
xóm Trại	DC	xã Tiên Du	H. Phú Ninh	21° 26' 54"	105° 19' 43"						F-48-67-B-a	
xóm Trung	DC	xã Tiên Du	H. Phú Ninh	21° 25' 48"	105° 19' 53"						F-48-67-B-a	
xóm Cả	DC	xã Tiên Phú	H. Phú Ninh	21° 28' 48"	105° 14' 09"						F-48-67-A-b	
xóm Chùa Tà	DC	xã Tiên Phú	H. Phú Ninh	21° 28' 23"	105° 13' 40"						F-48-67-A-b	
xóm Đặng	DC	xã Tiên Phú	H. Phú Ninh	21° 28' 15"	105° 14' 07"						F-48-67-A-b	
xóm Diêm	DC	xã Tiên Phú	H. Phú Ninh	21° 27' 54"	105° 15' 04"						F-48-67-B-a	
xóm Hu	DC	xã Tiên Phú	H. Phú Ninh	21° 28' 19"	105° 14' 36"						F-48-67-A-b	
xóm Lò	DC	xã Tiên Phú	H. Phú Ninh	21° 27' 39"	105° 14' 21"						F-48-67-A-b	
xóm Lò Than	DC	xã Tiên Phú	H. Phú Ninh	21° 28' 57"	105° 13' 34"						F-48-67-A-b	
xóm Nưa	DC	xã Tiên Phú	H. Phú Ninh	21° 28' 10"	105° 14' 51"						F-48-67-A-b	
trại Trại	DC	xã Tiên Phú	H. Phú Ninh	21° 28' 24"	105° 15' 14"						F-48-67-B-a	
xóm Vai	DC	xã Tiên Phú	H. Phú Ninh	21° 28' 57"	105° 15' 22"						F-48-67-B-a	
quốc lộ 2	KX	xã Tiên Phú	H. Phú Ninh			21° 29' 10"	105° 13' 30"	21° 27' 31"	105° 14' 23"		F-48-67-B-a	
xóm Cửa Chùa	DC	xã Trại Thần	H. Phú Ninh	21° 29' 53"	105° 13' 58"						F-48-67-A-b	
xóm Đồng Đầm	DC	xã Trại Thần	H. Phú Ninh	21° 29' 21"	105° 14' 04"						F-48-67-A-b	
xóm Đồng Khuân	DC	xã Trại Thần	H. Phú Ninh	21° 29' 17"	105° 13' 27"						F-48-67-A-b	
thôn Lâm	DC	xã Trại Thần	H. Phú Ninh	21° 30' 13"	105° 13' 30"						F-48-67-A-b	
xóm Làng	DC	xã Trại Thần	H. Phú Ninh	21° 29' 56"	105° 13' 38"						F-48-67-A-b	
xóm Làng Ngoài	DC	xã Trại Thần	H. Phú Ninh	21° 30' 04"	105° 14' 41"						F-48-67-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ngọc	DC	xã Trại Thản	H. Phú Ninh	21° 30' 06"	105° 13' 34"					F-48-55-C-d
thôn Thản	DC	xã Trại Thản	H. Phú Ninh	21° 29' 41"	105° 13' 25"					F-48-67-A-b
thôn Tổ	DC	xã Trại Thản	H. Phú Ninh	21° 29' 53"	105° 14' 34"					F-48-67-A-b
xóm Ván	DC	xã Trại Thản	H. Phú Ninh	21° 30' 13"	105° 13' 35"					F-48-55-C-d
núi Thản	SV	xã Trại Thản	H. Phú Ninh	21° 29' 38"	105° 12' 48"					F-48-67-A-b
chùa Quang Long	KX	xã Trại Thản	H. Phú Ninh	21° 29' 39"	105° 13' 18"					F-48-67-A-b
thôn An Lăng	DC	xã Trị Quận	H. Phú Ninh	21° 29' 14"	105° 18' 00"					F-48-67-B-a
xóm Bờ Nua	DC	xã Trị Quận	H. Phú Ninh	21° 28' 44"	105° 18' 09"					F-48-67-B-a
thôn Ngoại	DC	xã Trị Quận	H. Phú Ninh	21° 29' 29"	105° 19' 01"					F-48-67-B-a
thôn Ninh Viên	DC	xã Trị Quận	H. Phú Ninh	21° 30' 19"	105° 18' 54"					F-48-55-D-c
thôn Phú Thịnh	DC	xã Trị Quận	H. Phú Ninh	21° 29' 27"	105° 18' 32"					F-48-67-B-a
thôn Thạch	DC	xã Trị Quận	H. Phú Ninh	21° 29' 07"	105° 19' 11"					F-48-67-B-a
cầu Cát	KX	xã Trị Quận	H. Phú Ninh	21° 29' 43"	105° 17' 53"					F-48-67-B-a
xóm Cù	DC	xã Trung Giáp	H. Phú Ninh	21° 28' 22"	105° 16' 11"					F-48-67-B-a
xóm Giữa	DC	xã Trung Giáp	H. Phú Ninh	21° 27' 56"	105° 16' 29"					F-48-67-B-a
thôn Khuân Dấu	DC	xã Trung Giáp	H. Phú Ninh	21° 29' 04"	105° 16' 26"					F-48-67-B-a
xóm Mầu	DC	xã Trung Giáp	H. Phú Ninh	21° 27' 49"	105° 15' 51"					F-48-67-B-a
thôn Phú Lưu	DC	xã Trung Giáp	H. Phú Ninh	21° 28' 44"	105° 17' 14"					F-48-67-B-a
xóm Thượng	DC	xã Trung Giáp	H. Phú Ninh	21° 27' 19"	105° 16' 35"					F-48-67-B-a
xóm Trại Đá	DC	xã Trung Giáp	H. Phú Ninh	21° 27' 11"	105° 16' 35"					F-48-67-B-a
khu 1	DC	xã Từ Đà	H. Phú Ninh	21° 24' 56"	105° 22' 59"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 2	DC	xã Từ Đà	H. Phú Ninh	21° 24' 48"	105° 22' 57"					F-48-67-B-b
khu 3	DC	xã Từ Đà	H. Phú Ninh	21° 24' 45"	105° 23' 30"					F-48-67-B-b
khu 4	DC	xã Từ Đà	H. Phú Ninh	21° 23' 45"	105° 23' 16"					F-48-67-B-b
khu 5	DC	xã Từ Đà	H. Phú Ninh	21° 23' 58"	105° 22' 54"					F-48-67-B-b
khu 6	DC	xã Từ Đà	H. Phú Ninh	21° 23' 44"	105° 22' 24"					F-48-67-B-a
khu 7	DC	xã Từ Đà	H. Phú Ninh	21° 24' 10"	105° 22' 20"					F-48-67-B-a
khu 8	DC	xã Từ Đà	H. Phú Ninh	21° 24' 38"	105° 22' 51"					F-48-67-B-b
khu 9	DC	xã Từ Đà	H. Phú Ninh	21° 24' 28"	105° 23' 07"					F-48-67-B-b
khu 10	DC	xã Từ Đà	H. Phú Ninh	21° 24' 21"	105° 23' 09"					F-48-67-B-b
sông Lô	TV	xã Từ Đà	H. Phú Ninh			21° 25' 13"	105° 23' 36"	21° 23' 10"	105° 23' 21"	F-48-67-B-a
đường tỉnh 323C	KX	xã Từ Đà	H. Phú Ninh			21° 23' 49"	105° 23' 27"	21° 24' 36"	105° 22' 27"	F-48-67-B-b
phà Then	KX	xã Từ Đà	H. Phú Ninh	21° 23' 52"	105° 23' 35"					F-48-67-B-b
xóm Cầu	DC	xã Vĩnh Phú	H. Phú Ninh	21° 23' 15"	105° 22' 46"					F-48-67-B-b
thôn Long Châu	DC	xã Vĩnh Phú	H. Phú Ninh	21° 22' 52"	105° 23' 10"					F-48-67-B-b
xóm Mới	DC	xã Vĩnh Phú	H. Phú Ninh	21° 22' 58"	105° 22' 43"					F-48-67-B-b
xóm Ngoài	DC	xã Vĩnh Phú	H. Phú Ninh	21° 22' 40"	105° 22' 40"					F-48-67-B-b
xóm Trong	DC	xã Vĩnh Phú	H. Phú Ninh	21° 22' 58"	105° 22' 44"					F-48-67-B-b
khu Bắc Giáp	DC	TT. Hưng Hóa	H. Tam Nông	21° 15' 35"	105° 17' 10"					F-48-67-B-c
khu Liên Kết	DC	TT. Hưng Hóa	H. Tam Nông	21° 15' 25"	105° 17' 12"					F-48-67-B-c
khu Tân Tiến	DC	TT. Hưng Hóa	H. Tam Nông	21° 15' 04"	105° 17' 22"					F-48-67-B-c
khu Tiến Thịnh	DC	TT. Hưng Hóa	H. Tam Nông	21° 14' 36"	105° 17' 28"					F-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
cầu Bờ Đia	KX	TT. Hưng Hòa	H. Tam Nông	21° 14' 26"	105° 17' 07"						F-48-67-D-a
Cổ Tiết Lăng	DC	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 18' 27"	105° 14' 32"						F-48-67-A-d
thôn Danh Hựu	DC	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 17' 58"	105° 15' 28"						F-48-67-B-c
thôn Đức Phong	DC	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 17' 12"	105° 14' 39"						F-48-67-B-c
xóm Rừng	DC	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 17' 56"	105° 14' 26"						F-48-67-A-d
khu Tân Thịnh	DC	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 16' 26"	105° 14' 14"						F-48-67-A-d
đầm Đức Phong	TV	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 17' 01"	105° 14' 51"						F-48-67-B-c
đầm Ngoài	TV	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 17' 47"	105° 14' 26"						F-48-67-A-d
đầm Trong	TV	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 18' 09"	105° 14' 27"						F-48-67-A-d
xóm Bình Phúc	DC	xã Dấu Dương	H. Tam Nông	21° 14' 56"	105° 17' 52"						F-48-67-D-a
xóm Chùa Am	DC	xã Dấu Dương	H. Tam Nông	21° 15' 02"	105° 18' 07"						F-48-67-D-a
xóm Dấu Dương	DC	xã Dấu Dương	H. Tam Nông	21° 14' 46"	105° 18' 13"						F-48-67-D-a
xóm Mai Lĩnh	DC	xã Dấu Dương	H. Tam Nông	21° 14' 17"	105° 17' 48"						F-48-67-D-a
ngôi Dấu Dương	TV	xã Dấu Dương	H. Tam Nông			21° 14' 09"	105° 17' 32"	21° 14' 50"	105° 18' 36"		F-48-67-D-a
xóm Bồng Ngang	DC	xã Dị Nậu	H. Tam Nông	21° 14' 47"	105° 15' 44"						F-48-67-D-a
xóm Đình Chua	DC	xã Dị Nậu	H. Tam Nông	21° 15' 01"	105° 15' 51"						F-48-67-B-c
thôn Trịnh Xuân	DC	xã Dị Nậu	H. Tam Nông	21° 14' 12"	105° 15' 35"						F-48-67-D-a
suối Gò Giang	TV	xã Dị Nậu	H. Tam Nông			21° 13' 58"	105° 14' 35"	21° 15' 13"	105° 15' 17"		F-48-67-C-b
thôn Hiền Bắc	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 22' 52"	105° 14' 07"						F-48-67-A-b
thôn Hiền Đông	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 22' 28"	105° 14' 23"						F-48-67-A-d
thôn Hiền Nam	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 21' 57"	105° 14' 08"						F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Hiền Tây	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 22' 24"	105° 14' 06"							F-48-67-A-d
thôn Hiền Trung	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 22' 54"	105° 14' 37"							F-48-67-A-b
xóm Phường	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 23' 30"	105° 14' 09"							F-48-67-A-b
xóm Thượng Long	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 22' 45"	105° 13' 50"							F-48-67-A-b
đường tỉnh 315	KX	xã Hiền Quan	H. Tam Nông			21° 23' 41"	105° 14' 03"	21° 22' 16"	105° 14' 55"			F-48-67-A-b
thôn Hồng Hà	DC	xã Hồng Đà	H. Tam Nông	21° 14' 34"	105° 20' 25"							F-48-67-D-a
thôn Sơn Đà	DC	xã Hồng Đà	H. Tam Nông	21° 14' 11"	105° 20' 32"							F-48-67-D-a
sông Đà	TV	xã Hồng Đà	H. Tam Nông			21° 13' 38"	105° 20' 42"	21° 15' 41"	105° 21' 08"			F-48-67-B-c
sông Hồng	TV	xã Hồng Đà	H. Tam Nông			21° 14' 58"	105° 20' 15"	21° 15' 41"	105° 21' 08"			F-48-67-B-c
quốc lộ 32	KX	xã Hồng Đà	H. Tam Nông			21° 14' 28"	105° 20' 03"	21° 14' 08"	105° 20' 53"			F-48-67-D-a
cầu Trung Hà	KX	xã Hồng Đà	H. Tam Nông	21° 14' 08"	105° 20' 53"							F-48-67-D-a
xóm Hùng Quang	DC	xã Hùng Đô	H. Tam Nông	21° 18' 04"	105° 11' 32"							F-48-67-A-d
xóm Hưng Thịnh	DC	xã Hùng Đô	H. Tam Nông	21° 18' 21"	105° 11' 46"							F-48-67-A-d
đám Đỏ	TV	xã Hùng Đô	H. Tam Nông	21° 18' 12"	105° 12' 00"							F-48-67-A-d
xóm Cây Châm	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 29"	105° 14' 01"							F-48-67-A-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 37"	105° 13' 42"							F-48-67-A-d
thôn Hòa Bình	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 09"	105° 13' 08"							F-48-67-A-d
thôn Minh Đức	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 29"	105° 13' 08"							F-48-67-A-d
thôn Quyết Tiến	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 55"	105° 13' 12"							F-48-67-A-d
thôn Tân Hương	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 17"	105° 13' 34"							F-48-67-A-d
thôn Bảo Vệ Hạ	DC	xã Hương Nộn	H. Tam Nông	21° 15' 29"	105° 16' 42"							F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Hạ Nậu	DC	xã Hương Nộn	H. Tam Nông	21° 15' 54"	105° 16' 14"							F-48-67-B-c
thôn Hương Nộn	DC	xã Hương Nộn	H. Tam Nông	21° 16' 35"	105° 15' 18"							F-48-67-B-c
thôn Hữu Hà	DC	xã Hương Nộn	H. Tam Nông	21° 15' 59"	105° 15' 13"							F-48-67-B-c
thôn Kinh Châu	DC	xã Hương Nộn	H. Tam Nông	21° 15' 47"	105° 16' 50"							F-48-67-B-c
sông Hồng	TV	xã Hương Nộn	H. Tam Nông			21° 17' 07"	105° 15' 28"	105° 16' 55"	105° 17' 21"			F-48-67-B-c
thôn Đò Lương	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 18' 05"	105° 12' 08"							F-48-67-A-d
thôn Hùng Vương	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 18' 06"	105° 12' 46"							F-48-67-A-d
thôn Phương Quan	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 17' 20"	105° 13' 05"							F-48-67-A-d
thôn Quang Trung	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 18' 25"	105° 12' 29"							F-48-67-A-d
thôn Tân Lập	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 17' 53"	105° 12' 42"							F-48-67-A-d
thôn Thái Nguyên	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 17' 56"	105° 12' 25"							F-48-67-A-d
đập Đá Khách	KX	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 17' 27"	105° 12' 21"							F-48-67-A-d
đập Dâm Cung	KX	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 16' 42"	105° 12' 25"							F-48-67-A-d
khu Ma Vy	DC	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 19"	105° 12' 10"							F-48-67-A-d
xóm Tân Dân	DC	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 26"	105° 10' 49"							F-48-67-A-d
xóm Tân Tiến	DC	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 40"	105° 11' 56"							F-48-67-A-d
xóm Thống Nhất	DC	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 02"	105° 10' 43"							F-48-67-A-d
xóm Tiền Phong	DC	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 38"	105° 11' 34"							F-48-67-A-d
sông Bứa	TV	xã Quang Húc	H. Tam Nông			21° 16' 24"	105° 11' 45"	21° 18' 01"	105° 11' 25"			F-48-67-A-d
hồ Đồng Hạ	TV	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 26"	105° 10' 28"							F-48-67-A-d
thôn Phú Cường	DC	xã Tam Cường	H. Tam Nông	21° 19' 52"	105° 15' 59"							F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phú Cường	DC	xã Tam Cường	H. Tam Nông	21° 19' 16"	105° 15' 59"					F-48-67-B-c
thôn Tự Cường	DC	xã Tam Cường	H. Tam Nông	21° 18' 54"	105° 15' 42"					F-48-67-B-c
đường tỉnh 315	KX	xã Tam Cường	H. Tam Nông			21° 19' 59"	105° 15' 55"	21° 18' 19"	105° 15' 40"	F-48-67-B-c
cầu Tự Cường	KX	xã Tam Cường	H. Tam Nông	21° 18' 39"	105° 15' 51"					F-48-67-B-c
xóm Đồng Âm	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 50"	105° 10' 21"					F-48-67-A-d
xóm Giảng	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 33"	105° 10' 28"					F-48-67-A-d
xóm Gò Đền	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 16' 34"	105° 10' 53"					F-48-67-A-d
xóm Hồ Bom	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 10"	105° 11' 45"					F-48-67-A-d
thôn Hùng Quang	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 16' 18"	105° 11' 16"					F-48-67-A-d
xóm Minh Hương	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 16' 01"	105° 10' 51"					F-48-67-A-d
thôn Tân Thành	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 51"	105° 11' 58"					F-48-67-A-d
dãy Thông Lọng	SV	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 34"	105° 09' 06"					F-48-67-A-d
hồ Cửa Rừng	TV	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 16' 13"	105° 10' 08"					F-48-67-A-d
suối Lảnh	TV	xã Tề Lễ	H. Tam Nông			21° 15' 10"	105° 10' 27"	21° 15' 48"	105° 10' 53"	F-48-67-A-d
đồng Sỏi	TV	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 45"	105° 11' 36"					F-48-67-A-d
thôn Gia Áo	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 21' 49"	105° 14' 39"					F-48-67-A-d
thôn Hưng Đạo	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 34"	105° 15' 32"					F-48-67-B-c
thôn Minh Đức	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 21' 24"	105° 15' 03"					F-48-67-B-c
thôn Minh Khai	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 36"	105° 15' 01"					F-48-67-B-c
thôn Quang Trung	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 19"	105° 15' 52"					F-48-67-B-c
thôn Thái Nguyên	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 23"	105° 15' 16"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Thường Kiệt	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 59"	105° 15' 07"							F-48-67-B-c
núi Mũi	SV	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 45"	105° 14' 39"							F-48-67-A-d
đầm Nam	TV	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 06"	105° 15' 05"							F-48-67-A-d
đường tỉnh 315	KX	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông			21° 22' 16"	105° 14' 55"	21° 19' 58"	105° 15' 52"			F-48-67-B-c
thôn Trại Trâu	DC	xã Thọ Văn	H. Tam Nông	21° 16' 42"	105° 13' 17"							F-48-67-A-d
khu Văn Lương 2	DC	xã Thọ Văn	H. Tam Nông	21° 15' 48"	105° 13' 00"							F-48-67-A-d
đầm Thọ Sơn	TV	xã Thọ Văn	H. Tam Nông	21° 15' 36"	105° 14' 50"							F-48-67-B-c
khu Chương Dương	DC	xã Thượng Nông	H. Tam Nông	21° 14' 09"	105° 18' 22"							F-48-67-D-a
khu Liên Hoa	DC	xã Thượng Nông	H. Tam Nông	21° 13' 51"	105° 19' 04"							F-48-67-D-a
khu Thắng Lợi	DC	xã Thượng Nông	H. Tam Nông	21° 13' 58"	105° 18' 23"							F-48-67-D-a
khu Thanh Bông	DC	xã Thượng Nông	H. Tam Nông	21° 14' 27"	105° 18' 41"							F-48-67-D-a
khu Trung Cội	DC	xã Thượng Nông	H. Tam Nông	21° 14' 18"	105° 18' 56"							F-48-67-D-a
sông Hồng	TV	xã Thượng Nông	H. Tam Nông			21° 14' 59"	105° 18' 42"	21° 14' 58"	105° 20' 16"			
khu 1	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 43"	105° 12' 57"							F-48-67-A-d
khu 2	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 36"	105° 12' 56"							F-48-67-A-d
khu 3	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 31"	105° 13' 07"							F-48-67-A-d
khu 4	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 21"	105° 13' 05"							F-48-67-A-d
khu 5	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 25"	105° 13' 17"							F-48-67-A-d
khu 6	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 10"	105° 13' 31"							F-48-67-A-d
khu 7	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 18' 57"	105° 13' 28"							F-48-67-A-d
khu 8	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 18' 41"	105° 13' 33"							F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 9	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 08"	105° 13' 10"							F-48-67-A-d
khu 10	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 18' 30"	105° 13' 07"							F-48-67-A-d
khu 11	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 18' 22"	105° 13' 00"							F-48-67-A-d
thôn Vệ Độ	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 05"	105° 12' 00"							F-48-67-A-d
cầu Châu	KX	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 16"	105° 12' 44"							F-48-67-A-d
cầu Dát	KX	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 18' 47"	105° 13' 43"							F-48-67-A-d
xóm Gò Diều	DC	xã Văn Lương	H. Tam Nông	21° 19' 42"	105° 15' 15"							F-48-67-B-c
xóm Liên Giang	DC	xã Văn Lương	H. Tam Nông	21° 18' 49"	105° 14' 54"							F-48-67-A-d
xóm Phú Diều	DC	xã Văn Lương	H. Tam Nông	21° 19' 12"	105° 15' 01"							F-48-67-B-c
xóm Trại	DC	xã Văn Lương	H. Tam Nông	21° 18' 26"	105° 15' 10"							F-48-67-B-c
thôn Gia Dụ	DC	xã Vực Trường	H. Tam Nông	21° 23' 32"	105° 13' 33"							F-48-67-A-b
thôn Thu Trường	DC	xã Vực Trường	H. Tam Nông	21° 23' 02"	105° 13' 12"							F-48-67-A-b
thôn Vực Trường	DC	xã Vực Trường	H. Tam Nông	21° 22' 19"	105° 13' 07"							F-48-67-A-d
sông Hồng	TV	xã Vực Trường	H. Tam Nông			21° 21' 56"	105° 12' 46"	21° 23' 47"	105° 14' 13"			
phà Ngọc Tháp	KX	xã Vực Trường	H. Tam Nông	21° 23' 47"	105° 14' 06"							
xóm Đồng Xuân	DC	xã Xuân Quang	H. Tam Nông	21° 20' 03"	105° 13' 49"							F-48-67-A-d
thôn Hồng Thao	DC	xã Xuân Quang	H. Tam Nông	21° 19' 59"	105° 12' 55"							F-48-67-A-d
xóm Nội Quang	DC	xã Xuân Quang	H. Tam Nông	21° 20' 17"	105° 14' 12"							F-48-67-A-d
xóm Tân Tiến	DC	xã Xuân Quang	H. Tam Nông	21° 20' 42"	105° 13' 14"							F-48-67-A-d
thôn Xuân Quang	DC	xã Xuân Quang	H. Tam Nông	21° 20' 18"	105° 13' 28"							F-48-67-A-d
khu Bến Thán	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 11' 20"	104° 52' 17"							F-48-66-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu Mãng 1	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 31"	104° 52' 16"							F-48-66-D-a
khu Mãng 2	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 40"	104° 51' 40"							F-48-66-D-a
khu Mít 1	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 37"	104° 53' 08"							F-48-66-D-b
khu Mít 2	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 38"	104° 52' 39"							F-48-66-D-b
khu Xóm Mới	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 14' 34"	104° 53' 04"							F-48-66-D-b
khu Xuân 1	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 40"	104° 53' 05"							F-48-66-D-b
khu Xuân 2	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 04"	104° 53' 18"							F-48-66-D-b
suối Mang	TV	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn			21° 13' 16"	104° 51' 13"	21° 13' 49"	104° 53' 46"			F-48-66-D-b
suối Thân	TV	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn			21° 11' 17"	104° 52' 28"	21° 13' 49"	104° 53' 45"			F-48-66-D-b
suối Thúc	TV	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn			21° 14' 07"	104° 50' 54"	21° 14' 38"	104° 53' 40"			F-48-66-D-b
khu Chiềng 1	DC	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 49"	104° 56' 07"							F-48-66-D-b
khu Dọc 1	DC	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 00"	104° 56' 07"							F-48-66-D-b
khu Đồng Than 2	DC	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 15' 04"	104° 56' 28"							F-48-66-B-d
khu Liệt	DC	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 20"	104° 54' 52"							F-48-66-D-b
khu Vèo	DC	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 15' 10"	104° 56' 07"							F-48-66-B-d
đồi Đồng Rậm	SV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 42"	104° 56' 54"							F-48-66-D-b
đồi Mỹ Á	SV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 14' 37"	104° 56' 09"							F-48-66-D-b
đồi Váy	SV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 07"	104° 56' 35"							F-48-66-D-b
sông Bứa	TV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn			104° 55' 56"	21° 13' 48"	21° 13' 37"	104° 57' 50"			F-48-66-D-b
suối Dọc	TV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn			104° 54' 34"	21° 12' 00"	21° 13' 15"	104° 56' 04"			F-48-66-D-b
suối Liệt	TV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn			104° 56' 25"	21° 12' 55"	21° 14' 04"	104° 56' 21"			F-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Sạn	TV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn			104° 56' 57"	21° 13' 00"	21° 13' 45"	104° 57' 25"	F-48-66-D-b
Công ty Lâm nghiệp Tân Sơn	KX	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 14' 49"	104° 56' 41"					F-48-66-D-b
khu Soan	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 05' 04"	104° 57' 33"					F-48-66-D-d
khu Chiềng	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 06' 42"	104° 59' 55"					F-48-66-D-d
khu Hạ Bằng	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 04' 32"	104° 59' 09"					F-48-66-D-d
khu Quyền	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 06' 04"	105° 00' 23"					F-48-67-C-c
khu Tân Hồi	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 02' 30"	105° 01' 36"					F-48-67-C-c
khu Tân Lập	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 05' 21"	105° 01' 16"					F-48-66-D-d
khu Tân Ông	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 04' 43"	104° 57' 26"					F-48-67-C-c
khu Xuân	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 06' 23"	105° 00' 04"					F-48-67-C-c
dãy Đồi Cả	SV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 02' 46"	105° 02' 12"					F-48-67-C-c
núi Đồi Sinh	SV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 05' 08"	104° 59' 50"					F-48-66-D-d
suối Chiềng	TV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn			21° 06' 16"	104° 59' 08"	21° 06' 59"	105° 00' 17"	F-48-66-D-d
suối Ho	TV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn			21° 04' 34"	105° 01' 57"	21° 04' 56"	105° 00' 46"	F-48-67-C-c
suối Râm	TV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn			21° 04' 05"	104° 59' 34"	21° 06' 16"	104° 59' 08"	F-48-66-D-d
suối Vuông	TV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn			21° 03' 26"	105° 00' 07"	21° 05' 29"	104° 59' 01"	F-48-66-D-d
suối Xuân	TV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn			21° 01' 21"	105° 02' 03"	21° 06' 57"	105° 00' 17"	F-48-67-C-c
khu Chiềng 1	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 13' 15"	104° 55' 42"					F-48-66-D-b
khu Đoàn	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 13' 02"	104° 55' 07"					F-48-66-D-b
khu Đồng	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 14' 25"	104° 55' 24"					F-48-66-D-b
khu Kết	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 12' 48"	104° 54' 34"					F-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Phất 1	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 13' 58"	104° 54' 31"					F-48-66-D-b
khu Vường 1	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 13' 47"	104° 55' 00"					F-48-66-D-b
đồi Bận	SV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 15' 02"	104° 55' 29"					F-48-66-B-d
núi Dẻ	SV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 14' 37"	104° 54' 48"					F-48-66-D-b
đồi Thảng	SV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 13' 57"	104° 54' 01"					F-48-66-D-b
sông Bứa	TV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn			21° 13' 49"	104° 53' 46"	21° 13' 48	104° 55' 58"	F-48-66-D-b
ngôi Kết	TV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn			21° 12' 29"	104° 54' 05"	21° 13' 29	104° 55' 08"	F-48-66-D-b
suối Thán	TV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn			21° 15' 15"	104° 54' 37"	21° 13' 48	104° 55' 56"	F-48-66-D-b
khu Bông 1	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 07' 57"	105° 04' 26"					F-48-67-C-a
khu Bông 2	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 07' 37"	105° 04' 27"					F-48-67-C-a
khu Cạn	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 06' 15"	105° 04' 05"					F-48-67-C-c
khu Măng 1	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 07' 25"	105° 04' 35"					F-48-67-C-c
khu Măng 2	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 07' 04"	105° 05' 06"					F-48-67-C-c
khu Nhội	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 06' 04"	105° 03' 56"					F-48-67-C-a
khu Bến Đàng	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 30"	105° 03' 37"					F-48-67-C-a
khu Đồng Phú	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 07"	105° 03' 52"					F-48-67-C-a
khu Đồng Tâm	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 07"	105° 03' 30"					F-48-67-C-a
khu Minh Tâm	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 24"	105° 03' 09"					F-48-67-C-a
khu Minh Thanh	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 21"	105° 03' 25"					F-48-67-C-a
khu Tân Lập	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 33"	105° 02' 07"					F-48-67-C-a
khu Tân Thù	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 09"	105° 01' 31"					F-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Tân Trào	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 48"	105° 01' 42"					F-48-67-C-a
khu Vĩnh Quang	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 30"	105° 04' 07"					F-48-67-C-a
sông Bứa	TV	xã Minh Đài	H. Tân Sơn			21° 10' 51"	105° 03' 40"	21° 10' 18"	105° 03' 42"	F-48-67-C-a
khu Bình	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 34"	105° 04' 41"					F-48-67-C-a
khu Chiềng	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 13' 12"	105° 02' 52"					F-48-67-C-a
khu Chóc	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 06"	105° 03' 11"					F-48-67-C-a
khu Chung	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 50"	105° 03' 34"					F-48-67-C-a
khu Cú	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 36"	105° 05' 45"					F-48-67-C-a
khu Đường 1	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 33"	105° 04' 00"					F-48-67-C-a
khu Đường 2	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 27"	105° 03' 38"					F-48-67-C-a
khu Hồng Kiên	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 30"	105° 02' 08"					F-48-67-C-a
khu Hưng Phong	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 49"	105° 01' 23"					F-48-67-C-a
khu Lực	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 30"	105° 02' 36"					F-48-67-C-a
khu Mìn 1	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 47"	105° 02' 17"					F-48-67-C-a
khu Mìn 2	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 22"	105° 01' 51"					F-48-67-C-a
khu Mới	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 42"	105° 02' 17"					F-48-67-C-a
khu Mu Vố	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 42"	105° 03' 23"					F-48-67-C-a
khu Thuận	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 06"	105° 02' 35"					F-48-67-C-a
núi Hồng	SV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 13' 20"	105° 04' 03"					F-48-67-C-a
đèo Mìn	SV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 39"	105° 02' 17"					F-48-67-C-a
đồi Vay	SV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 13' 34"	105° 05' 24"					F-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
sông Bừa	TV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn			21° 11' 51"	105° 04' 13"	21° 10' 52"	105° 05' 23"	F-48-67-C-a		
suối Chằng	TV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn			21° 11' 50"	105° 01' 09"	21° 10' 47"	105° 03' 00"	F-48-67-C-a		
sông Dầy	TV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn			21° 13' 27"	105° 03' 25"	21° 12' 31"	105° 02' 45"	F-48-67-C-a		
ngôi Sỏi	TV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn			21° 12' 45"	105° 03' 01"	21° 10' 51"	105° 03' 40"	F-48-67-C-a		
suối Tầm	TV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn			21° 10' 48"	105° 02' 21"	21° 10' 47"	105° 03' 00"	F-48-67-C-a		
cầu Mìn	KX	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 55"	105° 02' 46"					F-48-67-C-a		
cầu Mỹ Thuận 1	KX	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 09"	105° 05' 01"					F-48-67-C-a		
cầu Mỹ Thuận 2	KX	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 59"	105° 03' 11"					F-48-67-C-a		
thôn Chiêu	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 04' 59"	105° 06' 22"					F-48-67-C-c		
thôn Ấn	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 08' 22"	105° 05' 32"					F-48-67-C-c		
thôn Giát	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 05' 46"	105° 05' 53"					F-48-67-C-c		
thôn Múc	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 05' 05"	105° 06' 18"					F-48-67-C-c		
thôn Tằng	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 04' 00"	105° 06' 36"					F-48-67-C-c		
thôn Vai	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 06' 15"	105° 04' 44"					F-48-67-C-c		
thôn Váo	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 05' 17"	105° 05' 58"					F-48-67-C-c		
đồi Nộn Cương	SV	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 06' 22"	105° 05' 56"					F-48-67-C-c		
đồi Vón	SV	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 05' 19"	105° 06' 34"					F-48-67-C-c		
suối Giát	TV	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn			21° 05' 13"	105° 05' 39"	21° 06' 27"	105° 06' 08"	F-48-67-C-c		
suối Vai	TV	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn			21° 06' 29"	105° 04' 26"	21° 05' 50"	105° 05' 48"	F-48-67-C-c		
khu 1	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 13' 46"	104° 59' 42"					F-48-66-D-b		
khu 5	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 12' 27"	105° 00' 55"					F-48-67-C-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 7	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 12' 01"	105° 00' 55"							F-48-67-C-a
khu 9	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 13' 11"	105° 00' 50"							F-48-67-C-a
khu 2A	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 13' 17"	105° 00' 16"							F-48-67-C-a
khu Sắc Ngoài	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 12' 41"	105° 00' 22"							F-48-67-C-a
khu Sắc Trong	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 12' 36"	104° 59' 54"							F-48-66-D-b
núi Tài Hùi	SV	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 12' 56"	104° 58' 41"							F-48-66-D-b
sông Bứa	TV	xã Tân Phú	H. Tân Sơn			21° 11' 50	105° 01' 09"	21° 13' 04"	104° 59' 10"			F-48-67-C-a
sông Ngây	TV	xã Tân Phú	H. Tân Sơn			21° 12' 00"	104° 58' 55"	21° 12' 34"	104° 59' 27"			F-48-66-D-b
cầu Tân Phú	KX	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 13' 07"	105° 00' 19"							F-48-67-C-a
cầu Voi	KX	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 13' 27"	105° 00' 05"							F-48-67-C-a
khu Hòa	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 37"	104° 57' 13"							F-48-66-D-b
khu Hoạt	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 11' 39"	104° 55' 43"							F-48-66-D-b
khu Lèn	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 11' 51"	104° 57' 06"							F-48-66-D-b
khu Sận	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 27"	104° 57' 09"							F-48-66-D-b
khu Thỉnh	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 19"	104° 56' 02"							F-48-66-D-b
khu Thừ 1	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 18"	104° 56' 47"							F-48-66-D-b
khu Thừ 2	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 13"	104° 56' 20"							F-48-66-D-b
đồi Bọ Chó	SV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 10' 39"	104° 56' 39"							F-48-66-D-b
đồi Theo	SV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 11' 32"	104° 55' 15"							F-48-66-D-b
sông Bớt	TV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn			21° 11' 23"	104° 54' 08"	21° 12' 33"	104° 56' 15"			F-48-66-D-b
sông Dê	TV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn			21° 10' 55"	104° 55' 51"	21° 11' 21"	104° 55' 47"			F-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Lên	TV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn			21° 11' 17	104° 56' 54"	21° 12' 24"	104° 56' 25"		F-48-66-D-b	
suối Thử	TV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn			21° 11' 06"	104° 54' 56"	21° 12' 04"	104° 56' 02"		F-48-66-D-b	
suối Trong Vung	TV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn				104° 56' 28"	21° 11' 28"	104° 56' 09"		F-48-66-D-b	
khu Bình Thọ 1	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 41"	104° 57' 25"						F-48-66-D-b	
khu Bình Thọ 2	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 22"	104° 57' 41"						F-48-66-D-b	
khu Chiềng	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 09"	104° 58' 06"						F-48-66-D-b	
khu Cường Thịnh 1	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 28"	104° 58' 23"						F-48-66-D-b	
khu Cường Thịnh 2	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 10"	104° 58' 37"						F-48-66-D-b	
khu Dật	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 13' 49"	104° 58' 43"						F-48-66-D-b	
khu Dũng 1	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 56"	104° 58' 01"						F-48-66-D-b	
khu Dũng 2	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 55"	104° 58' 20"						F-48-66-D-b	
khu Dục Dàn	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 15' 19"	104° 59' 15"						F-48-66-B-d	
khu Lồng 1	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 17' 31"	104° 56' 47"						F-48-66-B-d	
khu Lồng 2	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 16' 59"	104° 57' 51"						F-48-66-B-d	
khu Minh Nga	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 15' 48"	104° 58' 57"						F-48-66-B-d	
núi Đá Trắng	SV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 15' 49"	105° 00' 00"						F-48-66-B-d	
núi Gian	SV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 16' 04"	104° 59' 42"						F-48-66-B-d	
núi Ngay	SV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 18' 15"	104° 56' 41"						F-48-66-B-d	
núi Trờ Trống	SV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 16' 18"	104° 57' 51"						F-48-66-B-d	
sông Bứa	TV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn			21° 17' 15"	104° 57' 22"	21° 14' 59"	104° 57' 02"		F-48-66-D-b	
suối Dũng	TV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn			21° 16' 42"	105° 00' 18"	21° 15' 13"	104° 58' 48"		F-48-66-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Giùng	TV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn			21° 13' 38"	104° 57' 50"	21° 13' 04"	104° 59' 10"	F-48-66-B-d		
suối Thánh	TV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn			21° 14' 59"	104° 57' 02"	21° 14' 17"	104° 58' 05"	F-48-66-D-b		
khu Bận	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 47"	104° 55' 03"					F-48-66-B-d		
khu Chiềng 1	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 32"	104° 54' 11"					F-48-66-B-d		
khu Cón	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 43"	104° 52' 52"					F-48-66-B-d		
khu Đồng Lươn	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 51"	104° 55' 49"					F-48-66-B-d		
khu Giác 1	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 48"	104° 54' 33"					F-48-66-B-d		
khu Liên Chung	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 20' 44"	104° 51' 57"					F-48-66-B-c		
khu Mỹ Á	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 19' 47"	104° 50' 29"					F-48-66-B-c		
khu Ngã Hai	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 01"	104° 50' 40"					F-48-66-B-c		
khu Quế	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 48"	104° 52' 31"					F-48-66-B-d		
khu Ủ	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 54"	104° 53' 53"					F-48-66-B-d		
đồi Bận	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 09"	104° 55' 15"					F-48-66-B-d		
núi Bựa	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 09"	104° 53' 12"					F-48-66-B-d		
đèo Cón	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 19"	104° 51' 19"					F-48-66-B-c		
núi Đa Vẽ	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 58"	104° 53' 23"					F-48-66-B-d		
núi Đầu Voi	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 20' 14"	104° 54' 07"					F-48-66-B-d		
đồi Dọc	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 33"	104° 50' 29"					F-48-66-B-c		
núi Giác	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 43"	104° 55' 38"					F-48-66-B-d		
núi Hang	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 17"	104° 52' 37"					F-48-66-B-d		
núi Hang Hiêm	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 43"	104° 54' 17"					F-48-66-B-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
đèo Khế	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 21' 56"	104° 51' 19"						F-48-66-B-c
đồi Ông	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 22"	104° 53' 59"						F-48-66-B-d
núi Thiêng	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 21' 12"	104° 50' 42"						F-48-66-B-c
núi Thượng	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 18' 12"	104° 53' 19"						F-48-66-B-d
núi Tô	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 39"	104° 56' 18"						F-48-66-B-d
đồi Ú	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 02"	104° 53' 20"						F-48-66-B-d
súoi Bông	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 21' 47"	104° 51' 22"	21° 20' 23"	104° 52' 08"		F-48-66-B-d
sông Bứa	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 19' 48"	104° 49' 29"	21° 20' 23"	104° 52' 08"		F-48-66-B-d
súoi Cúc	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 17' 26"	104° 50' 24"	21° 16' 27"	104° 52' 04"		F-48-66-B-d
súoi Dãy	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 16' 27"	104° 52' 04"	21° 16' 06"	104° 54' 08"		F-48-66-B-c
súoi Khay	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 20' 23"	104° 52' 08"	21° 16' 06"	104° 54' 08"		F-48-66-B-c
sông Lèo	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 18' 17"	104° 50' 51"	21° 16' 39"	104° 53' 56"		F-48-66-B-c
súoi Mưa	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 18' 36"	104° 52' 04"	21° 16' 53"	104° 52' 59"		F-48-66-B-c
súoi Quế	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 17' 03"	104° 55' 10"	21° 17' 32"	104° 54' 27"		F-48-66-B-d
súoi Sung	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 16' 06"	104° 54' 08"	21° 15' 15"	104° 54' 37"		F-48-66-B-c
cầu Chiềng 1	KX	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 03"	104° 54' 09"						F-48-66-B-d
cầu Giác	KX	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 56"	104° 54' 57"						F-48-66-B-d
cầu Ngã Hai	KX	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 11"	104° 50' 36"						F-48-66-B-c
cầu Sông Cúc	KX	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 27"	104° 53' 52"						F-48-66-B-d
cầu Xóm Mỏ	KX	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 19' 05"	104° 53' 29"						F-48-66-B-d
khu Cọ Sơn 1	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 15' 13"	105° 00' 56"						F-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu Côm	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 14' 39"	105° 02' 09"							F-48-67-C-a
khu Cồn 1	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 15' 32"	105° 01' 57"							F-48-67-A-c
khu Cồn 2	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 15' 17"	105° 01' 54"							F-48-67-A-c
khu Đèo Mương 1	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 16' 05"	105° 03' 29"							F-48-67-A-c
khu Liên Minh	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 14' 01"	105° 03' 46"							F-48-67-C-a
khu Mang Hạ	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 13' 41"	105° 02' 52"							F-48-67-C-a
khu Sài	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 14' 35"	105° 04' 18"							F-48-67-C-a
núi Ba Chi	SV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 16' 51"	105° 00' 52"							F-48-67-A-c
đèo Bàng Giác	SV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 15' 29"	105° 03' 14"							F-48-67-A-c
núi Cút	SV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 14' 04"	105° 00' 53"							F-48-67-C-a
đồi Mương	SV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 15' 56"	105° 02' 43"							F-48-67-A-c
suối Cọ Sơn	TV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn			21° 16' 17"	105° 01' 25"	21° 14' 20"	105° 01' 51"			F-48-67-A-c
suối Côm	TV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn			21° 15' 46"	105° 00' 27"	21° 14' 18"	105° 01' 09"			F-48-67-A-c
ngòi Mịn	TV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn			21° 14' 06"	105° 00' 46"	21° 14' 20"	105° 01' 51"			F-48-67-C-a
suối Sài	TV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn			21° 16' 48"	105° 02' 01"	21° 13' 27"	105° 03' 25"			F-48-67-C-a
Bà Mơn	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 10' 31"	105° 06' 11"							F-48-67-C-a
khu Bến Gạo	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 28"	105° 05' 04"							F-48-67-C-a
khu Chàng	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 27"	105° 06' 03"							F-48-67-C-a
khu Đép	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 51"	105° 04' 52"							F-48-67-C-a
khu Đồng Bông	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 08' 37"	105° 03' 58"							F-48-67-C-a
khu Đồng Hẹ	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 05"	105° 06' 18"							F-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đồng Mí	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 48"	105° 06' 05"					F-48-67-C-a
khu Đồng Tùn	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 11"	105° 03' 27"					F-48-67-C-a
khu Hoàng Hà	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 10' 56"	105° 06' 19"					F-48-67-C-a
khu Hoàng Văn	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 08' 32"	105° 06' 24"					F-48-67-C-a
khu Láng	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 08' 48"	105° 04' 48"					F-48-67-C-a
khu Lối	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 08' 29"	105° 05' 57"					F-48-67-C-a
khu Lũng	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 10' 26"	105° 05' 49"					F-48-67-C-a
khu Luông	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 02"	105° 04' 29"					F-48-67-C-a
khu Mảnh	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 22"	105° 04' 15"					F-48-67-C-a
làng Thấp	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 10' 38"	105° 05' 04"					F-48-67-C-a
khu Văn Tân	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 23"	105° 05' 21"					F-48-67-C-a
núi Chày	SV	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 28"	105° 06' 41"					F-48-67-C-a
núi Thiếp	SV	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 10' 34"	105° 04' 44"					F-48-67-C-a
suối Bông	TV	xã Văn Luông	H. Tân Sơn			21° 08' 06"	105° 04' 17"	21° 09' 25"	105° 04' 34"	F-48-67-C-a
sông Bứa	TV	xã Văn Luông	H. Tân Sơn			21° 10' 03"	105° 04' 38"	21° 10' 46"	105° 06' 45"	F-48-67-C-a
đường tỉnh 322C	KX	xã Văn Luông	H. Tân Sơn			21° 09' 55"	105° 03' 49"	21° 08' 10"	105° 05' 24"	F-48-67-C-a
khu Bương	DC	xã Vĩnh Tiên	H. Tân Sơn	21° 03' 22"	105° 03' 38"					F-48-67-C-c
khu Đồng Giang	DC	xã Vĩnh Tiên	H. Tân Sơn	21° 04' 28"	105° 04' 06"					F-48-67-C-c
khu Đồng Khoai	DC	xã Vĩnh Tiên	H. Tân Sơn	21° 02' 44"	105° 03' 11"					F-48-67-C-c
khu Đồng Thi	DC	xã Vĩnh Tiên	H. Tân Sơn	21° 03' 29"	105° 03' 07"					F-48-67-C-c
khu Khang Lén	DC	xã Vĩnh Tiên	H. Tân Sơn	21° 04' 35"	105° 04' 46"					F-48-67-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu Mận Gạo	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn	21° 03' 45"	105° 03' 17"							F-48-67-C-c
khu Sặt	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn	21° 05' 00"	105° 05' 22"							F-48-67-C-c
đồi Măng Giang	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn	21° 05' 43"	105° 04' 02"							F-48-67-C-c
đồi Suối Lê	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn	21° 05' 26"	105° 02' 34"							F-48-67-C-c
suối Bò	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn			21° 03' 41"	105° 04' 57"	21° 04' 28"	105° 04' 44"			F-48-67-C-c
suối Cham	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn			21° 03' 54"	105° 05' 19"	21° 05' 13"	105° 05' 39"			F-48-67-C-c
suối Đục	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn			21° 04' 47"	105° 03' 44"	21° 04' 13"	105° 04' 03"			F-48-67-C-c
suối Giát	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn			21° 03' 34"	105° 03' 08"	21° 05' 13"	105° 05' 39"			F-48-67-C-c
suối Lê	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn			21° 05' 04"	105° 02' 34"	21° 04' 01"	105° 03' 33"			F-48-67-C-c
suối Liệt	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn			21° 03' 30"	105° 04' 30"	21° 04' 21"	105° 04' 16"			F-48-67-C-c
suối Liệt	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn			21° 03' 07"	105° 03' 07"	21° 03' 34"	105° 03' 08"			F-48-67-C-c
suối Mù	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn			21° 05' 31"	105° 04' 14"	21° 05' 02"	105° 04' 52"			F-48-67-C-c
suối Sặt	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tân Sơn			21° 04' 42"	105° 05' 01"	21° 05' 7."	105° 04' 56"			F-48-67-C-c
khu Ai	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 27"	105° 00' 04"							F-48-67-C-a
khu Bãi Muối	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 09' 20"	105° 00' 41"							F-48-67-C-c
khu Căng	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 09"	105° 00' 55"							F-48-67-C-c
khu Đìa	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 05' 55"	105° 01' 56"							F-48-67-C-c
khu Đồng Cá	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 04"	105° 00' 21"							F-48-66-D-b
khu Đồng Dò	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 09' 06"	104° 59' 39"							F-48-67-C-c
khu Dụ	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 09"	105° 00' 02"							F-48-67-C-a
khu Mu	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 32"	105° 00' 38"							F-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu Mườì	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 08' 01"	105° 00' 15"							F-48-67-C-a
khu Nâu	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 08' 00"	105° 00' 47"							F-48-67-C-a
khu Thang	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 01"	104° 59' 09"							F-48-66-D-b
khu Vương	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 06' 59"	104° 59' 46"							F-48-66-D-d
núi Bút	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 11' 29"	104° 58' 25"							F-48-66-D-b
đồi Lũng Cao	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 08' 27"	104° 59' 31"							F-48-66-D-b
đồi Luồng	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 09' 52"	104° 59' 57"							F-48-67-C-a
núi Mùn Meo	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 08' 14"	105° 01' 31"							F-48-67-C-a
dãy Tang Cài	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 12"	105° 01' 52"							F-48-67-C-c
đồi Tẹt	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 06' 04"	105° 02' 36"							F-48-67-C-c
suối Bao	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 06' 42"	105° 01' 08"	21° 06' 45"	105° 01' 41"			F-48-67-C-c
suối Dắc	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 11' 38"	104° 58' 51"	21° 10' 35"	104° 59' 20"			F-48-66-D-b
suối Địa	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 06' 28"	105° 01' 21"	21° 05' 41"	105° 02' 05"			F-48-67-C-c
suối Dò	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 09' 16"	104° 59' 39"	21° 09' 12"	105° 00' 13"			F-48-67-C-a
suối Dụ	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 08' 15"	104° 57' 49"	21° 07' 09"	105° 00' 16"			F-48-66-D-d
suối Lồng	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 08' 30"	104° 58' 30"	21° 09' 16"	104° 59' 39"			F-48-66-D-b
suối Ngầu	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 11' 03"	104° 57' 25"	21° 10' 12"	104° 58' 34"			F-48-66-D-b
suối NướcThang	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 09' 46"	104° 57' 54"	21° 10' 16"	105° 00' 45"			F-48-67-C-a
sông Tản	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 06' 59"	105° 00' 17"	21° 10' 16"	105° 00' 45"			F-48-67-C-a
đường tỉnh 316E	KX	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 10' 01"	105° 00' 59"	21° 06' 58"	105° 00' 18"			F-48-67-C-a
hồ Cỏi	DC	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 09' 16"	104° 56' 40"							F-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Dù	DC	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 07' 31"	104° 57' 23"					F-48-66-D-b
khu Lạng	DC	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 06' 20"	104° 57' 21"					F-48-66-D-d
khu Láp	DC	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 08' 40"	104° 56' 40"					F-48-66-D-b
khu Lũng Măng	DC	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 05' 30"	104° 55' 58"					F-48-66-D-d
núi Bồng	SV	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 09' 23"	104° 54' 39"					F-48-66-D-b
núi Cẩn	SV	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 10' 06"	104° 54' 30"					F-48-66-D-b
suối Chiềng	TV	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn			21° 05' 52"	104° 55' 15"	21° 05' 28"	104° 56' 51"	F-48-66-D-d
suối Nước Thang	TV	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn			21° 08' 28"	104° 56' 20"	21° 09' 46"	104° 57' 54"	F-48-66-D-b
khu 1	DC	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 30' 57"	105° 08' 09"					F-48-55-C-d
khu 2	DC	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 30' 31"	105° 08' 48"					F-48-55-C-d
khu 4	DC	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 30' 24"	105° 08' 05"					F-48-55-C-d
khu 10	DC	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 30' 02"	105° 08' 51"					F-48-67-A-b
Trường Cao đẳng nghề NN & PTNT Phú Thọ	KX	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 29' 51"	105° 07' 48"					F-48-67-A-b
Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ	KX	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 29' 40"	105° 08' 11"					F-48-67-A-b
cầu Văng	KX	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 30' 05"	105° 08' 05"					F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Chi Tiến	H. Thanh Ba	21° 25' 02"	105° 09' 29"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Chi Tiến	H. Thanh Ba	21° 25' 20"	105° 09' 28"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Chi Tiến	H. Thanh Ba	21° 26' 37"	105° 10' 02"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Chi Tiến	H. Thanh Ba	21° 26' 35"	105° 09' 23"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Chi Tiến	H. Thanh Ba	21° 27' 03"	105° 09' 41"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 7	DC	xã Chi Tiên	H. Thanh Ba	21° 26' 42"	105° 08' 41"							F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Chi Tiên	H. Thanh Ba	21° 27' 06"	105° 09' 04"							F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Chi Tiên	H. Thanh Ba	21° 25' 54"	105° 09' 04"							F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Chi Tiên	H. Thanh Ba	21° 27' 32"	105° 08' 52"							F-48-67-A-b
sông Hồng	TV	xã Chi Tiên	H. Thanh Ba			21° 25' 57"	105° 08' 35"	21° 24' 58"	105° 09' 06"			F-48-67-A-b
ga Chi Chủ	KX	xã Chi Tiên	H. Thanh Ba	21° 25' 49"	105° 09' 05"							F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 31' 09"	105° 10' 29"							F-48-55-C-d
khu 2	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 30' 55"	105° 10' 33"							F-48-55-C-d
khu 3	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 31' 11"	105° 11' 09"							F-48-55-C-d
khu 4	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 31' 28"	105° 11' 38"							F-48-55-C-d
khu 5	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 31' 45"	105° 11' 56"							F-48-55-C-d
khu 6	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 31' 56"	105° 11' 08"							F-48-55-C-d
khu 7	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 32' 07"	105° 10' 43"							F-48-55-C-d
khu 8	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 32' 25"	105° 09' 57"							F-48-55-C-d
đường tỉnh 314B	KX	xã Đại An	H. Thanh Ba			21° 31' 02"	105° 10' 20"	21° 31' 30"	105° 11' 46"			F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 23' 06"	105° 11' 21"							F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 57"	105° 11' 29"							F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 44"	105° 11' 25"							F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 37"	105° 11' 10"							F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 33"	105° 11' 26"							F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 51"	105° 11' 07"							F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 7	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 43"	105° 10' 59"					F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 23' 15"	105° 10' 21"					F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 23' 10"	105° 10' 27"					F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 23' 06"	105° 10' 36"					F-48-67-A-b
khu 11	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 17"	105° 10' 45"					F-48-67-A-d
khu 12	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 07"	105° 10' 59"					F-48-67-A-d
đầm Trầm Sát	TV	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 23' 28"	105° 11' 15"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 59"	105° 11' 03"					F-48-67-A-d
khu 2	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 51"	105° 11' 02"					F-48-67-A-d
khu 3	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 48"	105° 11' 08"					F-48-67-A-d
khu 4	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 43"	105° 11' 03"					F-48-67-A-d
khu 5	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 42"	105° 11' 12"					F-48-67-A-d
khu 6	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 51"	105° 11' 14"					F-48-67-A-d
khu 7	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 33"	105° 11' 08"					F-48-67-A-d
khu 8	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 24"	105° 11' 11"					F-48-67-A-d
khu 9	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 09"	105° 11' 17"					F-48-67-A-d
khu 10	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 00"	105° 11' 17"					F-48-67-A-d
khu 11	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 20' 51"	105° 11' 16"					F-48-67-A-d
khu 12	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 20' 40."	105° 11' 15"					F-48-67-A-d
khu 1	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 31' 20"	105° 08' 47"					F-48-55-C-d
khu 2	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 31' 40"	105° 09' 05"					F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 3	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 10"	105° 09' 13"					F-48-55-C-d
khu 4	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 31' 44"	105° 08' 21"					F-48-55-C-d
khu 5	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 06"	105° 08' 13"					F-48-55-C-d
khu 6	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 21"	105° 08' 37"					F-48-55-C-d
khu 7	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 40"	105° 08' 30"					F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 27' 31"	105° 10' 13"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 27' 13"	105° 10' 13"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 27' 08"	105° 10' 32"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 27' 07"	105° 10' 57"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 30"	105° 10' 48"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 16"	105° 10' 41"					F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 25' 54"	105° 10' 32"					F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 03"	105° 11' 06"					F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 25' 36"	105° 10' 59"					F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 25' 55"	105° 11' 09"					F-48-67-A-b
khu 11	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 25' 46"	105° 11' 11"					F-48-67-A-b
khu 12	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 25' 41"	105° 11' 30"					F-48-67-A-b
khu 13	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 04"	105° 11' 38"					F-48-67-A-b
khu 14	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 18"	105° 11' 30"					F-48-67-A-b
khu 15	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 11"	105° 11' 59"					F-48-67-A-b
khu 16	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 27"	105° 12' 25"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 17	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 41"	105° 12' 06"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Đông Xuân	H. Thanh Ba	21° 29' 37"	105° 06' 55"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Đông Xuân	H. Thanh Ba	21° 30' 10"	105° 07' 02"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Đông Xuân	H. Thanh Ba	21° 29' 38"	105° 07' 14"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Đông Xuân	H. Thanh Ba	21° 30' 14"	105° 07' 28"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Đông Xuân	H. Thanh Ba	21° 30' 52"	105° 07' 02"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Đông Xuân	H. Thanh Ba	21° 31' 04"	105° 07' 18"					F-48-55-C-c
đường tỉnh 314	KX	xã Đông Xuân	H. Thanh Ba			21° 30' 56"	105° 06' 46"	21° 30' 07"	105° 07' 37"	F-48-55-C-c
cầu Đồng Đăng	KX	xã Đông Xuân	H. Thanh Ba	21° 30' 07"	105° 07' 37"					F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 32' 05"	105° 05' 57"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 31' 32"	105° 05' 45"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 31' 13"	105° 05' 32"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 30' 59"	105° 05' 20"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 30' 38"	105° 05' 32"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 30' 46"	105° 05' 27"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 30' 17"	105° 05' 39"					F-48-55-C-c
cầu Hanh Cù	KX	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 31' 27"	105° 05' 30"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Hoàng Cương	H. Thanh Ba	21° 27' 13"	105° 07' 11"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Hoàng Cương	H. Thanh Ba	21° 27' 12"	105° 07' 35"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Hoàng Cương	H. Thanh Ba	21° 26' 51"	105° 07' 27"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Hoàng Cương	H. Thanh Ba	21° 26' 46"	105° 08' 07"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 5	DC	xã Hoàng Cương	H. Thanh Ba	21° 26' 41"	105° 08' 23"							F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 31"	105° 11' 34"							F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 05"	105° 11' 45"							F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 17"	105° 12' 02"							F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 27' 46"	105° 12' 17"							F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 29' 03"	105° 12' 44"							F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 25"	105° 13' 03"							F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 17"	105° 13' 23"							F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 27' 56"	105° 13' 08"							F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 27' 51"	105° 12' 44"							F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 27' 33"	105° 12' 41"							F-48-67-A-b
núi Thẩm	SV	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 25"	105° 11' 16"							F-48-67-A-b
đường tỉnh 314	KX	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba			21° 27' 14"	105° 12' 10"	21° 28' 46"	105° 13' 04"			F-48-67-A-b
cầu Khai Xuân	KX	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 26' 53"	105° 12' 48"							F-48-67-A-b
chùa Thái Bằng	KX	xã Khai Xuân	H. Thanh Ba	21° 27' 17"	105° 12' 24"							F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 19' 56"	105° 11' 28"							F-48-67-A-d
khu 2	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 19' 56"	105° 11' 36"							F-48-67-A-d
khu 3	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 19' 56"	105° 11' 44"							F-48-67-A-d
khu 4	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 19' 59"	105° 11' 52"							F-48-67-A-d
khu 5	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 20' 10"	105° 11' 39"							F-48-67-A-d
khu 6	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 20' 13"	105° 12' 03"							F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 7	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 20' 27"	105° 12' 02"					F-48-67-A-d
khu 8	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 20' 33"	105° 12' 07"					F-48-67-A-d
khu 9	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 20' 30"	105° 12' 14"					F-48-67-A-d
khu 10	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 20' 38"	105° 12' 13"					F-48-67-A-d
khu 11	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 20' 48"	105° 12' 25"					F-48-67-A-d
khu 12	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 21' 12"	105° 12' 34"					F-48-67-A-d
khu 13	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 21' 15"	105° 12' 25"					F-48-67-A-d
khu 14	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 21' 26"	105° 12' 23."					F-48-67-A-d
khu 15	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 21' 33"	105° 12' 22"					F-48-67-A-d
khu 16	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 21' 42"	105° 12' 22"					F-48-67-A-d
khu 17	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 21' 52"	105° 12' 24"					F-48-67-A-d
khu 18	DC	xã Lương Lễ	H. Thanh Ba	21° 21' 48"	105° 12' 19"					F-48-67-A-d
khu 1	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 28' 24"	105° 06' 27"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 28' 18"	105° 06' 41"					F-48-67-A-a
khu 3	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 58"	105° 06' 13"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 55"	105° 06' 26"					F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 28' 00"	105° 06' 53"					F-48-67-A-a
khu 6	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 46"	105° 06' 41"					F-48-67-A-a
khu 7	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 30"	105° 06' 55"					F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 40"	105° 07' 02"					F-48-67-A-a
khu 9	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 47"	105° 05' 56"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 1	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 29' 23"	105° 12' 03"							F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 05"	105° 12' 07"							F-48-55-C-d
khu 3	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 13"	105° 12' 41"							F-48-55-C-d
khu 4	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 09"	105° 11' 49"							F-48-55-C-d
khu 5	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 14"	105° 11' 41"							F-48-55-C-d
khu 6	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 23"	105° 11' 46"							F-48-55-C-d
khu 7	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 43"	105° 11' 13"							F-48-55-C-d
khu 8	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 26"	105° 11' 01"							F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 27' 52"	105° 09' 56"							F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 28' 12"	105° 09' 36"							F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 28' 35"	105° 09' 28"							F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 28' 31"	105° 09' 00"							F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 28' 50"	105° 09' 24"							F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 22"	105° 09' 09"							F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 42"	105° 09' 09"							F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 13"	105° 08' 29"							F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 21"	105° 08' 46"							F-48-67-A-b
khu 11	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 18"	105° 09' 50"							F-48-67-A-b
khu 12	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 30"	105° 09' 54"							F-48-67-A-b
đường tỉnh 314	KX	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba			21° 29' 22"	105° 08' 36"	21° 28' 07"	105° 10' 17"			F-48-67-A-b
cầu Ninh Dân	KX	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 28' 47"	105° 09' 01"							F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	xã Phương Linh	H. Thanh Ba	21° 28' 33"	105° 05' 42"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Phương Linh	H. Thanh Ba	21° 28' 20"	105° 05' 45"					F-48-67-A-a
khu 3	DC	xã Phương Linh	H. Thanh Ba	21° 28' 27"	105° 05' 55"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Phương Linh	H. Thanh Ba	21° 28' 40"	105° 06' 02"					F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Phương Linh	H. Thanh Ba	21° 29' 01"	105° 06' 40"					F-48-67-A-a
khu 6	DC	xã Phương Linh	H. Thanh Ba	21° 28' 53"	105° 06' 43"					F-48-67-A-a
khu 7	DC	xã Phương Linh	H. Thanh Ba	21° 28' 58"	105° 06' 58"					F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Phương Linh	H. Thanh Ba	21° 29' 14"	105° 06' 38"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 30' 01"	105° 10' 27"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 29' 37"	105° 10' 24"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 29' 49"	105° 11' 00"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 29' 14"	105° 11' 15"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 28' 59"	105° 11' 01"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 28' 47"	105° 11' 18"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 25"	105° 09' 37"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 54"	105° 09' 38"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 27"	105° 09' 57"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 32"	105° 09' 51"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 56"	105° 09' 58"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 55"	105° 10' 17"					F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 25' 04"	105° 10' 28"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 8	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 25' 19"	105° 10' 12"						F-48-67-A-b	
khu 9	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 25' 30"	105° 10' 03"						F-48-67-A-b	
khu 1	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 30' 50"	105° 08' 53"						F-48-55-C-d	
khu 2	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 30' 49"	105° 09' 28"						F-48-55-C-d	
khu 3	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 30' 34"	105° 09' 54"						F-48-55-C-d	
khu 4	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 30' 54"	105° 10' 02"						F-48-55-C-d	
khu 5	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 29' 50"	105° 10' 14"						F-48-67-A-b	
khu 6	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 31' 10"	105° 09' 27"						F-48-55-C-d	
khu 7	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 31' 39"	105° 09' 40"						F-48-55-C-d	
khu 1	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 01"	105° 10' 44"						F-48-67-A-b	
khu 2	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 23' 55"	105° 10' 27"						F-48-67-A-b	
khu 3	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 23' 41"	105° 10' 42"						F-48-67-A-b	
khu 4	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 23' 34"	105° 10' 29"						F-48-67-A-b	
khu 5	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 23' 29"	105° 10' 06"						F-48-67-A-b	
khu 6	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 00"	105° 09' 43"						F-48-67-A-b	
khu 7	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 03"	105° 09' 58"						F-48-67-A-b	
khu 8	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 03"	105° 10' 05"						F-48-67-A-b	
khu 9	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 06"	105° 10' 20"						F-48-67-A-b	
khu 10	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 15"	105° 10' 30"						F-48-67-A-b	
khu 11	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 15"	105° 10' 47"						F-48-67-A-b	
đầm Lao	TV	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 24"	105° 10' 18"						F-48-67-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đường tỉnh 320	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba			21° 24' 08"	105° 09' 31"	21° 24' 06"	105° 11' 05"	F-48-67-A-b		
Công ty Thương mại Lam Sơn	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 12"	105° 10' 54"					F-48-67-A-b		
phà Tinh Cường	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 23' 33"	105° 09' 15"					F-48-67-A-b		
khu 2	DC	xã Thanh Vân	H. Thanh Ba	21° 30' 45"	105° 06' 01"					F-48-55-C-c		
khu 4	DC	xã Thanh Vân	H. Thanh Ba	21° 31' 15"	105° 06' 19"					F-48-55-C-c		
khu 6	DC	xã Thanh Vân	H. Thanh Ba	21° 31' 38"	105° 06' 30"					F-48-55-C-c		
khu 1	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Ba	21° 27' 16"	105° 08' 14"					F-48-67-A-b		
khu 2	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Ba	21° 27' 38"	105° 08' 24"					F-48-67-A-b		
khu 3	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Ba	21° 27' 46"	105° 07' 56"					F-48-67-A-b		
khu 4	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Ba	21° 27' 56"	105° 07' 19"					F-48-67-A-a		
khu 5	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Ba	21° 28' 23"	105° 07' 12"					F-48-67-A-a		
khu 1	DC	xã Văn Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 04"	105° 06' 58"					F-48-55-C-c		
khu 2	DC	xã Văn Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 30"	105° 07' 37"					F-48-55-C-d		
khu 4	DC	xã Văn Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 33' 27"	105° 08' 02"					F-48-55-C-d		
khu 5	DC	xã Văn Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 34' 09"	105° 08' 44"					F-48-55-C-d		
gò Trọc	SV	xã Văn Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 34' 08"	105° 09' 10"					F-48-55-C-d		
Nông trường Văn Lĩnh	KX	xã Văn Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 36"	105° 07' 57"					F-48-55-C-d		
khu 1	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 26' 50"	105° 11' 24"					F-48-67-A-b		
khu 2	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 02"	105° 11' 17"					F-48-67-A-b		
khu 3	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 32"	105° 11' 25"					F-48-67-A-b		
khu 5	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 58"	105° 11' 07"					F-48-67-A-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 8	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 52"	105° 10' 44"							F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 28' 30"	105° 10' 38"							F-48-67-A-b
đường tỉnh 314	KX	xã Võ Lao	H. Thanh Ba			21° 28' 07"	105° 10' 17"	21° 27' 14"	105° 11' 58"			F-48-67-A-b
đập Phai Dìn	KX	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 04"	105° 11' 39"							F-48-67-A-b
Nhà máy Thép Z121	KX	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 14"	105° 11' 44"							F-48-67-A-b
cầu Võ Lao	KX	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 28' 03"	105° 10' 42"							F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Vũ Yên	H. Thanh Ba	21° 29' 15"	105° 04' 57"							F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Vũ Yên	H. Thanh Ba	21° 29' 07"	105° 05' 13"							F-48-67-A-a
khu 3	DC	xã Vũ Yên	H. Thanh Ba	21° 28' 58"	105° 05' 25"							F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Vũ Yên	H. Thanh Ba	21° 29' 16"	105° 05' 56"							F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Vũ Yên	H. Thanh Ba	21° 28' 54"	105° 05' 47"							F-48-67-A-a
khu 6	DC	xã Vũ Yên	H. Thanh Ba	21° 28' 44"	105° 05' 38"							F-48-67-A-a
khu 7	DC	xã Vũ Yên	H. Thanh Ba	21° 29' 10"	105° 05' 04"							F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Vũ Yên	H. Thanh Ba	21° 29' 02"	105° 05' 12"							F-48-67-A-a
cầu Đồng Sầu	KX	xã Vũ Yên	H. Thanh Ba	21° 29' 08"	105° 05' 37"							F-48-67-A-a
ga Vũ Yên	KX	xã Vũ Yên	H. Thanh Ba	21° 29' 18"	105° 05' 03"							F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Yên Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 28"	105° 05' 44"							F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Yên Khê	H. Thanh Ba	21° 30' 08"	105° 06' 02"							F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Yên Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 51"	105° 05' 51"							F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Yên Khê	H. Thanh Ba	21° 30' 21"	105° 04' 43"							F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Yên Khê	H. Thanh Ba	21° 30' 19"	105° 04' 49"							F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 10	DC	xã Yên Khê	H. Thanh Ba	21° 30' 05"	105° 05' 20"							F-48-55-C-c
khu 11	DC	xã Yên Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 55"	105° 05' 17"							F-48-67-A-a
khu 12	DC	xã Yên Khê	H. Thanh Ba	21° 30' 02"	105° 05' 25"							F-48-55-C-c
khu 14	DC	xã Yên Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 55"	105° 05' 24"							F-48-67-A-a
khu 15	DC	xã Yên Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 33"	105° 05' 55"							F-48-67-A-a
hồ Đồng Rướm	TV	xã Yên Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 30"	105° 06' 19"							F-48-67-A-a
	DC	xã Yên Nội	H. Thanh Ba	21° 29' 06"	105° 07' 30"							F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Yên Nội	H. Thanh Ba	21° 29' 25"	105° 07' 54"							F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Yên Nội	H. Thanh Ba	21° 28' 51"	105° 08' 15"							F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Yên Nội	H. Thanh Ba	21° 28' 35"	105° 07' 53"							F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Yên Nội	H. Thanh Ba	21° 28' 01"	105° 09' 04"							F-48-67-A-b
khu 19/5	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 12' 24"	105° 10' 22"							F-48-67-C-b
khu Bãi Tán	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 13' 05"	105° 12' 12"							F-48-67-C-b
khu Hạ Sơn	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 12' 08"	105° 10' 25"							F-48-67-C-b
khu Hùng Nhì	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 13' 30"	105° 10' 58"							F-48-67-C-b
khu Liên Đồng	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 12' 40"	105° 12' 15"							F-48-67-C-b
khu Tân Thành	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 12' 39"	105° 11' 03"							F-48-67-C-b
phố Tân Thịnh	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 13' 19"	105° 10' 40"							F-48-67-C-b
đường tỉnh 316	KX	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn			21° 12' 36"	105° 12' 22"	21° 11' 35"	105° 10' 43"			F-48-67-C-b
Nhà máy Chè Phú Đa	KX	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 13' 22"	105° 11' 14"							F-48-67-C-b
cầu Khánh	KX	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 13' 41"	105° 11' 45"							F-48-67-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm				Tọa độ điểm đầu					Tọa độ điểm cuối	
				Kinh độ (độ, phút, giây)		Vĩ độ (độ, phút, giây)		Kinh độ (độ, phút, giây)		Vĩ độ (độ, phút, giây)			Kinh độ (độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Công ty Quắczit	KX	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 11' 45"	105° 10' 41"								F-48-67-C-b	
cầu Ròng	KX	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 11' 34"	105° 10' 44"								F-48-67-C-b	
xóm Đồn	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 05' 58"	105° 14' 35"								F-48-67-C-d	
xóm Đồng Cai	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 06' 05"	105° 13' 52"								F-48-67-C-d	
xóm Đồng Nghĩa	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 05' 46"	105° 14' 07"								F-48-67-C-d	
xóm Liên Đồng	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 06' 17"	105° 14' 11"								F-48-67-C-d	
xóm Minh Khai	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 06' 50"	105° 13' 22"								F-48-67-C-d	
xóm Quyết Tiến	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 06' 46"	105° 14' 38"								F-48-67-C-d	
núi Lưỡi Hái	SV	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 05' 21"	105° 11' 38"								F-48-67-C-d	
súối Khoang Xanh	TV	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn			21° 07' 05"	105° 13' 22"	21° 07' 16"	105° 14' 19"				F-48-67-C-d	
súối Vai Chát	TV	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn			21° 07' 16"	105° 14' 19"	21° 06' 43"	105° 15' 35"				F-48-67-C-d	
súối Xương	TV	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn			21° 06' 05"	105° 13' 18"	21° 06' 39"	105° 15' 28"				F-48-67-C-d	
đường tỉnh 316	KX	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn			21° 07' 02"	105° 13' 36"	21° 05' 11"	105° 14' 34"				F-48-67-C-d	
cầu Khoang Xanh	KX	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 06' 58"	105° 13' 45"								F-48-67-C-d	
cầu Xương	KX	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 05' 51"	105° 14' 04"								F-48-67-C-d	
khu 41	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 09' 08"	105° 11' 33"								F-48-67-C-b	
xóm Chòi Xuân	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 39"	105° 12' 46"								F-48-67-C-b	
xóm Dặm	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 43"	105° 12' 17"								F-48-67-C-b	
xóm Đồng Dài	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 16"	105° 12' 54"								F-48-67-C-b	
xóm Đồng Lạc	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 47"	105° 13' 08"								F-48-67-C-b	
xóm Gò Tre	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 55"	105° 12' 33"								F-48-67-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nương	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 42"	105° 11' 27"					F-48-67-C-b
xóm Xụ Ngoài	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 34"	105° 12' 21"					F-48-67-C-b
xóm Xụ Trong	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 08"	105° 11' 49"					F-48-67-C-b
khu Xuân Thắng	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 58"	105° 10' 35"					F-48-67-C-b
núi Lưỡi Hái	SV	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 44"	105° 10' 36"					F-48-67-C-b
suối Châu	TV	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn			21° 06' 30"	105° 11' 23"	21° 08' 16"	105° 13' 15"	F-48-67-C-b
đường tỉnh 316	KX	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn			21° 09' 23"	105° 11' 15"	21° 08' 01"	105° 13' 20"	F-48-67-C-b
cầu Cả	KX	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 18"	105° 12' 32"					F-48-67-C-b
xóm Ao Vén	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 45"	105° 07' 54"					F-48-67-C-b
xóm Chát	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 32"	105° 06' 45"					F-48-67-C-a
xóm Chiềng	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 16"	105° 07' 05"					F-48-67-C-a
xóm Đền Vọng	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 20"	105° 07' 49"					F-48-67-C-b
xóm Đình	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 04"	105° 08' 22"					F-48-67-C-b
xóm Đồn Ướt	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 54"	105° 09' 08"					F-48-67-C-b
xóm Đồng Mè	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 25"	105° 07' 54"					F-48-67-C-b
xóm Gò Giữa	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 00"	105° 07' 05"					F-48-67-C-a
xóm Lóng	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 08"	105° 07' 19"					F-48-67-C-a
xóm Quyết Tiến	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 13' 01"	105° 06' 19"					F-48-67-C-a
xóm Suối Nai	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 35"	105° 07' 16"					F-48-67-C-a
xóm Việt Phú	DC	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 43"	105° 09' 18"					F-48-67-C-b
đồi Châu	SV	xã Định Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 45"	105° 06' 14"					F-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đồi Vay	SV	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 37"	105° 06' 31"							F-48-67-C-a
sông Bứa	TV	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn			21° 13' 20"	105° 05' 33"	21° 12' 02"	105° 08' 31"			F-48-67-C-a
suối Chát	TV	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn					21° 11' 00"	105° 06' 20"	21° 10' 59"	105° 09' 26"	F-48-67-C-a
cầu Cú	KX	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 11"	105° 06' 15"							F-48-67-C-a
xóm Bái	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 36"	105° 05' 37"							F-48-67-C-c
xóm Bàu	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 25"	105° 04' 27"							F-48-67-C-c
xóm Bư	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 22"	105° 04' 06"							F-48-67-C-c
xóm Cạn	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 28"	105° 05' 23"							F-48-67-C-c
xóm Cốc	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 54"	105° 03' 54"							F-48-67-C-c
xóm Dấu	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 41"	105° 03' 27"							F-48-67-C-c
xóm Dọc	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 02' 16"	105° 05' 25"							F-48-67-C-c
xóm Đồng Khoai	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 02' 35"	105° 03' 06"							F-48-67-C-c
xóm Hạ Thành	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 21"	105° 03' 43"							F-48-67-C-c
xóm Mù 1	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 53"	105° 04' 17"							F-48-67-C-c
xóm Mù 2	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 36"	105° 04' 36"							F-48-67-C-c
xóm Muồng	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 00' 42"	105° 05' 11"							F-48-67-C-c
xóm Nhồi	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 47"	105° 05' 31"							F-48-67-C-c
xóm Quét	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 27"	105° 06' 00"							F-48-67-C-c
xóm Vừn	DC	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 01' 07"	105° 05' 13"							F-48-67-C-c
núi Dọc	SV	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 03' 20"	105° 04' 49"							F-48-67-C-c
núi Giát	SV	xã Đồng Cừu	H. Thanh Sơn	21° 03' 17"	105° 05' 17"							F-48-67-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Gò Cao	SV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 00' 40"	105° 04' 11"							F-48-67-C-c
núi Mèo	SV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 30"	105° 02' 31"							F-48-67-C-c
suối Bàu	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn					21° 01' 29"	105° 03' 48"	21° 01' 41"	105° 05' 20"	F-48-67-C-c
suối Bương	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn					21° 02' 40"	105° 03' 58"	21° 01' 42"	105° 04' 58"	F-48-67-C-c
suối Dân	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn					21° 01' 21"	105° 05' 30"	21° 01' 39"	105° 06' 08"	F-48-67-C-c
suối Dấu	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn					21° 00' 38"	105° 03' 33"	21° 01' 42"	105° 04' 58"	F-48-67-C-c
suối Dọc	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn					21° 02' 30"	105° 05' 18"	21° 01' 21"	105° 05' 30"	F-48-67-C-c
suối Lam	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn					21° 00' 20"	105° 06' 14"	20° 59' 47"	105° 06' 47"	F-48-79-A-a
xóm Đình Chung	DC	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 12' 28"	105° 13' 24"							F-48-67-C-b
xóm Mới	DC	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 12' 31"	105° 12' 33"							F-48-67-C-b
xóm Tân Long	DC	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 12' 05"	105° 12' 24"							F-48-67-C-b
xóm Vinh Quang	DC	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 12' 13"	105° 12' 51"							F-48-67-C-b
đồi Dọc	SV	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 11' 34"	105° 12' 39"							F-48-67-C-b
đường tỉnh 316	KX	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn					21° 12' 05"	105° 13' 43"	21° 12' 36"	105° 12' 22"	F-48-67-C-b
cầu Giáp Lai	KX	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 12' 42"	105° 12' 39"							F-48-67-C-b
xóm Châu	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 03' 14"	105° 15' 14"							F-48-67-D-c
xóm Đồn	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 00"	105° 14' 11"							F-48-67-C-d
xóm Đồng Quán	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 03' 30"	105° 14' 43"							F-48-67-C-d
xóm Đồng Sang	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 48"	105° 15' 26"							F-48-67-D-c
xóm Hèm	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 58"	105° 13' 46"							F-48-67-C-d
xóm Khoang	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 26"	105° 14' 14"							F-48-67-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Lèo	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 42"	105° 13' 05"							F-48-67-C-d
xóm Lịch 1	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 01' 05"	105° 14' 07"							F-48-67-C-d
xóm Lịch 2	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 00' 38"	105° 14' 04"							F-48-67-C-d
xóm Nội Xén	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 37"	105° 13' 58"							F-48-67-C-d
xóm Ong	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 01' 18"	105° 14' 36"							F-48-67-C-d
khu Tân Hương	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 00' 57"	105° 14' 37"							F-48-67-C-d
xóm Trại	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 01' 11"	105° 14' 54"							F-48-67-C-d
đồi Ong	SV	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 01' 17"	105° 15' 10"							F-48-67-D-c
suối Hem	TV	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn			21° 04' 57"	105° 12' 10"	21° 02' 13"	105° 14' 07"			F-48-67-C-d
suối Lèo	TV	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn			21° 02' 44"	105° 12' 55"	21° 01' 44"	105° 14' 29"			F-48-67-C-d
suối Lịch	TV	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn			21° 01' 03"	105° 13' 55"	21° 01' 00"	105° 14' 56"			F-48-67-C-d
đường tỉnh 316	KX	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn			21° 04' 28"	105° 14' 52"	21° 00' 55"	105° 14' 40"			F-48-67-C-d
cầu Suối Hem	KX	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 42"	105° 13' 52"							F-48-67-C-d
cầu Suối Lèo	KX	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 08"	105° 13' 51"							F-48-67-C-d
cầu Suối Lịch	KX	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 01' 11"	105° 14' 29"							F-48-67-C-d
xóm Bãi Lau	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 33"	105° 08' 21"							F-48-67-C-d
xóm Bương	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 01"	105° 08' 32"							F-48-67-C-d
xóm Cầu	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 50"	105° 07' 10"							F-48-67-C-c
xóm Chằng	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 31"	105° 07' 31"							F-48-67-C-d
xóm Chùa	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 46"	105° 08' 05"							F-48-67-C-d
xóm Chuối	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 00' 49"	105° 07' 50"							F-48-67-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hầm	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 12"	105° 07' 59"					F-48-67-C-d
xóm Lạn	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 17"	105° 06' 56"					F-48-67-C-c
xóm Máng	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 21"	105° 07' 42"					F-48-67-C-d
xóm Mu	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 04' 14"	105° 07' 32"					F-48-67-C-c
xóm Ngán	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 32"	105° 07' 40"					F-48-67-C-d
xóm Rét	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 11"	105° 07' 20"					F-48-67-C-c
xóm Sinh Dưới	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 49"	105° 07' 34"					F-48-67-C-d
xóm Sinh Trên	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 37"	105° 08' 54"					F-48-67-C-d
xóm Tầm	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 49"	105° 07' 35"					F-48-67-C-d
xóm Vạch	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 05"	105° 07' 36"					F-48-67-C-d
núi Hồn	SV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 36"	105° 07' 14"					F-48-67-C-c
núi Lạn	SV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 02"	105° 05' 50"					F-48-67-C-c
núi Rào	SV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 29"	105° 07' 02"					F-48-67-C-c
núi Sam	SV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 01"	105° 09' 12"					F-48-67-C-d
súi Dân	TV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn			21° 00' 13"	105° 07' 40"	21° 02' 54"	105° 07' 50"	F-48-67-C-c
súi Dấu	TV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn			21° 01' 40"	105° 06' 09"	21° 03' 11"	105° 07' 44"	F-48-67-C-c
súi Sinh	TV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn			21° 03' 11"	105° 07' 43"	21° 01' 40"	105° 06' 08"	F-48-67-C-d
xóm Bại	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 55"	105° 18' 34"					F-48-79-B-a
xóm Đồi	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 50"	105° 18' 42"					F-48-79-B-a
xóm Đồi Bông	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 26"	105° 19' 01"					F-48-79-B-a
xóm Đồng Liếm	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	21° 00' 23"	105° 17' 23"					F-48-67-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Lạc Song	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 10"	105° 19' 13"							F-48-79-B-a
xóm Lở	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 31"	105° 18' 11"							F-48-79-B-a
xóm Thín	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	21° 00' 05"	105° 17' 09"							F-48-67-D-c
xóm Trại	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	21° 00' 07"	105° 18' 03"							F-48-79-B-a
xóm Vũ	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	21° 00' 16"	105° 18' 29"							F-48-79-B-a
núi Đồng Liệt	SV	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 52"	105° 17' 37"							F-48-79-B-a
sông Đà	TV	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn					20° 59' 12"	105° 19' 35"	21° 00' 45"	105° 18' 53"	F-48-79-B-a
đường tỉnh 317	KX	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn					21° 00' 19"	105° 18' 27"	20° 59' 07"	105° 19' 27"	F-48-67-D-c
cầu Lương Nha	KX	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	105° 18' 26"	21° 00' 19"							F-48-67-D-c
đội 2	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 28"	105° 10' 51"							F-48-67-C-b
đội 11	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 39"	105° 11' 45"							F-48-67-C-b
xóm Bò Kết	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 17"	105° 10' 23"							F-48-67-C-b
xóm Chanh	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 15"	105° 12' 10"							F-48-67-C-b
xóm Gai	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 46"	105° 12' 04"							F-48-67-C-b
xóm Khuẩn 1	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 58"	105° 12' 19"							F-48-67-C-b
xóm Khuẩn 2	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 35"	105° 12' 27"							F-48-67-C-b
khu Ngọc Sơn 1	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 36"	105° 10' 31"							F-48-67-C-b
khu Ngọc Sơn 2	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 34"	105° 10' 55"							F-48-67-C-b
xóm Sỏi Cà	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 12' 51"	105° 10' 24"							F-48-67-C-b
khu Tam Sơn 1	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 06"	105° 11' 40"							F-48-67-C-b
khu Tam Sơn 2	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 13' 58"	105° 11' 22"							F-48-67-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Ván	SV	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 12' 51"	105° 09' 52"							F-48-67-C-b
sông Bứa	TV	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn			21° 15' 05"	105° 11' 53"	21° 12' 19"	105° 10' 07"			F-48-67-C-b
suối Khánh	TV	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn			21° 13' 12"	105° 12' 19"	21° 13' 25"	105° 12' 00"			F-48-67-C-b
suối Lánh	TV	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn			21° 15' 10"	105° 10' 27"	21° 14' 34"	105° 09' 46"			F-48-67-C-b
quốc lộ 32	KX	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn			21° 13' 43"	105° 11' 57"	21° 15' 08"	105° 12' 15"			F-48-67-C-b
cầu Lánh	KX	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 34"	105° 10' 46"							F-48-67-C-b
xóm Chằm I	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 01' 35"	105° 13' 03"							F-48-67-C-d
xóm Chằm II	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 01' 19"	105° 13' 31"							F-48-67-C-d
xóm Chùng	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	20° 59' 47"	105° 12' 17"							F-48-79-A-b
xóm Hạ Thành	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	20° 59' 21"	105° 12' 14"							F-48-79-A-b
xóm Mận	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 00' 11"	105° 12' 27"							F-48-67-C-d
xóm Mít I	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 01' 03"	105° 11' 57"							F-48-67-C-d
xóm Mít II	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 00' 47"	105° 12' 16"							F-48-67-C-d
xóm Nưa Hạ	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 02' 13"	105° 11' 35"							F-48-67-C-d
xóm Nưa Thượng	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 02' 32"	105° 11' 12"							F-48-67-C-d
núi Ông Voi	SV	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 00' 46"	105° 13' 06"							F-48-67-C-d
suối Phai Chằm	TV	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn			21° 01' 37"	105° 12' 48"	21° 01' 03"	105° 13' 55"			F-48-67-C-d
đường tỉnh 316D	KX	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn			21° 03' 05"	105° 10' 44"	21° 01' 14"	105° 13' 55"			F-48-67-C-d
đốc Bụt	KX	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 03' 00"	105° 10' 45"							F-48-67-C-d
đỉnh Lư	KX	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 02' 04"	105° 11' 21"							F-48-67-C-d
xóm Dớn	DC	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn	21° 03' 42"	105° 11' 10"							F-48-67-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Gắn	DC	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn	21° 04' 06"	105° 10' 10"							F-48-67-C-d
xóm Nhàn Hạ	DC	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn	21° 04' 33"	105° 08' 35"							F-48-67-C-d
xóm Nhàn Thượng	DC	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn	21° 03' 45"	105° 09' 03"							F-48-67-C-d
núi Nhan	SV	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn	21° 04' 12"	105° 08' 09"							F-48-67-C-d
suối Gắn	TV	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn					21° 04' 28"	105° 11' 36"	21° 05' 03"	105° 08' 45"	F-48-67-C-d
đường tỉnh 332	KX	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn					21° 04' 53"	105° 08' 01"	21° 03' 05"	105° 10' 44"	F-48-67-C-c
xóm Bãi	DC	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn	21° 07' 11"	105° 13' 41"							F-48-67-C-d
xóm Chiềng	DC	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn	21° 07' 10"	105° 14' 36"							F-48-67-C-d
xóm Đồng Chờm	DC	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn	21° 08' 11"	105° 13' 28"							F-48-67-C-b
xóm Khang	DC	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn	21° 07' 20"	105° 13' 57"							F-48-67-C-d
xóm Sui	DC	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn	21° 07' 45"	105° 13' 47"							F-48-67-C-b
xóm Té	DC	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn	21° 07' 46"	105° 13' 27"							F-48-67-C-b
xóm Xem	DC	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn	21° 08' 31"	105° 13' 53"							F-48-67-C-b
suối Khoang Xanh	TV	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn					21° 07' 05"	105° 13' 22"	21° 07' 16"	105° 14' 19"	F-48-67-C-d
suối Mát	TV	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn					21° 08' 06"	105° 13' 24"	21° 07' 22"	105° 14' 15"	F-48-67-C-b
suối Vai Trát	TV	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn					21° 07' 22"	105° 14' 15"	21° 06' 43"	105° 15' 35"	F-48-67-C-d
đường tỉnh 316	KX	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn					21° 08' 01"	105° 13' 20"	21° 07' 02"	105° 13' 36"	F-48-67-C-b
cầu Đồng Tế	KX	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn	21° 07' 51"	105° 13' 20"							F-48-67-C-b
cầu Suối Mát	KX	xã Tát Thẳng	H. Thanh Sơn	21° 07' 58"	105° 13' 21"							F-48-67-C-b
xóm Chiềng	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 13"	105° 14' 15"							F-48-67-C-b
xóm Đá Bạc	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 41"	105° 15' 57"							F-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Đình	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 27"	105° 15' 19"							F-48-67-D-a
xóm Độc Cây	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 05"	105° 15' 15"							F-48-67-D-a
xóm Đồi Chè	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 03"	105° 15' 46"							F-48-67-D-a
xóm Đồng Bản	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 54"	105° 14' 39"							F-48-67-C-b
xóm Đồng Bung	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 23"	105° 13' 56"							F-48-67-C-b
xóm Đồng Lương	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 20"	105° 15' 35"							F-48-67-D-a
xóm Đồng Phú	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 42"	105° 13' 55"							F-48-67-C-b
xóm Nhà Thờ	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 42"	105° 15' 36"							F-48-67-D-a
xóm Nội	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 28"	105° 14' 15"							F-48-67-C-b
xóm Tiên Phong	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 50"	105° 15' 08"							F-48-67-D-a
đường tỉnh 316	KX	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn			21° 10' 43"	105° 16' 22"	21° 12' 05"	105° 13' 43"			F-48-67-D-a
Công ty Địa chất khoáng sản 303	KX	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 45"	105° 13' 56"							F-48-67-C-b
mỏ Fenpat	KX	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 29"	105° 15' 33"							F-48-67-D-a
mỏ Trường Thạch Fenpat	KX	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 47"	105° 16' 10"							F-48-67-D-a
xóm Đá Cóc	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 04' 55"	105° 14' 49"							F-48-67-C-d
xóm Đa Nghi	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 05' 51"	105° 16' 47"							F-48-67-D-c
xóm Đồng Cốc	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 04' 46"	105° 15' 11"							F-48-67-D-c
xóm Giai Hạ	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 05' 37"	105° 15' 51"							F-48-67-D-c
xóm Giai Thượng	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 05' 37"	105° 15' 17"							F-48-67-D-c
xóm Giếng Ông	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 06' 05"	105° 15' 50"							F-48-67-D-c
cầu Voi Đầm	KX	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 05' 06"	105° 14' 35"							F-48-67-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu Bến Đình	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 11' 02"	105° 10' 08"							F-48-67-C-b
khu Bình Dân	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 11' 41"	105° 10' 06"							F-48-67-C-b
Khu Đa Đa	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 09' 37"	105° 11' 00"							F-48-67-C-b
khu Đồng Cỏ	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 01"	105° 10' 09"							F-48-67-C-b
khu Đồng Lão	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 38"	105° 10' 34"							F-48-67-C-b
khu Đồng Xía	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 17"	105° 10' 43"							F-48-67-C-b
khu Giáp Trung	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 39"	105° 10' 14"							F-48-67-C-b
khu Ngọc Đồng	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 07"	105° 09' 44"							F-48-67-C-b
khu Phố Soi	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 53"	105° 10' 46"							F-48-67-C-b
đồi Đồng Cỏ	SV	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 09' 11"	105° 10' 09"							F-48-67-C-b
đốc Than	SV	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 21"	105° 10' 19"							F-48-67-C-b
sông Bứa	TV	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn			21° 10' 59"	105° 09' 26"	21° 12' 19"	105° 10' 07"			F-48-67-C-b
sườn Dông	TV	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn			21° 10' 06"	105° 12' 57"	21° 11' 32"	105° 10' 34"			F-48-67-C-b
đường tỉnh 316	KX	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn			21° 11' 35"	105° 10' 43"	21° 09' 23"	105° 11' 15"			F-48-67-C-b
cầu Bình Dân	KX	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 12' 05"	105° 10' 02"							F-48-67-C-b
xóm Cáp	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 59' 33"	105° 07' 21"							F-48-79-A-a
xóm Cây	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 00' 02"	105° 08' 19"							F-48-67-C-d
xóm Chùa	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 59' 31"	105° 08' 54"							F-48-79-A-a
xóm Đa Trắng	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 58' 51"	105° 10' 11"							F-48-79-A-b
xóm Lài Châu	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 59' 20"	105° 07' 16"							F-48-79-A-a
xóm Mặc Chanh	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 58' 47"	105° 07' 56"							F-48-79-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Mù	DC	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn	20° 58' 43"	105° 08' 08"							F-48-79-A-b
xóm Sinh Tân	DC	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn	20° 59' 14"	105° 09' 51"							F-48-79-A-b
xóm Tu Chạn	DC	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn	20° 59' 41"	105° 07' 38"							F-48-79-A-b
xóm Vĩ	DC	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn	20° 58' 54"	105° 07' 18"							F-48-79-A-a
núi Kê Khố	SV	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn	20° 59' 42"	105° 11' 05"							F-48-79-A-b
núi Phù Chu	SV	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn	20° 58' 07"	105° 05' 15"							F-48-79-A-a
suối Dân	TV	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn			20° 57' 12"	105° 07' 43"	20° 59' 11"	105° 07' 36"			F-48-79-A-b
suối Giữa	TV	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn			20° 59' 38"	105° 05' 24"	20° 59' 38"	105° 06' 51"			F-48-79-A-a
suối Lài	TV	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn			20° 59' 24"	105° 07' 02"	21° 00' 13"	105° 07' 40"			F-48-79-A-a
suối Lam	TV	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn			20° 59' 38"	105° 06' 47"	20° 59' 33"	105° 07' 06"			F-48-79-A-a
suối Sinh	TV	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn			20° 59' 11"	105° 07' 36"	20° 59' 45"	105° 07' 25"			F-48-79-A-b
suối Táo	TV	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn			20° 58' 15"	105° 06' 06"	20° 59' 24"	105° 07' 02"			F-48-79-A-a
suối Vĩ	TV	xã Thượng Cừu	H. Thanh Sơn			20° 58' 16"	105° 06' 45"	20° 59' 16"	105° 07' 30"			F-48-79-A-a
xóm Áp Giáo	DC	xã Tĩnh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 58' 35"	105° 19' 34"							F-48-79-B-a
xóm Đồng Viết	DC	xã Tĩnh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 57' 47"	105° 19' 39"							F-48-79-B-a
xóm Gò Đa	DC	xã Tĩnh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 56' 45"	105° 20' 21"							F-48-79-B-a
xóm Lăng Mái	DC	xã Tĩnh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 57' 18"	105° 20' 06"							F-48-79-B-a
xóm Lương Sơn 2	DC	xã Tĩnh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 58' 22"	105° 19' 37"							F-48-79-B-a
xóm Mới	DC	xã Tĩnh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 57' 28"	105° 19' 05"							F-48-79-B-a
xóm Sinh	DC	xã Tĩnh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 58' 02"	105° 18' 56"							F-48-79-B-a
xóm Tân Đà	DC	xã Tĩnh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 56' 30"	105° 19' 46"							F-48-79-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đá Bia	SV	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 57' 46"	105° 18' 33"					F-48-79-B-a
sông Đà	TV	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn			20° 56' 31"	105° 20' 32"	20° 59' 12"	105° 19' 35"	F-48-79-B-a
đường tỉnh 317	KX	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn				105° 20' 20"	20° 59' 08"	105° 19' 27"	F-48-79-B-a
chợ Tân	KX	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 56' 45"	105° 20' 22"					F-48-79-B-a
xóm Cát	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 12"	105° 06' 17"					F-48-67-C-c
xóm Dẻ 1	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 50"	105° 06' 38"					F-48-67-C-c
xóm Dẻ 2	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 27"	105° 06' 54"					F-48-67-C-c
xóm Đồng Mật	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 39"	105° 06' 52"					F-48-67-C-a
xóm Kén	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 56"	105° 05' 45"					F-48-67-C-a
xóm Liệt	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 40"	105° 05' 47"					F-48-67-C-c
xóm Mật	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 20"	105° 06' 40"					F-48-67-C-c
xóm Tam Ván	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 20"	105° 07' 57"					F-48-67-C-d
xóm Thành Công	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 28"	105° 09' 26"					F-48-67-C-d
xóm Trầu	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 14"	105° 07' 17"					F-48-67-C-c
xóm Trống	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 29"	105° 07' 10"					F-48-67-C-c
xóm Ván Lắm	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 56"	105° 07' 39"					F-48-67-C-d
xóm Ván Phú	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 56"	105° 07' 09"					F-48-67-C-c
xóm Xẻ 1	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 34"	105° 07' 53"					F-48-67-C-d
xóm Xẻ 2	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 41"	105° 08' 31"					F-48-67-C-d
núi Cá Kếu	SV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 15"	105° 09' 00"					F-48-67-C-d
đồi Mu Vưa	SV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 04"	105° 06' 47"					F-48-67-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Vón	SV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 19"	105° 06' 34"					F-48-67-C-c
suối Dân	TV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn			21° 05' 21"	105° 07' 47"	21° 06' 58"	105° 07' 53"	F-48-67-C-d
suối Giát	TV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn			21° 06' 43"	105° 06' 14"	21° 07' 44"	105° 07' 12"	F-48-67-C-a
suối Hẹ	TV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn			21° 04' 32"	105° 07' 41"	21° 05' 21"	105° 07' 47"	F-48-67-C-d
suối Xé	TV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn			21° 05' 15"	105° 11' 08"	21° 05' 43"	105° 07' 49"	F-48-67-C-d
đường tỉnh 322	KX	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn			21° 07' 54"	105° 07' 19"	21° 04' 53"	105° 08' 01"	F-48-67-C-c
xóm Bản 1	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 03"	105° 07' 47"					F-48-67-C-b
xóm Bản 2	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 32"	105° 07' 07"					F-48-67-C-a
xóm Bành	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 06"	105° 08' 34"					F-48-67-C-b
xóm Chại	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 28"	105° 07' 31"					F-48-67-C-b
xóm Cốc	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 15"	105° 08' 22"					F-48-67-C-d
xóm Do	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 15"	105° 07' 02"					F-48-67-C-a
xóm Dù	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 10' 30"	105° 07' 21"					F-48-67-C-a
xóm Gò Vường	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 26"	105° 07' 31"					F-48-67-C-b
xóm Liền Thành	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 55"	105° 09' 03"					F-48-67-C-b
xóm Mạ	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 50"	105° 08' 07"					F-48-67-C-b
xóm Mạ Bằng	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 21"	105° 08' 08"					F-48-67-C-b
xóm Rĩa 1	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 00"	105° 09' 03"					F-48-67-C-d
xóm Rĩa 1	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 38"	105° 09' 31"					F-48-67-C-d
xóm Rĩa 2	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 32"	105° 09' 22"					F-48-67-C-b
xóm Sang Dưới	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 04"	105° 07' 41"					F-48-67-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Sơn Hà	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 10' 39"	105° 07' 39"							F-48-67-C-b
khu Tân Bình	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 11' 27"	105° 08' 32"							F-48-67-C-b
xóm Tân Bình	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 11' 12"	105° 08' 17"							F-48-67-C-b
khu Tân Bình	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 11' 18"	105° 08' 51"							F-48-67-C-b
xóm Tân Phong	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 03"	105° 09' 23"							F-48-67-C-b
xóm Thanh Hà	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 34"	105° 08' 37"							F-48-67-C-b
xóm Trại Giáo	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 10' 58"	105° 08' 05"							F-48-67-C-b
xóm Vắng	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 57"	105° 07' 09"							F-48-67-C-a
xóm Vung	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 46"	105° 07' 57"							F-48-67-C-b
núi Chài	SV	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 28"	105° 06' 41"							F-48-67-C-a
sườn Chăn	TV	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn			21° 07' 43"	105° 09' 49"	21° 10' 57"	105° 09' 22"			F-48-67-C-b
sông Dân	TV	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn			21° 06' 58"	105° 07' 53"	21° 10' 55"	105° 07' 51"			F-48-67-C-a
đường tỉnh 316C	KX	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn			21° 10' 15"	105° 09' 24"	21° 07' 54"	105° 07' 19"			F-48-67-C-b
khu Bãi Xoan	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	21° 00' 22"	105° 16' 39"							F-48-67-D-c
xóm Đảnh	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	21° 00' 46"	105° 15' 33"							F-48-67-D-c
khu Dốc Đỏ	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	20° 59' 29"	105° 15' 51"							F-48-79-B-a
khu Đồng Thịnh	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	21° 00' 02"	105° 15' 52"							F-48-67-D-c
xóm Gò Đa	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	21° 00' 13"	105° 15' 05"							F-48-67-D-c
xóm Né	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	21° 00' 53"	105° 16' 42"							F-48-67-D-c
xóm Pheo	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	20° 58' 59"	105° 15' 57"							F-48-79-B-a
xóm Trung Thịnh	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	20° 59' 44"	105° 15' 23"							F-48-79-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ngòi Lạt	TV	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn			21° 00' 05"	105° 15' 17"	21° 00' 14"	105° 17' 03"	F-48-67-D-c
cầu Đồng Gốc	KX	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	20° 59' 07"	105° 15' 49"					F-48-79-B-a
khu Bỏ Sở	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 58' 12"	105° 12' 50"					F-48-79-A-b
xóm Đá	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 26"	105° 15' 23"					F-48-79-B-a
xóm Đám Mía	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 58' 58"	105° 15' 30"					F-48-79-B-a
xóm Đồng Quất	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 58' 39"	105° 12' 10"					F-48-79-A-b
xóm Lục Lương	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	21° 00' 22"	105° 14' 53"					F-48-67-C-d
xóm Mu Hang	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 11"	105° 15' 06"					F-48-79-B-a
xóm Náy	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 57' 33"	105° 12' 52"					F-48-79-A-b
xóm Soi	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 28"	105° 14' 52"					F-48-79-A-b
xóm Trại	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 46"	105° 14' 44"					F-48-79-A-b
núi Đền	SV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 58' 40"	105° 11' 29"					F-48-79-A-b
núi Tàu	SV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 58' 26"	105° 14' 14"					F-48-79-A-b
núi Trạc	SV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 10"	105° 14' 03"					F-48-79-A-b
suối Cái	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			20° 58' 16"	105° 11' 52"	20° 58' 48"	105° 14' 50"	F-48-79-A-b
ngòi Lạt	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			20° 59' 52"	105° 14' 05"	21° 00' 00"	105° 15' 07"	F-48-79-B-a
suối Lim	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			20° 59' 45"	105° 12' 44"	20° 59' 52"	105° 14' 05"	F-48-67-C-d
suối Lim	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			20° 57' 56"	105° 14' 52"	20° 59' 19"	105° 15' 11"	F-48-79-A-b
suối Ngòi Long	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			21° 01' 00"	105° 14' 56"	21° 00' 35"	105° 15' 28"	F-48-67-D-c
suối Quất	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			20° 59' 19"	105° 15' 11"	21° 00' 05"	105° 15' 17"	F-48-79-A-b
đường tỉnh 316	KX	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			21° 00' 55"	105° 14' 40"	20° 59' 07"	105° 15' 47"	F-48-79-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Rậm Xi	KX	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 50"	105° 14' 40"					F-48-79-A-b
đội 1	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 58' 53"	105° 16' 44"					F-48-79-B-a
đội 2	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 20"	105° 16' 57"					F-48-79-B-a
đội 3	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 22"	105° 17' 30"					F-48-79-B-a
khu Bến Dằm	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 59' 55"	105° 16' 51"					F-48-79-B-a
xóm Bưng	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 55' 52"	105° 17' 15"					F-48-79-B-a
khu Chen	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 19"	105° 15' 37"					F-48-79-B-a
xóm Chiềng	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 47"	105° 17' 01"					F-48-79-B-a
khu Chự	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 10"	105° 14' 43"					F-48-79-A-b
khu Đẻ Ngừ	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 58' 29"	105° 17' 05"					F-48-79-B-a
xóm Đồng Mát	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 51"	105° 18' 38"					F-48-79-B-a
khu Hạ Sơn	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 32"	105° 18' 31"					F-48-79-B-a
khu Hồ	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 40"	105° 12' 49"					F-48-79-A-b
khu Lau	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 58' 04"	105° 17' 10"					F-48-79-B-a
khu Liên Chung	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 52"	105° 16' 42"					F-48-79-B-a
khu Mỏ	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 59' 40"	105° 16' 26"					F-48-79-B-a
xóm Mỏ	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 35"	105° 17' 11"					F-48-79-B-a
khu Trại Yên	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 25"	105° 18' 26"					F-48-79-B-a
xóm Vón Ngoài	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 26"	105° 16' 45"					F-48-79-B-a
xóm Vón Trong	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 59"	105° 17' 32"					F-48-79-B-a
núi Ác	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 21"	105° 13' 24"					F-48-79-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Chung	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 55' 32"	105° 16' 24"							F-48-79-B-a
đốc Cổng Trời	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 43"	105° 16' 09"							F-48-79-B-a
đốc Đá Bia	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 45"	105° 18' 20"							F-48-79-B-a
núi Duối	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 55' 47"	105° 18' 51"							F-48-79-B-a
núi Tu Tinh	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 48"	105° 15' 35"							F-48-79-B-a
suối Bắn	TV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 56' 41"	105° 14' 56"	20° 57' 56"	105° 14' 52"			F-48-79-B-a
suối Bản Thơm	TV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 56' 47"	105° 13' 16"	20° 57' 29"	105° 14' 39"			F-48-79-B-a
suối Cái	TV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 56' 02"	105° 18' 27"	20° 58' 49"	105° 17' 12"			F-48-79-A-b
ngòi Lạt	TV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 56' 51"	105° 17' 11"	20° 57' 37"	105° 17' 00"			F-48-79-B-a
suối Vui	TV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 58' 28"	105° 16' 49"	20° 59' 42"	105° 16' 44"			F-48-79-A-b
đường tỉnh 316	KX	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 58' 50"	105° 16' 09"	20° 57' 19"	105° 18' 42"			F-48-79-B-a
di tích Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	21° 10' 47"	105° 16' 09"							F-48-79-B-a
cầu Trắng	KX	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 58' 21"	105° 16' 46"							F-48-79-B-a
thôn Bảo Yên	DC	xã Bảo Yên	H. Thanh Thủy	21° 08' 39"	105° 17' 21"							F-48-67-D-a
thôn Thượng Lộc	DC	xã Bảo Yên	H. Thanh Thủy	21° 09' 01"	105° 17' 09"							F-48-67-D-a
thôn Viễn Lâm	DC	xã Bảo Yên	H. Thanh Thủy	21° 08' 31"	105° 16' 58"							F-48-67-D-a
xóm Đảo Dầu	DC	xã Đảo Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 58"	105° 17' 41"							F-48-67-D-a
thôn Đảo Thôn	DC	xã Đảo Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 36"	105° 17' 48"							F-48-67-D-a
thôn Đồng Cheo	DC	xã Đảo Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 30"	105° 16' 24"							F-48-67-D-a
xứ Mã Mò	DC	xã Đảo Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 17"	105° 17' 52"							F-48-67-D-a
thôn Phú Xuân	DC	xã Đảo Xá	H. Thanh Thủy	21° 12' 48"	105° 16' 13"							F-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phương Giao	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 14' 12"	105° 16' 20"					F-48-67-D-a
xóm Sờ	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 14' 10"	105° 17' 02"					F-48-67-D-a
thôn Tân Thắng	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 12' 50"	105° 17' 46"					F-48-67-D-a
Trường Lào	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 19"	105° 15' 11"					F-48-67-D-a
thôn Trường Xuân	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 37"	105° 16' 59"					F-48-67-D-a
đèo Giạt	SV	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 12' 42"	105° 13' 58"					F-48-67-C-b
đồi Mầu	SV	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 14' 27"	105° 16' 43"					F-48-67-D-a
đường tỉnh 316B	KX	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy			21° 12' 13"	105° 16' 58"	21° 14' 27"	105° 17' 07"	F-48-67-D-a
di tích Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 12' 30"	105° 16' 55"					F-48-67-D-a
xóm Trại	DC	xã Đoan Hạ	H. Thanh Thủy	21° 07' 49"	105° 18' 10"					F-48-67-D-a
ngôi Cái	TV	xã Đoan Hạ	H. Thanh Thủy			21° 07' 27"	105° 17' 14"	21° 08' 51"	105° 17' 28"	F-48-67-D-a
sông Đà	TV	xã Đoan Hạ	H. Thanh Thủy			21° 07' 47"	105° 18' 28"	21° 08' 56"	105° 17' 34"	F-48-67-D-a
đường tỉnh 317	KX	xã Đoan Hạ	H. Thanh Thủy			21° 07' 42"	105° 18' 17"	21° 08' 35"	105° 17' 32"	F-48-67-D-a
xóm Chợ	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 06' 28"	105° 18' 50"					F-48-67-D-c
xóm Đình	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 06' 38"	105° 18' 39"					F-48-67-D-c
thôn Đoan Thượng	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 07' 12"	105° 18' 35"					F-48-67-D-c
xóm Phiên Ba	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 06' 12"	105° 18' 16"					F-48-67-D-c
xóm Phú Đồi	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 05' 41"	105° 18' 14"					F-48-67-D-c
thôn Phương Đông	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 05' 50"	105° 18' 22"					F-48-67-D-c
thôn Sông Đà	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 06' 29"	105° 18' 42"					F-48-67-D-c
phà Đồng Luận	KX	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	105° 19' 05"	21° 06' 35"					F-48-67-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ba Đông	DC	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy	21° 07' 05"	105° 17' 11"					F-48-67-D-c
thôn Hùng Sơn	DC	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy	21° 06' 16"	105° 16' 11"					F-48-67-D-c
thôn Liên Minh	DC	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy	21° 07' 20"	105° 17' 03"					F-48-67-D-c
thôn Minh Xuân	DC	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy	21° 07' 08"	105° 16' 42"					F-48-67-D-c
thôn Tiến Phong	DC	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy	21° 06' 36"	105° 16' 39"					F-48-67-D-c
ngôi Cai	TV	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy			21° 06' 43"	105° 15' 35"	21° 07' 27"	105° 17' 14"	F-48-67-D-c
xóm Bè	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 09' 26"	105° 15' 58"					F-48-67-D-a
thôn Động Lâm	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 09' 48"	105° 16' 43"					F-48-67-D-a
xóm Hoàng Mai	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 10' 28"	105° 16' 23"					F-48-67-D-a
thôn La Phù	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 10' 28"	105° 16' 53"					F-48-67-D-a
thôn Thanh Lâm	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 09' 28"	105° 16' 40"					F-48-67-D-a
xóm Trại	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 09' 43"	105° 15' 48"					F-48-67-D-a
đường tỉnh 316	KX	xã La Phù	H. Thanh Thủy			21° 10' 53"	105° 17' 16"	21° 10' 43"	105° 16' 22"	F-48-67-D-a
xóm Đồng Bon	DC	xã Phụng Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 22"	105° 16' 03"					F-48-67-D-c
xóm Đồng Long	DC	xã Phụng Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 39"	105° 16' 36"					F-48-67-D-c
xóm Đồng Miếu	DC	xã Phụng Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 46"	105° 15' 56"					F-48-67-D-c
xóm Đồng Mít	DC	xã Phụng Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 10"	105° 15' 37"					F-48-67-D-c
thôn Đồng Vôi	DC	xã Phụng Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 51"	105° 16' 50"					F-48-67-D-c
xóm Láng Xèo	DC	xã Phụng Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 50"	105° 16' 17"					F-48-67-D-c
xóm Trại	DC	xã Phụng Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 54"	105° 17' 27"					F-48-67-D-c
đội Nhộng Trám	SV	xã Phụng Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 14"	105° 16' 04"					F-48-67-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Phương Mao	TV	xã Phương Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 26"	105° 15' 29"					F-48-67-D-c
thôn Phù Lao	DC	xã Sơn Thủy	H. Thanh Thủy	21° 08' 55"	105° 15' 38"					F-48-67-D-a
xóm Rừng	DC	xã Sơn Thủy	H. Thanh Thủy	21° 08' 24"	105° 14' 35"					F-48-67-C-b
thôn Sơn Vi	DC	xã Sơn Thủy	H. Thanh Thủy	21° 08' 14"	105° 16' 07"					F-48-67-D-a
thôn Thủy Trại	DC	xã Sơn Thủy	H. Thanh Thủy	21° 07' 45"	105° 16' 02"					F-48-67-D-a
suối Hàng	TV	xã Sơn Thủy	H. Thanh Thủy			21° 09' 11"	105° 16' 02"	21° 08' 26"	105° 14' 19"	F-48-67-D-a
thôn Phú An	DC	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 11' 26"	105° 17' 07"					F-48-67-D-a
thôn Phương Viên	DC	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 11' 14"	105° 17' 25"					F-48-67-D-a
thôn Tiên Phong	DC	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 10' 58"	105° 17' 02"					F-48-67-D-a
đường tỉnh 316	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy			21° 11' 43"	105° 17' 50"	21° 10' 53"	105° 17' 16"	F-48-67-D-a
đường tỉnh 317	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy			21° 11' 33"	105° 17' 38"	21° 12' 13"	105° 16' 58"	F-48-67-D-a
Xí nghiệp Cao Lanh	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 12' 30"	105° 16' 55"					F-48-67-D-a
mỏ Cao lanh Trường Thạch	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 12' 02"	105° 17' 15"					F-48-67-D-a
mỏ Pens Pat	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 11' 56"	105° 16' 47"					F-48-67-D-a
cầu Rát	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 11' 53"	105° 17' 13"					F-48-67-D-a
thôn Đồng Mai	DC	xã Thạch Đồng	H. Thanh Thủy	21° 12' 36"	105° 18' 52"					F-48-67-D-a
thôn Đồng Thị	DC	xã Thạch Đồng	H. Thanh Thủy	21° 12' 10"	105° 18' 45"					F-48-67-D-a
thôn Tân Đan	DC	xã Thạch Đồng	H. Thanh Thủy	21° 11' 55"	105° 18' 10"					F-48-67-D-a
đường tỉnh 316	KX	xã Thạch Đồng	H. Thanh Thủy			21° 12' 29"	105° 19' 11"	21° 11' 43"	105° 17' 50"	F-48-67-D-a
xóm Lăng Sương	DC	xã Trung Nghĩa	H. Thanh Thủy	21° 05' 10"	105° 17' 32"					F-48-67-D-c
xóm Trại Mới	DC	xã Trung Nghĩa	H. Thanh Thủy	21° 05' 29"	105° 17' 24"					F-48-67-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Kinh độ (độ, phút, giây)		Kinh độ (độ, phút, giây)		Kinh độ (độ, phút, giây)				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Việt Hùng	DC	xã Trung Nghĩa	H. Thanh Thủy	21° 05' 46"	105° 17' 34"							F-48-67-D-c
đường tỉnh 317	KX	xã Trung Nghĩa	H. Thanh Thủy			21° 04' 06"	105° 17' 41"	21° 05' 36"	105° 18' 16"			F-48-67-D-c
thôn Trung Lập	DC	xã Trung Thịnh	H. Thanh Thủy	21° 06' 50"	105° 17' 34"							F-48-67-D-c
xóm Bến Láng	DC	xã Tú Vũ	H. Thanh Thủy	21° 00' 33"	105° 17' 49"							F-48-67-D-c
xóm Dân Chủ	DC	xã Tú Vũ	H. Thanh Thủy	21° 00' 36"	105° 18' 31"							F-48-67-D-c
xóm Độc Lập	DC	xã Tú Vũ	H. Thanh Thủy	21° 01' 12"	105° 18' 00"							F-48-67-D-c
đường tỉnh 317	KX	xã Tú Vũ	H. Thanh Thủy			21° 00' 19"	105° 18' 26"	21° 01' 28"	105° 17' 43"			F-48-67-D-c
thôn Hạ Bi	DC	xã Xuân Lộc	H. Thanh Thủy	21° 13' 09"	105° 19' 48"							F-48-67-D-a
thôn Hướng Thiện	DC	xã Xuân Lộc	H. Thanh Thủy	21° 13' 28"	105° 20' 15"							F-48-67-D-a
thôn Xuân Dương	DC	xã Xuân Lộc	H. Thanh Thủy	21° 13' 13"	105° 18' 57"							F-48-67-D-a
đầm Xuân Dương	TV	xã Xuân Lộc	H. Thanh Thủy	21° 13' 07"	105° 18' 45"							F-48-67-D-a
đường tỉnh 316	KX	xã Xuân Lộc	H. Thanh Thủy			21° 13' 42"	105° 20' 34"	21° 12' 29"	105° 19' 11"			F-48-67-D-a
xóm Cờ Đỏ	DC	xã Yên Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 37"	105° 17' 12"							F-48-67-D-c
xóm Đền	DC	xã Yên Mao	H. Thanh Thủy	21° 01' 56"	105° 17' 22"							F-48-67-D-c
xóm Đồi Cù	DC	xã Yên Mao	H. Thanh Thủy	21° 01' 36"	105° 17' 25"							F-48-67-D-c
xóm Đồng Chác	DC	xã Yên Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 31"	105° 16' 03"							F-48-67-D-c
xóm Đồng Nhim	DC	xã Yên Mao	H. Thanh Thủy	21° 02' 11"	105° 17' 15"							F-48-67-D-c
xóm Đồng Sui	DC	xã Yên Mao	H. Thanh Thủy	21° 02' 29"	105° 16' 40"							F-48-67-D-c
xóm Đồng Xuân	DC	xã Yên Mao	H. Thanh Thủy	21° 01' 20"	105° 17' 14"							F-48-67-D-c
xóm Thành Long	DC	xã Yên Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 02"	105° 16' 48"							F-48-67-D-c
xóm Xuân Trung	DC	xã Yên Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 21"	105° 16' 48"							F-48-67-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Chùa	DC	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 44"	105° 03' 04"					F-48-67-A-c
xóm Đình	DC	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 11"	105° 02' 44"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Cạn	DC	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 20' 58"	105° 02' 17"					F-48-67-A-c
xóm Mít	DC	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 22' 05"	105° 03' 05"					F-48-67-A-c
xóm Mơ	DC	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 22' 25"	105° 02' 36"					F-48-67-A-a
xóm Tân An	DC	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 20' 52"	105° 03' 04"					F-48-67-A-c
xóm Trung Ngãi	DC	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 20' 35"	105° 02' 58"					F-48-67-A-c
đốc Đá Thờ	SV	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 56"	105° 04' 10"					F-48-67-A-c
ngôi Cả	TV	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập			21° 21' 07"	105° 02' 52"	21° 22' 02"	105° 04' 28"	F-48-67-A-c
đường tỉnh 313	KX	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập			21° 20' 49"	105° 03' 28"	21° 22' 03"	105° 04' 27"	F-48-67-A-c
cầu Bến Sô	KX	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 13"	105° 02' 59"					F-48-67-A-c
cầu Bến Sơn	KX	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 30"	105° 03' 49"					F-48-67-A-c
Nông trường Hưng Long	KX	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 48"	105° 03' 46"					F-48-67-A-c
cầu Thủy Điện	KX	T.T. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 19"	105° 03' 21"					F-48-67-A-c
xóm An Lạc	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 20' 27"	105° 06' 23"					F-48-67-A-c
xóm Dân Thanh	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 19' 28"	105° 05' 51"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Khanh	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 20' 22"	105° 05' 39"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Mạ	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 19' 12"	105° 05' 54"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Thanh	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 19' 54"	105° 05' 47"					F-48-67-A-c
xóm Minh Phúc	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 19' 24"	105° 06' 34"					F-48-67-A-c
xóm Minh Tân	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 19' 47"	105° 06' 20"					F-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Phú Động	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 18' 56"	105° 07' 07"							F-48-67-A-c
xóm Thi Đua	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 18' 45"	105° 05' 51"							F-48-67-A-c
đồi Con Tượng	SV	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 20' 09"	105° 06' 45"							F-48-67-A-c
đường tỉnh 330	KX	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập			21° 18' 37"	105° 06' 45"	21° 20' 28"	105° 05' 58"			F-48-67-A-c
xóm Bằng Thung	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 18' 23"	105° 04' 03"							F-48-67-A-c
xóm Đồng Dân	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 33"	105° 03' 18"							F-48-67-A-c
xóm Đồng Thanh	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 17"	105° 02' 53"							F-48-67-A-c
xóm Đồng Tiến	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 58"	105° 03' 42"							F-48-67-A-c
xóm Hạ Bạc	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 00"	105° 02' 58"							F-48-67-A-c
xóm Lèn	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 26"	105° 03' 49"							F-48-67-A-c
xóm Lương Đầu	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 18' 38"	105° 03' 37"							F-48-67-A-c
xóm Minh Tiến	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 32"	105° 03' 20"							F-48-67-A-c
xóm Tám Bưởi	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 41"	105° 02' 36"							F-48-67-A-c
xóm Tân Hoa	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 14"	105° 03' 20"							F-48-67-A-c
xóm Tân Lập	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 54"	105° 04' 05"							F-48-67-A-c
xóm Thắng Quê	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 21"	105° 04' 18"							F-48-67-A-c
xóm Thống Nhất	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 04"	105° 03' 21"							F-48-67-A-c
súối Cái	TV	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập			21° 18' 48"	105° 03' 18"	21° 20' 51"	105° 03' 38"			F-48-67-A-c
cầu Ao Sen	KX	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 13"	105° 03' 37"							F-48-67-A-c
Công ty Lâm nghiệp Yên Lập	KX	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 20"	105° 03' 10"							F-48-67-A-c
cầu Ngà	KX	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 17"	105° 03' 06"							F-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
xóm Đồng Bành	DC	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 22' 24"	105° 01' 14"						F-48-67-A-c
xóm Đồng Chung	DC	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 21' 26"	105° 01' 40"						F-48-67-A-c
xóm Mè	DC	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 21' 51"	105° 02' 09"						F-48-67-A-c
xóm Thiện I	DC	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 22' 37"	105° 01' 43"						F-48-67-A-a
xóm Trung Bằng	DC	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 22' 17"	105° 02' 01"						F-48-67-A-c
đồi Bại	SV	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 23' 06"	105° 02' 57"						F-48-67-A-a
đường tỉnh 321	KX	xã Hưng Long	H. Yên Lập			21° 22' 27"	105° 01' 06"	21° 21' 34"	105° 02' 47"		F-48-67-A-c
Xí nghiệp Dịch vụ chè Hưng Long	KX	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 21' 37"	105° 01' 12"						F-48-67-A-c
xóm Ao Bón	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 28' 22"	104° 58' 15"						F-48-66-B-b
xóm Đá Trắng	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 57"	104° 56' 48"						F-48-66-B-b
xóm Đình A	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 22"	104° 57' 45"						F-48-66-B-b
xóm Đoàn Kết	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 17"	104° 58' 47"						F-48-66-B-b
xóm Hưng Thịnh	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 10"	104° 57' 28"						F-48-66-B-b
xóm Phú Cường	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 21"	104° 58' 30"						F-48-66-B-b
xóm Phú Sơn	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 25' 59"	104° 57' 48"						F-48-66-B-b
xóm Phú Thịnh	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 32"	104° 57' 02"						F-48-66-B-b
xóm Tam Giao	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 48"	104° 59' 23"						F-48-66-B-b
xóm Tân Hội	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 25' 42"	104° 57' 54"						F-48-66-B-b
xóm Tân Lập	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 10"	104° 58' 37"						F-48-66-B-b
xóm Tân Sơn	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 46"	104° 57' 50"						F-48-66-B-b
xóm Thành Lập	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 28' 00"	104° 57' 29"						F-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Xuân Hương	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 33"	104° 58' 12"							F-48-66-B-b
xóm Xuân Tân	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 04"	104° 58' 16"							F-48-66-B-b
xóm Xuân Thượng	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 28' 31"	104° 57' 48"							F-48-66-B-b
xóm Xuân Tinh	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 51"	104° 58' 04"							F-48-66-B-b
núi Ngựa Lồng	SV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 01"	104° 58' 32"							F-48-66-B-b
ngòi A	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập			21° 27' 13"	104° 57' 48"	21° 27' 09"	104° 58' 56"			F-48-66-B-b
hồ Độc Giang	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 25' 49"	104° 58' 37"							F-48-66-B-b
ngòi Giành	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập			21° 26' 09"	104° 59' 01"	21° 27' 36"	104° 59' 39"			F-48-66-B-b
khe Ngựa Lồng	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập			21° 25' 52"	104° 56' 46"	21° 26' 35"	104° 57' 23"			F-48-66-B-b
ao Sen	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 39"	104° 58' 34"							F-48-66-B-b
suối Thường	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập			21° 29' 07"	104° 58' 17"	21° 27' 29"	104° 58' 23"			F-48-66-B-b
đường tỉnh 321C	KX	xã Lương Sơn	H. Yên Lập			21° 27' 14"	104° 58' 11"	21° 27' 45"	104° 59' 41"			F-48-66-B-b
cầu Ngòi A	KX	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 22"	104° 58' 03"							F-48-66-B-b
thôn Đồng Trò	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 18' 24"	105° 06' 22"							F-48-67-A-c
thôn Đức Xuân	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 17' 23"	105° 06' 53"							F-48-67-A-c
thôn Hồng Quang	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 17' 48"	105° 06' 58"							F-48-67-A-c
thôn Minh Đức	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 17' 04"	105° 07' 56"							F-48-67-A-d
thôn Minh Tiến	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 17' 19"	105° 07' 41"							F-48-67-A-d
thôn Phú Cường	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 18' 01"	105° 07' 21"							F-48-67-A-c
thôn Quyết Tiến	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 16' 45"	105° 07' 35"							F-48-67-A-d
thôn Sinh Tiến	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 16' 20"	105° 08' 13"							F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đồi Kiểu	SV	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 17' 30"	105° 06' 20"							F-48-67-A-c
ngôi Cái	TV	xã Minh Hòa	H. Yên Lập			21° 17' 07"	105° 07' 43"	21° 18' 43"	105° 06' 52"			F-48-67-A-c
khu 2	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 29' 46"	104° 55' 15"							F-48-66-B-b
khu 4	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 24"	104° 53' 33"							F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 13"	104° 54' 17"							F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 30' 22"	104° 55' 44"							F-48-54-D-d
khu 8	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 22"	104° 54' 48"							F-48-54-D-d
khu 9	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 10"	104° 55' 09"							
khu 1A	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 29' 49"	104° 54' 17"							F-48-66-B-b
khu 1B	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 30' 27"	104° 54' 02"							F-48-54-D-d
khu 3A	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 26"	104° 53' 21"							F-48-54-D-d
khu 3B	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 00"	104° 53' 55"							F-48-54-D-d
khu 8 Bằng Khê	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 47"	104° 54' 55"							F-48-54-D-d
khu 8 Xóm Mò	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 34"	104° 54' 32"							F-48-54-D-d
núi Bồ Côi	SV	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 32' 42"	104° 54' 40"							F-48-55-C-b
núi Nà	SV	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 32' 05"	104° 52' 558"							F-48-55-C-b
ngôi Lao	TV	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập			21° 31' 21"	104° 52' 59"	21° 30' 33"	104° 55' 54"			F-48-54-D-d
hồ Phai Lớn	TV	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 32' 09"	104° 54' 06"							F-48-54-D-d
đường tỉnh 321	KX	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập			21° 32' 16"	104° 53' 37"	21° 29' 45"	104° 56' 00"			F-48-66-B-b
phần trại Số 3 Tân Lập	KX	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 30' 01"	104° 56' 08"							F-48-54-D-d
phần trại Số 4 Tân Lập	KX	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 54"	104° 57' 55"							F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu Đại Cao	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 27' 41"	104° 55' 55"							F-48-66-B-b
khu Đại Đồng	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 05"	104° 56' 46"							F-48-66-B-b
khu Đồng An	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 29' 01"	104° 57' 11"							F-48-66-B-b
khu Đồng Ve	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 42"	104° 56' 47"							F-48-66-B-b
khu Gò Mườn	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 29' 44"	104° 56' 52"							F-48-66-B-b
khu Liên An	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 24"	104° 57' 04"							F-48-66-B-b
khu Phú An	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 27' 59"	104° 56' 27"							F-48-66-B-b
khu Quyết Tiến	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 35"	104° 55' 40"							F-48-66-B-b
khu Tân Bình	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 29' 30"	104° 56' 08"							F-48-66-B-b
khu Tân Tiến	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 14"	104° 55' 12"							F-48-66-B-b
khu Văn Phú	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 29' 01"	104° 56' 48"							F-48-66-B-b
khu Vĩnh Thịnh	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 29' 43"	104° 56' 25"							F-48-66-B-b
khu Xe Ngà	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 27' 25"	104° 56' 31"							F-48-66-B-b
khu Xuân Hà	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 27' 56"	104° 55' 24"							F-48-66-B-b
khu Xuân Nhật	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 33"	104° 56' 39"							F-48-66-B-b
khu Xuân Thắng	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 33"	104° 55' 06"							F-48-66-B-b
núi Đọi	SV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 24' 50"	104° 56' 14"							F-48-66-B-b
đáy núi Đồng	SV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 31"	104° 53' 43"							F-48-66-B-b
núi Nhà Xe	SV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 46"	104° 54' 58"							F-48-66-B-b
sườn Bò	TV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập					21° 27' 21"	104° 54' 57"	21° 28' 18"	104° 56' 50"	F-48-66-B-b
sườn Ngà	TV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập					21° 28' 09"	104° 54' 30"	21° 29' 44"	104° 56' 24"	F-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
ngôi Rùa	TV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập			21° 27' 11"	104° 56' 21"	21° 29' 55"	104° 56' 48"	F-48-66-B-b		
ngôi Rường	TV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập			21° 25' 36"	104° 55' 12"	21° 27' 11"	104° 56' 21"	F-48-66-B-b		
ngôi Thiểu	TV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập					21° 27' 38"	104° 56' 19"	F-48-66-B-b		
khu 1	DC	xã Nga Hoàng	H. Yên Lập	21° 20' 45"	105° 00' 24"					F-48-67-A-c		
khu 2	DC	xã Nga Hoàng	H. Yên Lập	21° 21' 31"	105° 00' 35"					F-48-67-A-c		
khu 3	DC	xã Nga Hoàng	H. Yên Lập	21° 21' 41"	105° 00' 45"					F-48-67-A-c		
núi Đù	SV	xã Nga Hoàng	H. Yên Lập	21° 22' 19"	104° 59' 42"					F-48-66-B-d		
khu 1	DC	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 15' 25"	105° 07' 51"					F-48-67-A-d		
khu 2	DC	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 15' 40"	105° 08' 12"					F-48-67-A-d		
xóm Đồng Vang	DC	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 15' 06"	105° 08' 06"					F-48-67-C-b		
khu Kim Xuân	DC	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 15' 28"	105° 08' 32"					F-48-67-C-b		
khu Quang Trung	DC	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 13' 11"	105° 09' 16"					F-48-67-C-b		
đường tỉnh 330	KX	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập			21° 12' 20"	105° 10' 03"	21° 16' 09"	105° 08' 04"	F-48-67-C-b		
công ty Chè Ngọc Đồng	KX	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 14' 28"	105° 08' 49"					F-48-67-C-b		
cầu Ngọc Đồng	KX	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 14' 59"	105° 08' 33"					F-48-67-C-b		
khu 16	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 13' 00"	105° 07' 42"					F-48-67-C-b		
khu Đá Bàn	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 14' 21"	105° 05' 51"					F-48-67-C-a		
khu Hang Đùng	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 26"	105° 04' 52"					F-48-67-A-c		
khu Quang Tiến 1	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 13' 04"	105° 08' 13"					F-48-67-C-b		
khu Quang Tiến 2	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 13' 50"	105° 07' 40"					F-48-67-C-b		
khu Tân Thành 1	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 50"	105° 05' 49"					F-48-67-A-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu Tân Thành 2	DC	xã Ngoc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 22"	105° 05' 52"							F-48-67-A-c
khu Thống Nhất	DC	xã Ngoc Lập	H. Yên Lập	21° 14' 35"	105° 07' 14"							F-48-67-C-a
khu Thống Nhất 5	DC	xã Ngoc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 29"	105° 06' 23"							F-48-67-A-c
ngôi Yển	TV	xã Ngoc Lập	H. Yên Lập			21° 12' 34"	105° 09' 02"	21° 12' 31"	105° 08' 48"			F-48-67-C-b
đường tỉnh 313	KX	xã Ngoc Lập	H. Yên Lập			21° 12' 28"	105° 08' 10"	21° 16' 08"	105° 04' 42"			F-48-67-C-b
cầu Gốc Gạo	KX	xã Ngoc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 05"	105° 06' 01"							F-48-67-A-c
mỏ đá Hang Đùng	KX	xã Ngoc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 14"	105° 05' 10"							F-48-67-A-c
mỏ đá Hoa Ban	KX	xã Ngoc Lập	H. Yên Lập	21° 16' 03"	105° 04' 09"							F-48-67-A-c
Lâm trường Yên Lập	KX	xã Ngoc Lập	H. Yên Lập	21° 14' 47"	105° 06' 22"							F-48-67-C-a
xóm Bằng	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 18' 10"	105° 03' 06"							F-48-67-A-c
xóm Cả	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 57"	105° 03' 16"							F-48-67-A-c
xóm Đình	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 16' 59"	105° 04' 04"							F-48-67-A-c
xóm Đồng Du	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 18' 40"	105° 03' 03"							F-48-67-A-c
xóm Hầm	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 16' 38"	105° 04' 22"							F-48-67-A-c
xóm Mát	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 23"	105° 02' 58"							F-48-67-A-c
xóm Minh Tân	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 24"	105° 03' 39"							F-48-67-A-c
xóm Minh Thượng	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 18' 31"	105° 01' 59"							F-48-67-A-c
xóm Quang Trung	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 54"	105° 03' 37"							F-48-67-A-c
xóm Vòng I	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 49"	105° 04' 22"							F-48-67-A-c
xóm Xén	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 18' 02"	105° 04' 09"							F-48-67-A-c
đường tỉnh 313	KX	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập			21° 16' 08"	105° 04' 42"	21° 18' 12"	105° 03' 18"			F-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
cầu Đồng Đụn	KX	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 18' 29"	105° 03' 03"							F-48-67-A-c
mỏ đá Hang Chuột	KX	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 16' 48"	105° 03' 30"							F-48-67-A-c
mỏ đá Mèo Gù	KX	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 16' 38"	105° 03' 46"							F-48-67-A-c
cầu Suối Ải	KX	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 16"	105° 03' 30"							F-48-67-A-c
xóm Bưởi	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 30"	105° 01' 46"							F-48-67-A-c
xóm Cây	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 16"	105° 01' 08"							F-48-67-A-c
xóm Dân Chủ	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 19"	105° 00' 31"							F-48-67-A-c
xóm Đẳng	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 49"	105° 01' 38"							F-48-67-A-c
xóm Đình	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 09"	105° 01' 10"							F-48-67-A-c
xóm Đo	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 27"	105° 02' 04"							F-48-67-A-c
xóm Đồng Chung	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 26"	105° 00' 54"							F-48-67-A-c
xóm Đồng Hù	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 18' 38"	105° 01' 00"							F-48-67-A-c
xóm Gò Vệ	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 11"	105° 00' 32"							F-48-67-A-c
xóm Liên Sơn	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 18' 18"	105° 01' 04"							F-48-67-A-c
xóm Múc	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 54"	105° 00' 23"							F-48-67-A-c
xóm Ôi Lóc	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 25"	105° 00' 38"							F-48-67-A-c
xóm Quán	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 10"	105° 02' 06"							F-48-67-A-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 54"	105° 00' 44"							F-48-67-A-c
xóm Thiều	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 43"	105° 00' 33"							F-48-67-A-c
ngôi Cả	TV	xã Thượng Long	H. Yên Lập			21° 20' 06"	105° 00' 13"	21° 20' 42"	105° 02' 25"			F-48-67-A-c
khe Mu Rùa	TV	xã Thượng Long	H. Yên Lập			21° 19' 40"	104° 59' 10"	21° 19' 27"	105° 00' 22"			F-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
cầu Trắng	KX	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 18"	105° 01' 58"							F-48-67-A-c
xóm Cả	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 19' 55"	104° 56' 51"							F-48-66-B-d
xóm Châu Đá	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 20' 58"	104° 58' 28"							F-48-66-B-d
xóm Đảng	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 22' 24"	104° 56' 33"							F-48-66-B-d
xóm Đồng Mãng	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 22' 12"	104° 54' 19"							F-48-66-B-d
xóm Dũng	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 22' 16"	104° 57' 50"							F-48-66-B-d
khu Khe Bằng	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 20' 33"	104° 55' 00"							F-48-66-B-d
khu Khe Bóp	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 22' 53"	104° 55' 29"							F-48-66-B-b
khu Khe Gầy	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 22' 58"	104° 53' 55"							F-48-66-B-b
khu Khe Nhồi	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 23' 23"	104° 55' 56"							F-48-66-B-b
xóm Nai	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 20' 31"	104° 57' 06"							F-48-66-B-d
xóm Ngọt	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 18' 54"	104° 58' 30"							F-48-66-B-d
xóm Rich.	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 20' 18"	104° 56' 27"							F-48-66-B-d
xóm Sặt	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 21' 13"	104° 57' 38"							F-48-66-B-d
xóm Thôi	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 19' 44"	104° 57' 34"							F-48-66-B-d
núi Con Voi	SV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 17' 55"	104° 58' 09"							F-48-66-B-d
đèo Sáu	SV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 19' 20"	104° 59' 03"							F-48-66-B-d
ngôi Dành	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 19' 40"	104° 55' 51"	21° 20' 49"	104° 57' 28"			F-48-66-B-b
suối Đồng Mãng	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 20' 49"	104° 57' 28"	21° 22' 12"	104° 57' 21"			F-48-66-B-d
khe Ngay	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 18' 43"	104° 56' 58"	21° 20' 29"	104° 57' 08"			F-48-66-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Ngọt	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 21' 54"	104° 53' 33"	21° 21' 58"	104° 55' 11"	F-48-66-B-d
suối Rich	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 18' 26"	104° 59' 09"	21° 19' 46"	104° 57' 28"	F-48-66-B-d
ngôi Thới	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 21' 58"	104° 55' 11"	21° 23' 14"	104° 57' 55"	F-48-66-B-d
khu An Lạc I	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 21"	104° 59' 16"					F-48-66-B-b
khu An Lạc II	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 39"	104° 59' 20"					F-48-66-B-b
khu An Thọ I	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 15"	104° 59' 02"					F-48-66-B-b
khu Dân	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 11"	104° 58' 24"					F-48-66-B-b
khu Hòn I	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 24' 04"	104° 57' 38"					F-48-66-B-b
khu Liên Hiệp I	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 47"	104° 58' 50"					F-48-66-B-b
khu Liên Hiệp II	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 55"	104° 59' 31"					F-48-66-B-b
khu Thịnh	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 32"	104° 58' 18"					F-48-66-B-b
khu Vượng	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 24' 51"	104° 58' 42"					F-48-66-B-b
núi Dền	SV	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 23"	104° 57' 50"					F-48-66-B-b
khe Bùn	TV	xã Xuân An	H. Yên Lập			21° 23' 22"	104° 56' 57"	21° 23' 35"	104° 57' 29"	F-48-66-B-b
khe Châu	TV	xã Xuân An	H. Yên Lập			21° 25' 07"	104° 57' 49"	21° 43.4579	104° 58' 02"	F-48-66-B-b
hồ Độc Giang	TV	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 49"	104° 58' 37"					F-48-66-B-b
khe Khiêu	TV	xã Xuân An	H. Yên Lập			21° 23' 30"	104° 56' 43"	21° 23' 44"	104° 57' 28"	F-48-66-B-b
khe Quế	TV	xã Xuân An	H. Yên Lập			21° 24' 06"	104° 56' 19"	21° 24' 05"	104° 57' 29"	F-48-66-B-b
đường tỉnh 321A	KX	xã Xuân An	H. Yên Lập			21° 26' 04"	104° 58' 59"	21° 24' 42"	104° 58' 51"	F-48-66-B-b
xóm Cắm	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 22' 34"	105° 00' 43"					F-48-67-A-a
xóm Chính	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 32"	105° 01' 55"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Dầu I	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 22' 48"	105° 00' 56"							F-48-67-A-a
xóm Dầu II	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 22' 48"	105° 01' 24"							F-48-67-A-a
xóm Đù	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 23"	104° 59' 35"							F-48-66-B-b
xóm Hồng	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 23"	105° 00' 11"							F-48-67-A-a
xóm Liêm I	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 24' 02"	105° 01' 08"							F-48-67-A-a
xóm Liêm II	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 53"	105° 00' 59"							F-48-67-A-a
xóm Tân Lập	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 38"	104° 59' 51"							F-48-67-A-a
xóm Tân Thành	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 13"	105° 01' 32"							F-48-67-A-a
khu Đồng Xuân 1	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 06"	105° 00' 45"							F-48-67-A-a
khu Đồng Xuân 2	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 26"	105° 00' 37"							F-48-67-A-a
khu Đồng Xuân 3	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 01"	105° 00' 09"							F-48-67-A-a
khu Đồng Xuân 4	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 26"	105° 00' 37"							F-48-67-A-a
khu Quảng Đông 1	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 25' 14"	104° 59' 42"							F-48-66-B-b
khu Quảng Đông 2	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 52"	105° 00' 02"							F-48-67-A-a
khu Quảng Đông 3	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 39"	105° 00' 22"							F-48-67-A-a
khu Quyết Tiến 1	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 17"	104° 59' 41"							F-48-66-B-b
khu Quyết Tiến 2	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 23' 54"	104° 59' 39"							F-48-66-B-b
khu Vải Đặng 1	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 36"	104° 59' 20"							F-48-66-B-b
khu Vải Đặng 2	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 50"	104° 59' 24"							F-48-66-B-b
khu Vải Đặng 3	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 44"	104° 59' 37"							F-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu Vải Dạng 4	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 25' 05"	104° 59' 29"					F-48-66-B-b
đồi Nhạn	SV	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 25' 38"	105° 00' 10"					F-48-67-A-a
ngôi Giành	TV	xã Xuân Viên	H. Yên Lập			21° 24' 27"	104° 58' 24"	21° 25' 29"	104° 59' 40"	F-48-66-B-b
ngôi Lẽ	TV	xã Xuân Viên	H. Yên Lập			21° 23' 46"	105° 00' 40"	21° 25' 25"	104° 59' 37"	F-48-66-B-b
hồ Vải	TV	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 47"	104° 59' 19"					F-48-66-B-b
đường tỉnh 321	KX	xã Xuân Viên	H. Yên Lập			21° 23' 52"	105° 00' 44"	21° 22' 27"	105° 01' 06"	F-48-67-A-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

